Sách Truyện Online

Ngày Vui Đời Quân Ngũ

Tác giả: Lê Bá Vận

YKHHN

HỘI ÁI HỮU ĐẠI HỌC Y KHOA HUẾ

Hải Ngoại

Tết Giáp Ngọ 2014

NGÀY VUI ĐỜI QUÂN NGŨ

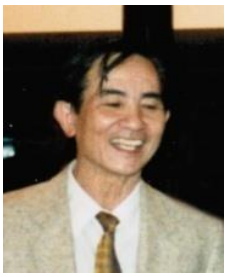

Lê Bá Vận

(Thân tặng các bác sĩ cựu sinh viên trường ĐHYK Huế đã sống những ngày hào hùng, phục vụ với danh dự, lòng quả cảm và tình thương trong ngành quân y Quân lực VNCH.)

"Lương nhân nhị thập ngô môn hào,
Đầu bút nghiên hề sự cung đao." (Đặng Trần Côn.)

(Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt. Xếp bút nghiên theo việc đao cung. Đoàn Thị Điểm. Chinh Phụ Ngâm.)

Mục Lục:

1-Lời Mở Đầu (tr 3-4). **2**-Trình Diện Nhập Ngũ (tr 5-7). **3**-Những Ngày Chuẩn Bị (tr 7-9). **4**-Nhận Nhiệm Sở (tr 9-11). **5**-Thành Mang Cá (tr 11-14). **6**-Tháng Lương Đầu Tiên (tr 14-17). **7**-Người Y Sĩ Trưởng (tr 17-22). **8**-Lái Quân Xa (tr 22-26). **9**-Quân Phục Mùa Đông (tr 26-29). **10**-Hành Quân Văn Xá (tr 30-36). **11**-Bản Đàn Vọng Cổ (tr 36-44). **12**-Trên Đỉnh Hải Vân (tr 44-55). **13**-Chiếc xe hơi TBB117 (tr 55-70). **14**-Giã Từ Quân Ngũ (tr 70-75). **15**-Lời Kết (tr 75-81). **16**-Phụ Lục (tr 81-92). Vài dòng tiểu sử **LBV** (tr 93).

1. Lời Mở Đầu

Tôi đã có vinh hạnh phục vụ trong hàng ngũ Quân lực VNCH trong 2 năm, từ cuối hè 1957 đến cuối hè 1959. Đáng nhẽ tôi có thể nhập ngũ từ năm 1951 lúc có lệnh động viên ban hành trên toàn quốc, song được hoãn dịch vì đang học đại học tại Hà Nội.

Tình hình trong nước từ nam chí bắc lúc bấy giờ như sau:
-Tạm ước sơ bộ Pháp-Việt ký ngày 5-6-1948 tại vịnh Hạ Long công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập trong khối Liên hiệp Pháp.
-Hiệp ước ngày 8-3-1949 tiếp theo, ký tại điện Elysée, Paris giữa Quốc trưởng Bảo Đại và Tổng thống Pháp Vincent Auriol chính thức hủy bỏ Hòa ước bảo hộ năm Giáp Thân 1884.
Việt Nam hoàn toàn độc lập tất có quân đội riêng, Pháp thỏa thuận giúp Việt Nam thành lập quân đội Quốc gia.

Có 2 trường đào tạo quân nhân cấp sĩ quan để thay thế người Pháp:

1-Trường sĩ quan hiện dịch:

Năm 1949 trường Võ Bị Liên quân Quốc gia được thành lập tại thành phố Huế. Năm 1950, trường được dời về thành phố Đà Lạt và năm 1959 đổi tên thành Trường Võ bị Quốc gia Việt nam đào tạo các sĩ quan hiện dịch Quân lực VNCH. Chương trình học kéo dài 4 năm, tương đương Cử Nhân. Năm 1970 có 241 khóa sinh. Ra trường mang cấp thiếu úy.

2-*Trường sĩ quan trừ bị*:

Ngày 23-12-1950, Pháp-Mỹ-Việt ký hiệp định hỗ tương, phòng thủ và viện trợ quân sự; theo đó, Mỹ viện trợ cho VN 2 tỷ Mỹ kim trong bốn năm, từ 1950 đến 1954 để trang bị cho quân-đội.

Ngày 9-10-1951 khóa sĩ-quan trừ bị đầu-tiên khai giảng tại Nam Định và Thủ Đức. Trường sĩ-quan Trừ bị Nam Định chỉ đào-tạo được một khóa rồi đóng cửa, năm 1952. Trường sĩ-quan Trừ-bị Thủ Đức hoạt-động tới cuối tháng 4-1975; mỗi năm đào tạo một khóa, học 9 tháng quân sự. Sau biến cố Tết Mậu Thân mỗi năm đào tạo 6 đến 8 khóa. Các chuẩn úy ra trường phải phục vụ trong quân đội 4 năm.

Có 2 biến cố lớn thử thách quân đội quốc gia lúc ban đầu, đang trưởng thành:

*Vào giữa năm 1955 tại miền Nam quân đội quốc gia dẹp tan lực lượng vũ trang Bình Xuyên, đánh thắng giáo phái Phật giáo Hòa Hảo và thu phục lực lượng giáo phái Cao Đài. Quân lực được thống nhất. Pháp hoàn toàn triệt thoái khỏi Việt Nam vào tháng 4/1956.

**Vào ngày 20-12-1960 "Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam" được thành lập. Chủ trương của Mặt trận là: "*Đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo và thân sĩ yêu nước không phân biệt xu hướng chính trị, để đấu tranh lật đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn Ngô Đình Diệm tay sai Mỹ, thực hiện độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc*."

Thực ra thì vào năm 1960 người Mỹ có mặt ở miền Nam là ít và chỉ là những nhóm nhỏ các cố vấn về tổ chức và chuyên môn, chính quyền Ngô Đình Diệm bảo vệ chặt chẽ chủ quyền quốc gia, không để lính Mỹ vào nước giúp đỡ.

Lá cờ của Mặt Trận cũng là sao vàng cờ đỏ nhưng có thêm màu xanh ở dưới. Cờ này xem nhẹ mắt nhờ phần xanh mà chung cuộc sẽ nhuộm đỏ luôn lúc Mặt trận giải phóng miền Nam giải thể ngày 31-1-1977, sát nhập vào Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam.

Lá cờ Mặt Trận GPMN

Hiệu Kỳ trường Đà Lạt

Hiệu Kỳ trường Thủ Đức

***

2. Trình Diện Nhập Ngũ

Giữa hè 1957 tôi được bộ Quốc Phòng gọi trưng tập nhập ngũ với cấp bậc 'Y sĩ Trung úy' tức là bác sĩ quân y. Giấy thông báo được gởi đến nhà. Ngỡ rằng ít ra các sinh viên Y Khoa 'Nội Trú Bệnh Viện' và ngay cả 'Ngoại Trú Bệnh Viện' được tạm hoãn dịch do nhu cầu ở các bệnh viện thực tập, không ngờ mọi người đều được gọi.

Đúng ngày ghi trong giấy trưng tập tôi ăn mặc chỉnh tề, áo sơ-mi trắng tay dài bỏ trong quần tây màu xanh đen, mang giày tây màu đen, tuy nhiên không mang cà vạt đến trình diện tại Nha Quân Y, Quân lực VNCH, cũng ở gần TYV Cọng Hòa. Hôm đó có khoảng hơn 10 sinh viên đến. Tôi nghĩ các ngày hôm sau sẽ có thêm các đợt khác.

Các Y sĩ Trung Úy tương lai được BS. Trần Quang Diệu, Y sĩ Đại Tá Giám Đốc Nha Quân Y thân mật tiếp đón chuyện trò tại văn phòng giám đốc. BS. T.Q. Diệu chắc học ở Pháp về, đã lớn tuổi, người dễ dàng, tướng ngũ đoản song không có vẻ oai nghi gây ấn tượng như TT. Ngô Đình Diệm. Chừng hơn một năm sau thì Y Sĩ Trung Tá Phạm văn Hạt lên thay làm giám đốc Nha Quân Y.
Lúc được hỏi nguyện vọng chọn nhiệm sở thì tôi xin ra miền Trung, cụ thể ra Huế. Cha mẹ tôi năm 1954 di cư từ Đồng Hới vào Nam được tàu thủy quân đội Pháp loại há mõm dùng đổ bộ quân cụ (xe cộ) chở chật ních dân di cư từ bến chợ Đồng Hới, ngang cửa sông Nhật Lệ mang thẳng đổ vào bãi Tiên Sa chẳng có người ở, đối diện bên kia sông thị xã Đà Nẵng.

'*Đất lành chim đậu,'* cha mẹ tôi thuê rồi mua nhà ở lại, gần nhà ga Đà Nẵng. Cha mẹ vợ sắp cưới thì ở tại Huế kiệt 3 đường Âm Hồn, Thành nội.

Di cư vô miền Nam. Tàu đổ bộ há mõm của Pháp

Ga Đà Nẵng xưa, đ. Nguyễn Hoàng (nay đ. Hải Phòng)

Sự vụ lệnh được làm ngay sáng hôm đó trao cho tôi và tôi cầm đọc là tôi, nay là Y Sĩ Trung Úy, đến trình diện tại Sở Quân Y Quân Khu 1 tại Đà Nẵng, không ghi thêm rồi sẽ điều động đến binh chủng nào, mà lúc đó tôi cũng không hề có ý định tìm hiểu. Tôi nghĩ Huế Đà Nẵng đều tốt, và nói chung khắp miền Nam từ Đông Hà/Quảng Trị vào đến tận Cà Mau và biên giới Campuchia đều tốt.

Vào thời điểm này ở toàn miền Nam cảnh thái bình an vui:
Năm 1954 là năm đồng bào miền Bắc di cư cả triệu vào Nam, rất vất vả.
Năm 1955 là năm bình định các phong trào vũ trang Bình Xuyên, Hòa Hảo, Cao Đài, cũng khó khăn.

Năm 1960 (cuối tháng 12) là năm Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập, chiến cuộc bắt đầu, từ từ nhưng tăng dần đến khốc liệt.

Giai đoạn trên 5 năm ở giữa, từ 1956 đến 1960 là thời gian miền Nam an hưởng thái bình thịnh trị, hồ hởi, sung túc. Không có chiến tranh, không có các phong trào phản chiến/chống đối trong nước và tôi đã phục vụ trong quân lực VNCH vào thời gian đó. Ở miền Nam tàu hỏa chạy suốt ra Quảng Trị, Đông Hà kể từ năm1959 sau khi hoàn tất sửa chữa các đoạn đứt khúc, xe đò xe khách tấp nập chạy khắp lục tỉnh an toàn.

Xe đò ĐN-QNgãi trước 1975

Xe lửa ĐN- Huế trước 1975, Ga Huế xưa

Xe lửa chạy bằng máy hơi nước phải dùng than củi đốt nồi súp-de nên xe chạy khá chậm, đường sắt hẹp 1m.

Trước hiệp định Geneva chia đôi đất nước năm 1954, chính quyền quốc gia tuy kiểm soát thêm miền Bắc nhưng giao thông bắc nam lại gián đoạn ở miền Trung tại

các tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh và Quảng Ngãi/ Bình Định mà vẫn thuộc quyền chính phủ cọng sản kiểm soát. Hồi đó nhà cha mẹ tôi ở Đồng Hới, tôi vào Sài Gòn rồi ra Hà Nội học đều phải đáp máy bay các hãng Cosara, Aigle Azur, Air Vietnam…

***

3. Những Ngày Chuẩn Bị

Đến Nha Quân Y trình diện trưng tập xong xuôi, về nhà tức là về Học xá Trung Việt nơi tôi ở cùng với các bạn bè miền Trung, số 27-29 đường Bùi Quang Chiêu (đường Cá Hấp cũ, nay là Đặng Thị Nhu) trước mặt chợ Bến Thành, bên kia bùng binh. Không nghe nói quân trang được cấp phát, tôi tự bỏ tiền may sắm, cũng chẳng có gì nhiều. Toàn là vải kaki màu vàng đất của lính gồm 2 sơ-mi tay dài, 2 quần tây dài, một mũ bê-rê (mũ nồi dẹp.) Đặc biệt mua thêm cặp hoa mai vàng, phù hiệu cấp bậc trung úy, gắn vào 2 bên cổ áo. Có mua thêm phù hiệu quân y là con rắn quấn quanh một cây gậy, song tôi chẳng mấy khi đeo vào. Mũ két, giày bốt, cà vạt màu đen hoặc kaki vàng thì chưa cần thiết. Dây nịt màu đen thì đã có sẵn, giày tây cũng vậy. Trọn gói mặc vào thì ngắm lui tới cũng ra vẻ là một bác sĩ quân y trẻ tuổi, quân lực VNCH.

> "*Quân y trang phục hồng như hà,*
> *Quân kỵ kiêu mã bạch như tuyết*."
> (Đặng Trần Côn.)

(Áo chàng đỏ tựa rán pha. Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in. Đ.T. Điểm. Chinh Phụ Ngâm.) Tôi thường ngâm nga các câu này do chữ "quân y" đọc lên có thể hiểu là "áo chàng" hoặc là "ngành quân y." Sau này nhiều bác sĩ ĐHYK Huế: các BS. Tôn Thất Sơn, Nguyễn Văn Minh, Huỳnh Mỹ, Lê Quang Tiến, Vĩnh Chánh, Bùi Cao Đẵng… ra trường đã chọn binh chủng Nhảy Dù, các thiên thần mũ đỏ, quân phục đại lễ trắng: "Mũ chàng đỏ tựa rán pha. Áo chàng sắc trắng như là tuyết in…" *Quân quan trang phục hồng như hà. Quân y/phục đại lễ bạch như tuyết* (quan=mũ.)

Trong việc mua sắm quân phục tôi nhờ các bạn trong học xá cố vấn. Trong học xá Cá Hấp cũng có đến 10 bạn là sinh viên Y Khoa Sài Gòn, thuộc các lớp sau tôi ít nhiều năm, trong đó gần một nửa là sinh viên của trường Quân Y, đi học ăn lương, mang lon chuẩn úy.
Trường Quân Y được thành lập từ năm 1952 tại Hà Nội; sinh viên của trường được tuyển từ các sinh viên Y khoa và vẫn tiếp tục theo học chung tại trường Y Hà Nội. Khi tốt nghiệp sẽ mang lon Y sĩ Trung Úy hiện dịch với giao kèo phục vụ trong quân đội thời gian tối thiểu 10 năm. Thời gian theo học sinh viên quân y có thể ở nội trú trong trường hoặc ở ngoài. Điều quan trọng là trong thời gian học sinh viên quân y được hưởng lương theo cấp bậc.

Tôi lúc đó cũng có do dự nhưng sau quyết định vẫn là sinh viên dân y, khi tốt nghiệp ra trường chỉ trưng tập vào quân đội 2 năm. Mặt khác về tài chánh tôi đang được học bổng đại học toàn phần của bộ Quốc gia Giáo dục.

Năm 1954 trường Quân Y dời vào Nam. Sau biến cố Tết Mậu Thân đầu năm 1968, Trường YK Huế tạm dời vào Sài gòn được trường Quân Y, lúc đó Y sĩ Trung tá Trần Minh Tùng là chỉ huy trưởng, giúp đỡ rất nhiều về phòng ốc ăn ở học tập. Tuy nhiên sinh viên Huế cũng học 7 năm Đại học (1 năm dự bị Y + 6 năm Y) tất cả chẳng ai là sinh viên quân y, lúc ra trường mới vào quân đội. Lý do là trường Quân Y tọa lạc tại Sài Gòn.

Các bác sĩ trưng tập đều được huấn luyện quân sự.

BS.Tôn Thất Sang (YK3 Huế) – Y sĩ Trưng Tập khóa 12 kể chuyện nhập ngũ như sau: *"Năm 1970 sau khi nhận được thư gọi trưng tập, tất cả các Y Nha Dược Sĩ toàn miền Nam, vào cục Quân Y trình diện, nhận quân phục, với huy hiệu cục Quân Y đỏ chói trên vai trái, mua thêm cặp lon trung úy tự gắn lên hai cầu vai, ra hàng bán huy chương quân đội mua thêm huy hiệu con rắn quấn chiếc gậy màu vàng, gim lên nắp túi áo bên phải và tất cả bỗng nhiên trở thành viên Y Sĩ Trung Úy mới toanh! …Vài ngày sau, tất cả tập trung tại trường Quân Y (hay Cục Quân Y?) và tất cả các viên Y Nha Dược Sĩ mới toanh với lon trung úy trên vai, được nhiều chiếc GMC nhắm hướng liên trường võ khoa Thủ Đức trực chỉ…"*

BS. Hoàng Thế Định YKHuế, khóa 2 kể:

"Các khóa sinh viên sĩ quan thì phải qua đến 9 tháng học quân sự, với mọi bài học quân sự và thực tập gắt gao mới được trở thành một sĩ quan. Khóa Y Sĩ Trưng Tập chúng tôi chỉ kéo dài 9 tuần lễ. Với thời gian ngắn ngũi ấy, các lớp học chỉ là căn bản, chúng tôi cũng đi học ở các bãi tập, cũng bò dưới hỏa lực, ném lựu đạn, tháo ráp súng Carbine và M16 và tập bắn, đáng nhớ đời có lẽ là ai trong chúng tôi cũng nhớ lúc bắn thử M60 từng loạt và từng viên một...Cuối khóa, chúng tôi cũng có thi ra trường trên lý thuyết và bắn thi hai loại súng cá nhân kể trên. Ra trường chúng tôi được phát bằng tốt nghiệp với thứ hạng đàng hoàng. Rời Quân Trường Thủ Đức là đến học về Hành Chánh Quân Y tại Trường Quân Y ở Sàigòn. Sau 5 tuần, mọi học viên được triệu tập trong một phòng để chọn đơn vị tùy theo thứ tự tốt nghiệp từ Quân Trường Thủ Đức và Hành Chánh Quân Y". (BS. HTĐịnh "Nhật Ký Đoạn Đời Quân Ngũ". Ykhoahuehaingoai.com).

Mười ba năm cách biệt 1957-1970 biết bao thay đổi. Năm 1970 BS. H.T. Định được gọi đi trưng tập, trước tiên vào quân trường Thủ Đức thụ huấn 9 tuần quân sự, 5 tuần hành chánh, có thi mãn khóa. Năm 1957 tôi trưng tập thì người ta để yên, không gọi đi học lấy một buổi, cũng chẳng ai phát tài liệu gì để học tập, nha Quân Y không tổ chức gì, chẳng có kế hoạch huấn luyện gì. Năm đó trong nước nghĩ lại thật

là thái bình, bác sĩ quân y trưng tập thì học bò lết, bắn súng, ném lựu đạn mà làm gi? Mà cũng phần nào do nha Quân Y tổ chức còn rời rạc luộm thuộm?

Năm 1964 nhờ công lao cải tổ của BS.Dương Minh Châu, chánh sở kế hoạch (1964-73), Nha Quân Y trở thành Cục Quân Y, thành lập 13 tiểu đoàn Quân Y cho 11 sư đoàn bộ binh, thủy quân lục chiến, nhảy dù. Lại thêm các kho y dược, trung tâm hồi lực, quân y viện, bệnh viện dã chiến, bệnh viện tiểu khu, bệnh xá chi khu (có bác sĩ), tất cả hầu đáp ứng cho chiến trường đang trở nên sôi động. Cục trưởng Quân y là Y sĩ Thiếu Tướng Vũ Ngọc Hoàn, Cục trưởng cuối cùng là Y sĩ Chuẩn tướng Phạm Hà Thanh.

Các bạn tôi ở học xá, sinh viên trường quân y mách khôn tôi xin đáp máy bay quân sự ra Đà Nẵng, không tốn tiền. Những máy bay này chạy như những con thoi giữa Sài Gòn Đà Nẵng, tuần lễ thường có hai ba chuyến. Sớm tinh sương đã phải ra phi trường Tân Sơn Nhất, gần trưa tới Đà Nẵng. Tôi làm theo, mọi việc thuận lợi vì nay tôi đã là một y sĩ trung úy, có vai vế, người trong nhà. Máy bay quân sự DC3 (Douglas DC3, Hoa Kỳ) hai động cơ cánh quạt, 2 người lái, băng ghế dài bằng sắt, dọc hai bên thân máy bay, ngồi ngang tuy không tiện nghi nhưng an toàn. Khác với Air Việt Nam lúc đó đường SG-ĐN dùng thêm DC4 bốn động cơ cánh quạt, 4 phi hành đoàn, hành khách ngồi ghế đệm thoải mái êm ái hơn, có tiếp viên hàng không, có ăn uống nhưng phải mua vé máy bay cũng năm bảy trăm đến ngàn đồng một lượt. Tôi nghe người ta khen máy bay DC4 bay rất đằm, tốt, an toàn; máy bay DC3 nhỏ hơn, có lóc chóc phần nào nhưng rất tốt, rất bền, dễ lái, dễ bảo trì, lên xuống dễ ở phi đạo ngắn.

DC4, 86 hành khách, vận tốc đường trường 365 kmh

DC3, 30 hành khách, cruise speed 333 kmh

***

4. Nhận Nhiệm Sở

Đáp máy bay quân sự ra Đà Nẵng lần đầu tiên nhưng tôi biết Đà Nẵng khá rõ vì hai kỳ nghĩ hè trước tôi ra thị xã này bằng xe đò. Đà Nẵng năm 1957 tấp nập hơn năm 1954 do có đông dân di cư từ ngoài vĩ tuyến 17 vào song vẫn chưa lớn thêm nhiều. Từ chợ Hàn xuống chợ Mới khoảng 2 cây số còn nhiều đám đất hoang, bụi bờ. Trường Trung học Phan Châu Trinh, Đà Nẵng bắt đầu khai giảng năm 1952, đến

niên khóa 1958-59 mới mở lớp đệ tam (trung học gồm 7 năm bắt đầu từ lớp đệ thất đến lớp đệ nhất.) BS. Tô Đình Đài YKHuế kể lại: "*Sau khi tốt nghiệp Trung học đệ nhất cấp (cuối lớp đệ tứ) ở Đà Nẵng năm 1956, tôi ra Huế vào học trường Quốc Học. Trong 3 năm học ở đây, tôi có cơ duyên*…"(BS.Tô Đình Đài 'Tưởng nhớ…' ykhoahuehaingoai.com.)

Chợ Hàn trước năm 1975

Chợ Mới, Đà Nẵng

Trường Trung Học PCTrinh trước năm 1975

Đà Nẵng cho đến cuối thập kỹ 50 thế kỹ trước, dân số chỉ xấp xỉ hơn ½ dân số Huế, thủ phủ miền Trung. Bệnh viện, trường học… các công ốc đều nhỏ. Tuy nhiên tiềm năng kinh tế và chiến lược của vùng đất này to lớn. Đến năm 1965 Mỹ khởi sự đổ quân vào Việt Nam, bước đầu là một tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đổ bộ vào bãi biển Đà Nẵng.

Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đổ bộ vào bãi biển Đà Nẵng ngày 10/4/1965

Thành phố này sôi động hẳn lên, kéo theo rất nhiều hệ quả về kinh tế, xã hội. Đà Nẵng xây cất thêm, tấp nập, phát triển nhanh chóng nhưng chỉ đặc biệt về các công trình quân sự.

Ra đến Đà Nẵng sáng hôm sau trong bộ đồ quân phục, tôi hỏi tìm đường đến sở quân y. BS. Tô Đình Cự là Y sĩ Thiếu tá Giám đốc sở tiếp tôi ân cần thân mật như đối với một đồng nghiệp đàn em. Về sau này tôi biết thêm là các bác sĩ T.Đ. Cự, Lê Khắc Quyến, Phạm Biểu Tâm, Tôn Thất Tùng, Đặng Văn Chung … là đồng thời cùng học tại trường ĐHY Hà Nội. BS.T.Đ. Cự khi được trưng tập vào quân đội thì mang ngay lon y sĩ thiếu tá, đó là tính theo thâm niên ngày ra trường.

Tôi tự giới thiệu và nói nguyện vọng ra Huế, không nói hẳn ở đâu ngoài Huế vì 2 lẽ; thứ nhất là tôi không biết ở Thừa Thiên Huế có những gì, đơn vị nào, thứ hai là tôi nghĩ ở đâu cũng vậy thôi vì khắp nước mọi nơi đều thái bình an lạc và dù sao tôi dự định gần 2 năm là làm đơn xin giải ngũ qui định.

BS. Cự vui vẻ bảo: "*Anh sẽ ra Bệnh xá bệnh viện Huế. Ở đó đang có anh BS.Nguyễn Tường Vân*." Và ký ngay sự vụ lệnh cho tôi. Tôi hỏi thêm thì được cho

biết đó là bệnh xá bệnh viện quân y Mang Cá. Thật thấy khỏe bụng, chẳng xin xỏ gì nhiều mà được ở ngay tại thành phố. Mặt khác tôi cũng quen biết với BS.NTVân vì trước đó cùng là Nội Trú Bệnh viện. BS. Vân, người miền Nam học lớp trên tôi. Cũng là y sĩ Trung Úy nhưng anh trưng tập trước tôi và ra Huế trước. Cũng thấy lạ, BS. N.T. Vân người miền Nam lại xin bổ nhiệm ra Huế!

Nghỉ ngơi ở Đà Nẵng 2 ngày, sáng thứ năm tôi đáp xe đò chuyến sớm nhất ra Huế. Tôi mặc quân phục, nhưng không gắn phù hiệu 2 hoa mai trung úy khi đi đường, và chỉ xách một ba-lô nhẹ. Tôi dự tính sau khi trình diện nhiệm sở, thu xếp chỗ trọ, đến thăm nhà cha mẹ vợ tương lai rồi sẽ trở lại Đà Nẵng cuối tuần để mang nốt hành lý ra Huế. Tôi cũng không loại bỏ khả năng có thể ở ngay trong bệnh viện tạm một thời gian.
Đến Huế, tôi đi xích lô qua cửa Thượng Tứ, thẳng đường Cầu Kho (đường Đinh Tiên Hoàng) vào cổng trại Mang Cá. Qua cổng đi tiếp bên tay trái nhiều dãy nhà ngói dài, bên tay phải bãi cỏ rộng, bụi bờ; đến gần sát tường Thành nội phía bắc, quẹo phải vào cổng bệnh viện, 2 bên đường đều có dãy nhà trông đẹp mắt.

Đến nơi đã thấy BS.N.T. Vân, y sĩ trưởng bệnh xá bệnh viện (infirmerie - hôpital) từ văn phòng bước ra bắt tay vui vẻ. Nhân viên văn phòng đứng dậy chào mừng.

Chúng tôi cùng đi thăm các phòng trại bệnh, kho thuốc, phòng mổ, khu xét nghiệm…tất cả đều rộng rãi khang trang thoáng mát. Một số trại bệnh được xây cất trên bờ thành. Đứng trên thành trông qua hào sâu, bên kia là địa phận Bao Vinh. Có một con đường dài dọc theo hào, sau này tôi biết đó là đường Tăng Bạt Hổ chạy bọc mặt bắc của kinh thành Huế.
Ở bệnh xá bệnh viện bước qua, không có giới hạn ngăn cách là doanh trại của Đại Đội 1 Quân Y, thuộc Sư Đoàn 1 Bộ binh, cũng rộng bằng 1/2 bệnh viện. Hồi đó chỉ có đại đội quân y, chưa có tiểu đoàn quân y. BS. Phạm Văn Giàu, Y sĩ Trung úy trưng tập là Đại đội trưởng. BS.Giàu người miền nam, học ở Pháp về, được trưng tập vào quân đội, ra Huế. Trong đại đội quân y 1 còn có Nha sĩ Trung úy Đoàn Ân và Dược sĩ Trung Úy Lưu Son cả 2 đều là người Huế. Từ đây quẹo phải, đi hết đường quẹo trái ra cổng cửa Trài.

***

5. Thành Mang Cá Lớn, Nhỏ

Hàng ngày vào Bệnh xá bệnh viện Mang Cá làm việc tôi vẫn đi theo đường cổng Cửa Trài. Có hai Mang Cá, lớn và nhỏ.

*Mang Cá Lớn - Vùng này trong đó tọa lạc bệnh xá bệnh viện, Đại đội quân y 1 … và cả bản doanh Sư đoàn 1 được gọi là Mang Cá Lớn, nằm trong nội vi kinh thành Huế tại góc đông bắc, có cửa Trài tức là cửa Đông Bắc đi ra.

Năm 1986 Toàn quyền Pháp Paul Bert ép buộc Triều Đình Huế (Vua Đồng Khánh) nhường khu đất này để họ xây dựng thêm doanh trại, bệnh xá, nhà nguyện…cho nên nhà cửa trong khu Mang Cá lớn được xây kiên cố. Pháp còn còn xây một bức tường thành cao bằng đá và gạch để ngăn cách phần "tô giới" Mang Cá Lớn mà họ thụ đắc trong Thành Nội.

*Mang Cá Nhỏ - hoặc Trấn Bình Đài cũng ở góc đông bắc, là một thành phụ nhỏ được xây áp vào mặt ngoài Thành nội, có hào sâu ngăn cách, có cửa Trấn Bình Môn thông với Mang Cá Lớn và cửa Trường Định Môn, phía nam thông ra ngoài gần cửa Trài. Mang Cá Nhỏ, hoàn toàn nằm ngoài Thành Nội, được triều Nguyễn xây như một pháo đài hình 5 cạnh, mỗi cạnh dài khoảng 200 m. Trong Trấn Bình Đài có xây nhiều giàn đại pháo…và có 2 cái hồ nằm theo hình chữ V trông giống như 2 mang cá nên có tên gọi 'mang cá' trong nhân gian. Pháp chiếm Trấn Bình đài (Mang Cá Nhỏ) sau Hiệp ước bảo hộ Patenôtre năm Giáp Thân 1884. Qua năm 1886 Pháp giành thêm Mang Cá Lớn là đất trong thành, kề với Mang Cá Nhỏ và lớn hơn khoảng hai ba lần (do vậy có tên Mang Cá Lớn.) Cả 2 Mang Cá diện tích ước chừng 1/20 toàn bộ Thành nội. Hiện nay Mang Cá Lớn là doanh trại quân đội nhân dân và Viện Quân y 268.

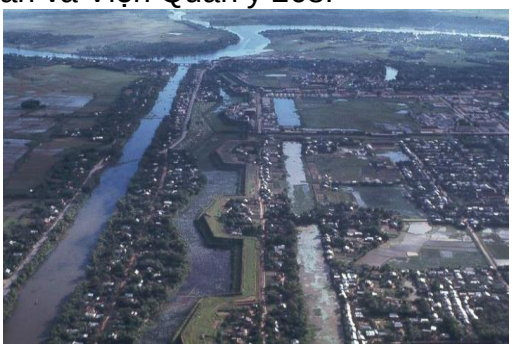

Sông đào Cửa Hậu (trái), nhìn ra xa là phố cổ Bao Vinh.

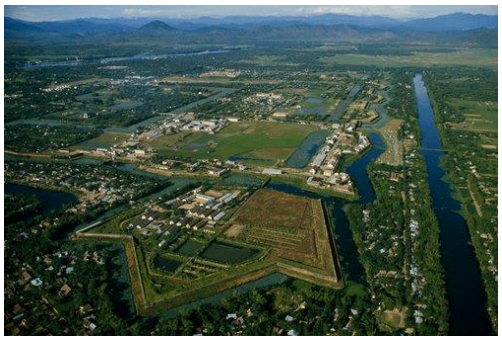

Đồn Mang Cá, hình hài rất đẹp. Sông đào Cửa Hậu (phải)

Mặc dầu có cơ sở rất tốt song ở bệnh viện Mang Cá số lượng bệnh nhân hồi đó điều trị không nhiều (dưới 100) do đó qui chế là một Bệnh xá bệnh viện. Các nơi khác có tình thế khác song tiện nghi không sánh được BV. Mang Cá. Lấy ví dụ một bệnh viện Dã chiến:
BS. Phùng Hữu Chí thuộc ĐHYK Huế kể lại: "*Vào cuối năm 1962 tôi đã làm Y sĩ Trung úy tại bệnh viện 2 Dã chiến (nói là bệnh viện chứ thực ra chỉ là vài căn nhà lá trên một bãi đất trống) ở trong một khu rừng ở ngoại ô Kontum thì…"* (P.H. Chí 'Một kỷ niệm…' ĐS. YKH Hải ngoại 2006, tr.112.)

Ngay cả Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng các trại bệnh cũng chưa phải là lý tưởng:

> "*T.Y.V. Duy Tân sát phi trường, doanh trại bao gồm các nhà cũ kỹ nguyên là một phần của cư xá không quân quân đội viễn chinh Pháp, được tu sửa cải biến thành một quân y viện. Thiếu mặt bằng nên khi có nhu cầu bành trướng, các công trình về sau thường chắp vá không theo một đồ án nhất định nào. Do vậy ngoại cảnh trông có vẻ ngổn ngang và sự di chuyển thương binh giữa các phòng trại gặp nhiều trở ngại. Các phòng giải phẫu, săn sóc đặc biệt, các phòng trại vừa cũ vừa nhỏ hẹp không xứng với tầm vóc to lớn về số giường*

bệnh và công lao điều trị…" (Phạm Viết Tú, Quân Y hiện dịch khoá 5, 'T.Y.V. Duy Tân'; nguồn mạng.)

Cuối năm 1958 Bệnh xá bệnh viện Mang Cá (infirmerie – hôpital) được cải tên thành "Chi nhánh Tổng Y viện Duy Tân" và ít năm sau đó, lúc tôi đã giải ngũ, được tăng thêm số giường bệnh, nâng cấp thành Quân Y viện Nguyễn Tri Phương (hôpital militaire) nằm kề cận bộ Tư lệnh Sư đoàn 1 bộ binh. Tôi không rõ bệnh viện sau này có xây cất thêm gì không vì khu Mang Cá lớn còn đất đai bỏ trống rất nhiều.

Thời gian từ cuối năm 1962 tình hình chiến cuộc bắt đầu sôi động. Sư đoàn 1 và lực lượng Dù gia tăng chiến dịch hành quân bình định lãnh thổ do vậy quân y viện bắt đầu có thương binh lai rai thật sự. Chiến trường càng khốc liệt, năm 1971 trong trận Hạ Lào, hành quân Lam sơn 719 (2/1971) Q.Y.V. Nguyễn Tri Phương phải lập thêm các trạm tiền phương tại Đông Hà, Quảng Trị để tiếp nhận thương binh. Lúc BV N.T. Phương quá tải, Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng phải nhận trực tiếp thương binh từ tiền tuyến chở trực thăng về.

Ban giảng huấn trường Đại học Y khoa Huế có nhiều vị đã từng phục vụ tại bệnh viện Mang Cá với cấp bậc Y sĩ trung úy. Thoạt tiên tôi về đó khi còn danh xưng là bệnh xá bệnh viện Mang Cá. Đến giai đoạn chi nhánh T.Y.V. Duy Tân rồi Quân y viện Nguyễn Tri Phương thì có các bác sĩ Lê Văn Bách, Nguyễn Văn Tự, Nguyễn Văn Đệ, Lê Xuân Công …mà sẽ được biệt phái qua trường ĐHYK Huế vào các năm 1962, 1963, 1964, 1969?... Một số bác sĩ tốt nghiệp từ ĐHYK Huế cũng đã từng phục vụ tại quân y viện Nguyễn Tri Phương chẳng hạn BS. Tôn Thất Hứa YK1, BS. Lê Văn Danh YK2, BS. Phan Tiên Thái YK5, hiện là đương kim chủ tịch hội Ái Hữu ĐHYK Huế Hải Ngoại.

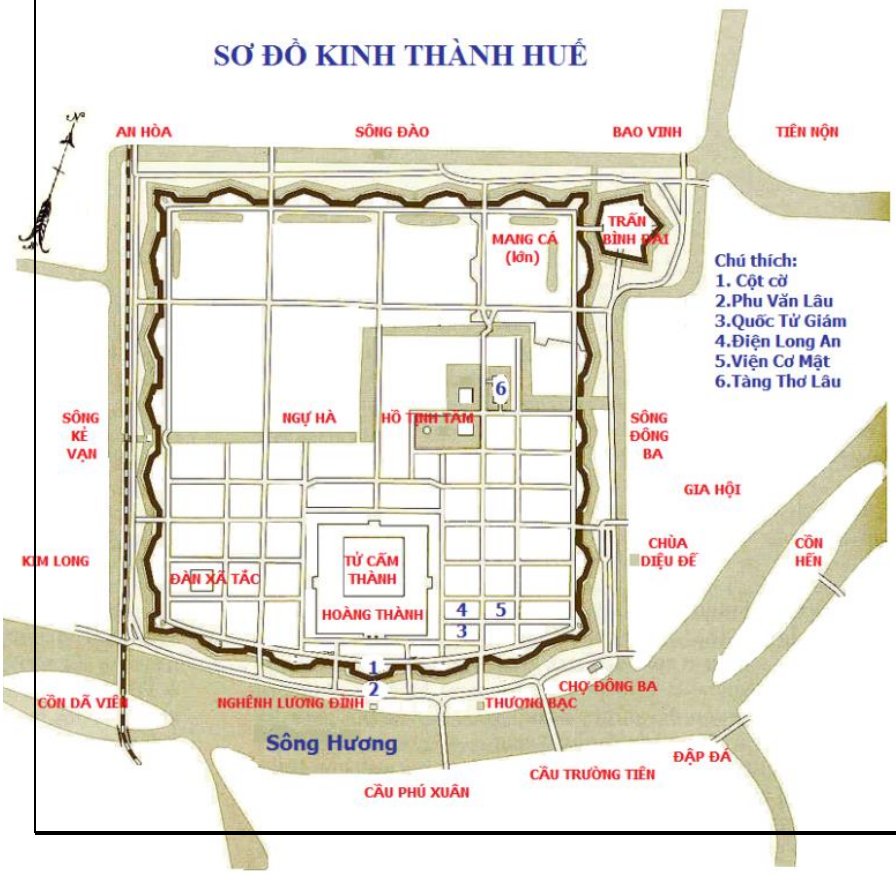

Trong biến cố Tết Mậu Thân đầu năm 1968, Huế bị Việt Cọng chiếm trọn trong gần một tháng trời, song vùng Mang Cá lớn và gần đó lại vẫn nằm dưới quyền kiểm soát của quân đội quốc gia. Quân y viện Nguyễn Tri Phương vẫn hoạt động chăm sóc quân nhân cùng thường dân bị thương. BS. Nguyễn Văn Tự thuộc ĐHYK Huế đã được đưa vào Quân y viện N.T. Phương để cùng làm việc với các BS. Lê Xuân Công, LêVăn Tập…là bác sĩ giải phẫu của quân y viện. "*Trong thời gian phục vụ tại Quân y viện trong biến cố Mậu Thân tôi đã nghe nhiều về sự chiến đấu kiên cường của các*

binh chủng của quân đội quốc gia, sự gan dạ của các phi công trực thăng vượt hàng rào lửa đạn để hạ cánh trong Quân y viện. Tại Quân y viện tinh thần phục vụ của các cấp rất cao, bình tĩnh, không lo sợ, và tôi nhận thấy không có vấn đề khác biệt trong đối xử giữa "Bạn" và "Thù" khi cấp cứu hay điều trị…" (N.V. Tự 'Những Gì Còn Nhớ.' Kỷ Yếu kỷ niệm 50 năm thành lập trường,' YKH hải ngoại 2006.)
Về phần tôi trong biến cố Tết Mậu Thân tôi đang học ở Mỹ.

(**Sơ Đồ Kinh Thành Huế**. Kinh thành Huế trổ mặt tiền hướng nam, khởi công xây dựng từ 1805 và hoàn chỉnh vào năm 1832 dưới triều vua Minh Mạng. Kinh thành rộng 5,2 km2, có hào sâu ngăn cách và có sông bao bọc tứ phía: sông Hương phía nam với cầu Trường Tiền, sông đào Kẻ Vạn phía tây, sông đào Cửa Hậu phía bắc, sông đào Đông Ba phía đông có cầu Đông Ba và bến thuyền san sát.) Thành Mang Cá nằm ở góc đông bắc.

***

6. Tháng Lương Đầu Tiên

BS. Nguyễn Tường Vân, Y sĩ trưởng Bệnh xá bệnh viện Mang Cá Huế quen biết với tôi lúc còn là sinh viên YK vì cùng là sinh viên Nội Trú bệnh viện. Tôi mới chân ướt chân ráo đến hôm đầu tiên, ông đã săn đón gợi chuyện.
BS. Nguyễn Tường Vân dò hỏi:
-Anh chắc có nhà ở Huế?
-Chưa, tôi đang tìm hỏi trọ các chỗ quen biết.
BS.Vân cười thích trí:

-Thôi khỏi, anh đến ở với tôi cho vui. Đường Hàng Bè, nhà số… tôi mướn. Tôi ở một mình trên lầu. Dưới lầu làm phòng mạch, tôi coi bịnh, có một cô y tá hàng ngày đến phụ việc.

← Đường Huỳnh Thúc Kháng (Hàng Bè), Huế 1963

BS. Vân người dong dỏng cao, gầy, sắc mặt tái. Ông ăn trường trai, đạo Cao Đài. Tánh tình vui vẻ nhiều lúc hay nói bông đùa 'cô này, mèo kia.' Song coi bộ chỉ nói mà thôi.

Hàng ngày xe Jeep đến đón chúng tôi vào bệnh viện làm việc và về nhà.
Công việc, nơi ăn ở của tôi như vậy bước đầu xem là ổn định.
Thắm thoắt đến cuối tháng, mọi người đều trông đợi ngày phát lương. Có ông Trung sĩ tài chánh kế toán lương hướng qua bộ chỉ huy tiểu khu (múi bên kia cầu Tràng Tiền) lãnh về phát tại chỗ.

Lương trung úy độc thân là 6 ngàn, đặc biệt nếu là bác sĩ thì lãnh thêm phụ cấp chuyên môn 2 ngàn; tổng cọng là 8 ngàn đồng mỗi tháng. Có gia đình thì lãnh thêm lương vợ con. Hồi đó tôi còn nhớ xăng 3 đến 4 đồng/lít, tô bún, phở hai ba đồng, có

tờ bạc 1 đồng, tờ bạc 2 đồng mua được nhiều thứ, lại có đồng 5 cắc (hào), học trò trọ học ăn cơm tháng trên dưới 500 đồng. Cuối năm 1959 tôi giải ngũ qua làm việc tại bệnh viện Trung ương Huế thì lương khởi đầu là trên 10 ngàn/tháng cho bác sĩ chính ngạch, Bộ y tế.

Lãnh đúng 8 ngàn tôi ngắm nghía rồi tìm giấy báo gói lại, buộc dây chữ thập. Là vì trong đầu óc tôi chợt lóe lên một suy nghĩ độc đáo. Lúc còn là sinh viên y khoa tôi đã lãnh lương 'nội trú bệnh viện' nhưng đó là hồi còn đi học. Nay là lương khi ra làm việc. Mà lại là tháng đầu tiên, như hoa đầu mùa, lúa đầu vụ. Nếu đem kính dâng song thân để biểu lộ tấm lòng thành kính nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục thì ý nghĩa to lớn biết bao. "*Công cha như núi Thái sơn. Nghĩa mẹ như nước suối nguồn chảy ra*."

Nhà cha mẹ tôi ở thị xã Đồng Hới là tỉnh lỵ tỉnh Quảng Bình. Thị xã Đồng Hới ở ngay cửa sông Nhật Lệ đổ ra biển. Quê nội ở huyện Lệ Thủy tại cực nam của tỉnh, tiếp giáp với tỉnh Quảng Trị. Tôi từ khi hiểu biết chưa lần nào về quê nội, tiện nhất là đi thuyền, gọi là đò trạm, mất cả ngày, từ sáng đến chiều tối, ngược sông Nhật Lệ (lệ= đẹp đẽ, mỹ lệ) qua nhánh phụ lưu Kiến Giang rồi vào sông Lệ Thủy, 2 bên bờ đồng ruộng bát ngát, làng xã trù phú: "*nhất Đồng Nai, nhì 2 huyện*." (Hai huyện là huyện Lệ Thủy, có tên cũ là huyện Phong Lộc; có người nói 'hai huyện' là huyện Lệ Thủy và huyện Quảng Ninh, nằm phía bắc huyện Lệ Thủy. Tuy nhiên Quảng Ninh xưa là phủ, không là huyện.) Xã Đại Phong của Tổng thống NĐDiệm và Thượng Phong của Đại tướng VNGiáp đều nằm dọc sông Lệ Thủy.

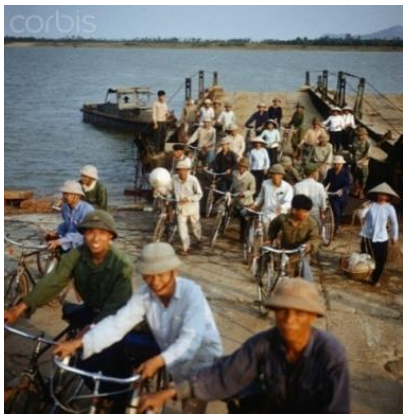

Phà Quán Hàu, sông Nhật Lệ, Đồng Hới 1973

Sông Nhật Lệ rất rộng, xe hơi phải qua phà, gọi là **Phà Quán Hàu**. Xe lửa phải chạy lên thượng nguồn để bắc cầu qua những nhánh sông nhỏ như cầu ga Long Đại, Mỹ Trạch. Do đó ở huyện Lệ Thủy đường sắt ở chân núi và đường xe hơi Quốc Lộ 1 cạnh biển nằm rất xa nhau khác với thường lệ 2 đường cập kè. Đây cũng là trường hợp sông Gianh ở phía bắc của tỉnh Quảng Bình. Xe lửa cũng phải rời quốc lộ 1 có phà để chạy dọc theo sông Gianh tít lên xa trên thượng nguồn. Đường xe lửa này chạy qua những cảnh núi non rất hùng vĩ.

Quê mẹ lại gắn chặt với thời thơ ấu của tôi. Đó là xã Đức Phổ, một xã lớn trong phủ Quảng Ninh, nằm về phía tây (phía núi) thị xã Đồng Hới, chỉ xa khoảng hai ba cây số. Lúc nhỏ thì mẹ dắt về, lúc lớn tôi thường xuyên lên xuống, ở lại với ông bà ngoại và dì út.

Ở Đồng Hới khá nhiều nhà khá giả cho con đi học Huế. Ngay xã Đức Phổ cũng có một số gia đình đua đòi nhau, gởi con vào Huế học, tốn kém rất nhiều. Ông bà ngoại tôi cũng cho mấy cậu vào Huế học, tháng tháng gởi tiền. Ngoài Quảng thì vào, trong Quảng thì ra Huế. Đây là chuyện thời còn Pháp thuộc, trong nước thái bình. Mẹ tôi đã quen với cảnh tượng trong nhà có mấy cậu em đi Huế học, nghỉ hè về, hết hè đi lại, bới xách...

Do đó đến lượt mình, mẹ tôi đã sẵn nề nếp, biết rõ đường đi nước bước, chăm chăm gởi tôi và sau đó thêm em tôi đi học xa. Thời gian bấy giờ trong nước lại có nhiều rối ren biến động: thế chiến 2 bùng nổ, quân Nhật vào Đông Dương, Mỹ ném bom vào các trục lộ giao thông, Nhật đảo chánh Pháp, VM giành chính quyền, Pháp trở lại, rồi tản cư, chạy giặc...học hành gián đoạn niên khóa dở dang. Cha mẹ tôi mỗi lần lại gởi tôi vào Huế, ra Vinh, vào Sài gòn…không hề nản chí, chẳng ngại tốn kém chẳng nề nguy hiểm.

Hình1: *Huế 1945- cầu đường sắt Bạch Hổ trên sông Hương phía tả ngạn bị Mỹ đánh bom sập*.
Hình2: *Ngày 17 tháng 8/1945 , cuộc mít tinh của Tổng hội công chức tổ chức tại quảng trường Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội. Hàng vạn người đứng đầy đường Paulbert (nay là phố Tràng Tiền), mọi người hát vang bài Tiếng Gọi Thanh Niên và hoan hô chính phủ Trần Trọng Kim thu hồi độc lập, họ hô to "Việt Nam độc lập muôn năm."*
Hình3: *Chủ Tịch Hồ Chí Minh sang Pháp ký kết Tạm Ước Việt – Pháp ngày 14/9/1946.*

Lúc cầu Bạch Hổ bị Mỹ đánh bom sập để ngăn đường tiếp liệu của quân đội Nhật thì tôi gởi thơ về cho cha mẹ mô tả kỹ cầu bị sập ở vài nào, sa xuống nước ra sao… Lập tức cha mẹ tôi gởi thơ căn dặn tôi chăm lo học hành, đừng nói chuyện khác, có thể bị bắt vì tình nghi làm mật thám chỉ điểm. Tôi nghĩ mình cũng thật dại dột.

Điều làm tôi nhớ mãi là lần đầu tiên tôi đi học xa nhà mẹ tôi khâu một túi nhỏ chứa 2 nhẫn vàng dặn tôi giữ kỹ, chỉ đem ra bán để tiêu dùng lúc gặp khó khăn. Tết đó về nhà tôi ăn uống thỏa thích. Sau Tết mẹ tôi lấy bánh in, bánh thuẫn trong nhà làm cúng Tết bỏ đầy hộp bích qui lớn để tôi đem đi, cất ăn hàng ngày. Tôi còn nhớ vừa

đi học vừa gặm bánh mà lòng nhớ mẹ kinh khủng luôn một tháng trời mới nguôi dần.

Độ giữa tháng thì mẹ tôi từ Đà Nẵng ra Huế thăm tôi và bên sui gia.
Mẹ tôi vừa mở xách tay vừa bảo:
-Con mới ra làm việc cần sắm sửa nhiều, mạ đem ra cho con mấy ngàn đây, còn thiếu thì…
Mẹ tôi chưa kịp dứt lời tôi đã vội vàng ngăn lại:

-Thôi mạ đừng đưa, con mua sắm đủ cả rồi, không mua thêm gì nữa, con tiền còn nhiều. Họ mới cho lãnh lương hồi đầu tháng, là 8 ngàn đồng. Con đã gói cất trong bọc giấy này, chờ mạ ra để đưa cả cho ba mạ.

Mẹ tôi thoáng ngạc nhiên:
-Con đưa chi nhiều rứa, thôi mạ chỉ lấy 2 ngàn, để con tiêu.
Bà lại cười hỏi tiếp:
-Con không mua gì cho L.Th. à? để dành cưới vợ nữa!
Tôi dứt khoát:
-Con còn phải để dành nhiều lắm, mua xe hơi, đồ dụng cụ máy móc để rồi ra còn mở phòng khám bệnh… Bắt đầu từ tháng sau là con để dành, nhưng tháng đầu tiên này là con đưa cả cho ba mạ. Ý con là vậy ba mạ biết rồi.

Tôi biết tôi là đứa con mà cha mẹ đặt rất nhiều kỳ vọng. Thời đó ở Quảng Bình cho con đi học Huế, Vinh mà đậu được Đíp-lôm, Tú Tài để rồi ra làm việc, lấy vợ sinh con nối dõi là ước vọng cao nhất của phần đông các bậc phụ huynh ở tỉnh nhỏ hoặc nơi làng mạc.
Sau này tôi còn học thêm và cha mẹ tôi vẫn lo lắng cho tôi như trước. Song bước lên bậc đại học, tôi xin được học bổng quốc gia, 500 đồng/tháng, tái cấp hàng năm đều đặn, lại còn có lúc tiền dạy giờ các trường tư thục về môn Sử Địa chương trình Pháp, và thêm tiền lương ở bệnh viện, do vậy tôi viết thơ cho cha mẹ biết để thôi đừng gởi gì thêm bù đắp cho con. Đó xuất phát hoàn toàn do lòng con cái thương cha mẹ.

Lòng cha mẹ thương con thì bao la bát ngát. Con thương cha mẹ có 2 thời kỳ, lúc nhỏ thương cha mẹ vì bản tính trời sinh, không lý luận suy nghĩ, lúc về già khi cha mẹ đã quá vãng, ngồi ôn lại chuyện xưa, phân tích rành rẽ sự việc thì lòng nhớ thương cha mẹ đậm đà da diết khác thường.

***

7. Y Sĩ Trưởng Bệnh Xá Bệnh Viện

BS. Nguyễn Tường Vân và tôi ở chung với nhau từ ngày tôi ra Huế. Hàng ngày xe Jeep đưa đón chúng tôi vào Mang Cá theo đường cổng Cửa Trài.

Được 2 tuần BS.Nguyễn Tường Vân xin nghỉ phép vào Nam thăm nhà, nhờ tôi trông phòng mạch (căn nhà lầu này ở đường HTKháng về sau BS. Tô Đình Cự ở.) Lúc trở ra chừng hơn tháng thì BS.Vân có giấy thuyên chuyển về Sài Gòn. Chắc ông đã lên kế hoạch này từ lâu.
Tôi lên thay thế, làm y sĩ trưởng bệnh xá bệnh viện Huế. Dù sao trong đơn vị chỉ có một bác sĩ. Hồi đó bác sĩ ra trường rất ít và may mắn là thời bình bác sĩ quân y cũng chẳng có việc gì nhiều về chuyên môn: lính tráng là thanh niên nên nói chung vô bệnh, thương binh thì chưa có. Vào thời điểm năm 1957 ở tại giữa Huế chỉ có 2 bác sĩ quân y, ở bệnh xá bệnh viện và ở Đại đội quân y 1, cùng ở trong Mang Cá lớn. Đại đội quân y 1 lại có thêm một nha sĩ trám nhổ luôn tay ít khi ngồi không, không những làm cho Sư đoàn 1 mà còn làm cho Tiểu khu Thừa Thiên và một dược sĩ coi bộ cũng rảnh rang. Chỉ ba bốn năm sau khi tôi đã giải ngũ thì trong Mang Cá bắt đầu có nhiều bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ… và số thương bệnh binh cũng tăng nhanh chóng, có lúc quá tải, công việc làm không xuể.

Tôi chưa học qua một khóa hành chánh quân y nào song xem ra chưa gặp gì phức tạp. Đã có một ông thượng sĩ kỳ cựu rất giỏi hành chánh quen biết nhiều các phòng ban bên bộ chỉ huy Tiểu khu Thừa thiên. Về sau lại có thêm một thiếu úy hành chánh trẻ. Có chị Hạnh Nhơn lúc đó là thiếu úy, sĩ quan tiếp liệu cũng vừa được thuyên chuyển đến. Năm 1964 chị đổi vào Sài gòn, giữ nhiều chức vụ, cuối cùng năm1969 điều về bộ Tư lệnh Không quân và lên đến cấp bậc Trung tá Trưởng đoàn Nữ quân nhân Không quân, quân lực VNCH. Sau 1975 chị đi tù học tập cải tạo 4 năm. Truyện “Nữ Tù Nhân” của tác giả Nguyên Hạnh (tức Hạnh Nhơn) đã trúng giải ba trong kỳ thi viết về “Chuyện Người Tù Cải Tạo” do Nhật Báo Viễn Đông tổ chức. (Đặc San Nữ Quân Nhân Kỳ IV-2007, ‘Nữ Tù Nhân’. Nguyên Hạnh, trang 82.) Hiện tại chị Nguyễn Thị Hạnh Nhơn ở nam Cali, Hoa Kỳ, là hội trưởng hội cứu trợ thương phế binh VNCH và quả phụ tử sĩ. Đại tá Trưởng đoàn nữ quân nhân Trần Thị Cẩm Hương, con chim đầu đàn đã về hưu 1 tháng trước ngày 30/4/1975 thì đi tù học tập cải tạo 10 năm, ra tù 1 năm sau chết vì cơn bạo bệnh.

Trong gần 2 tháng làm việc cùng BS. Nguyễn Tường Vân tôi chẳng thấy ổng làm gì nhiều trong chức vụ y sĩ trưởng, ngoài việc đọc sách và đi lui đi tới. Buổi sáng ông cũng có xem một số công văn, chỉ thị từ bộ chỉ huy Tiểu khu Thừa Thiên đưa xuống và từ Nha Quân y Sài gòn gởi ra qua Sở Quân y Đà Nẵng. Không có điều gì quan trọng thời đó.

Về đối ngoại, bệnh xá bệnh viện cũng chẳng giao thiệp với ai, chẳng có phái đoàn nào, khách khứa nào đến thăm và hầu như độc lập, chẳng ai dính dáng, kiểm soát. Trong bệnh xá bệnh viện, những gì ngoài chuyên môn: kế toán, canh gác, súng ống, xe cộ, xăng nhớt, quân nhu, bếp núc …thì đã có trong văn phòng các ông thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ ai lo phần việc nấy. Tôi trực tiếp coi sóc các trại bệnh, phòng xét ngiệm, phòng X-Quang, phòng mổ. Tất cả đều sạch sẽ đàng hoàng, khang trang ít nhiều bề thế.

Các trại bệnh rất thoáng, không nằm giường đôi mà còn dư giường. Phòng xét nghiệm làm được các xét nghiệm căn bản: đếm máu, phân loại nhóm máu, thử đàm,

thử nước tiểu, tìm ký sinh trùng ở phẩn hoặc ở máu (sốt rét)… Phòng X-Quang chủ yếu chụp phổi, xương, thận, bọng tiểu… muốn chụp bao tử cũng dễ dàng, phim chụp thừa mứa. Phòng mổ rộng rãi. Có trung sĩ Đàng gây mê tốt.

Trong 2 năm trời ở Mang Cá tôi mổ 2 lần viêm ruột thừa, một lần sạn bọc mật, sạn bọng đái, không có trường hợp nào chữa trị thương tích chiến tranh như là khâu vết thương, gắp mảnh mìn, đạn vào người, vào bụng, mổ gãy xương, cắt tay cưa chân… Về bệnh tật đơn giản chỉ là cảm cúm sốt rét, ho, nhức đầu, đau dạ dày, bụng… và một trường hợp tử vong duy nhất: một binh sĩ lên cơn uốn ván (tetanus) và từ trần.

Cũng có một lần tôi suýt mổ cho một người Mỹ vào cuối năm 1957, chuyện này hi hữu tôi còn nhớ mãi. Năm 1957 ở Bệnh xá bệnh viện Mang Cá, Thành nội Huế, vào buổi sáng có một người Mỹ trạc 30 tuổi, mặc đồ dân sự, làm việc đâu gần đó? tôi không tò mò hỏi gốc gác làm gì, bỗng đến kêu đau bụng đã nửa ngày, tìm bác sĩ nhờ khám. Sau khám, chụp phim bụng và xét nghiệm máu tôi bảo là viêm ruột thừa cấp, mổ càng sớm càng tốt và nếu muốn thì tôi có thể mổ ngay liền tại đây, trong buổi sáng. Đương nhiên là tất cả đều không tính tiền. Thời đó trước năm 1975 mọi bệnh viện công, dù dân y dù quân y đều điều trị bệnh nhân, xét nghiệm đủ thứ, mổ xẻ, thuốc men, ăn uống đầy đủ, áo quần, phòng ốc nhất nhất đều cho không, miễn phí hoàn toàn.

Ông Mỹ này coi bộ tin tưởng bác sĩ Việt Nam mang lon trung úy quân y, vui vẻ đồng ý ký giấy xin mổ. Phòng mổ chuẩn bị dao kéo sẵn sàng. Ông Trung sĩ Đàng, gây mê và ông Thượng sĩ Du, hành chánh đến phút chót bàn với tôi:
-Tụi Mỹ tính mạng nó lớn lắm. Mổ nó sợ cấp trên khiển trách. Hay là ta thông báo gởi trả nó cho họ xem sao!

Tôi nghe có lý, dẹp mổ, điện thoại cho Tiểu khu để họ nhắn tin cho phái đoàn cố vấn Mỹ ở đâu đó. Nửa giờ sau có xe cứu thương đến chở người Mỹ ấy đi ngay.

Chuyện mổ xẻ, gây mê, nhiễm trùng sau mổ có nhiều bất trắc khó lường trước được. Không phải phận sự, lanh chanh có thể bị vạ vịt, ách ngoài đàng quàng vào cổ.

Mổ ruột thừa viêm khi dễ thì quá dễ, vừa rạch da bụng nó đã nhào ra, tha hồ cắt buộc. Lúc khó thì đổ mồ hôi hột với nó, vị trí nó nằm bất thường khó tìm hoặc dính cả vào một đống viêm sưng khó phân biệt, khó tách rời (trích LBV “Bát Canh Toàn Quốc”, Đặc San YKH 2009.)

Tôi lại 2 lần làm chủ tịch hội đồng giám định y khoa xét miễn dịch cho quân nhân thương bệnh binh. Thương binh loại 1 được trả về đơn vị chiến đấu, loại 2 làm việc nhẹ, loại 3 ra hội đồng miễn dịch.

Lần đầu vào khoảng tháng 3 năm 1958, hội đồng họp tại bệnh xá bệnh viện Huế gồm 3 thành viên: tôi bác sĩ là chủ tịch hội đồng, một thượng sĩ và một trung sĩ phụ

tá, tất cả đều thuộc bệnh xá bệnh viện. Chỉ chừng đó ba thầy trò để xét cho khoảng gần 20 hồ sơ thương bệnh binh được đưa ra hội đồng miễn dịch. Các người được đưa ra xét đều thuộc cấp thấp trong quân đội: lính, hạ sĩ quan, cấp úy nhỏ. Cấp bậc lớn hơn không có hoặc được xét ở một hội giám định y khoa cao hơn?

Hội đồng làm việc trong một căn phòng bình thường, không trang hoàng, không trưng bày ảnh tượng, chẳng cờ quạt, khẩu hiệu biểu ngữ. Viên thượng sĩ thư ký hội đồng lần lượt gọi từng quân nhân vào và trình hồ sơ bệnh án lên tôi. Tôi đọc hồ sơ, thấy cần thì hỏi thêm, khám thêm một ít, có viên trung sĩ phụ tá. Người thì kém sức khỏe, gầy yếu đơn thuần cho giải ngũ, kẻ khác được thêm cấp dưỡng 10%, 20%, 50% hoặc hơn v.v…tùy theo mức độ thương tật, bệnh tật mà điều lệ được ghi cặn kẽ trong cẩm nang tài liệu hướng dẫn về giám định y khoa.

Hội đồng làm việc khá nhanh, từ 8 giờ sáng cho đến quá 12 trưa. Quyết định của hội đồng có tính chung quyết. Tôi còn nhớ một anh thiếu úy trẻ người miền Nam, cao gầy được tôi giải quyết cho giải ngũ không cấp dưỡng. Anh ta mừng quá.

Lần thứ hai cách 3 tháng sau hội đồng giám định y khoa họp tại thị xã Quảng Trị cách Huế 59 km. Sáng sớm 7 giờ tôi cùng tài xế binh nhì lái xe jeep trực chỉ ra Quảng Trị đến thẳng trạm xá Tiểu khu là một vài ngôi nhà nhỏ đơn sơ. Tôi là chủ tịch hội đồng miễn dịch, có 2 phụ tá là hạ sĩ quan tại chỗ. Có khoảng 15 hồ sơ thương bệnh binh ra hội đồng; công việc đến 12 giờ trưa là xong tất.

Tôi cùng tài xế lái xe một vòng thăm thị xã nhỏ bé này và đây là lần đầu tiên. Đường quốc lộ 1 từ Đồng Hới vào chạy qua Đông Hà, cách Huế 66 km nhưng đi tiếp vào Huế chỉ chạy gần sát thị xã Quảng Trị.

Tôi đặc biệt muốn xem cổ thành Quảng Trị để so sánh với cổ thành Đồng Hới. Cổ thành Quảng Trị nằm ở trung tâm thị xã, cách quốc lộ 1 hai cây số về phía đông và cách bờ sông Thạch Hãn 500m về phía nam. Thành hình vuông chu vi gần 2000m, có hào sâu, tường cao, 4 cổng hình vòm có vọng lâu ở trên, cũng tương tự như thành Đồng Hới. Trong thành có Hành cung, dinh thự các quan tỉnh, đồn lính, lao xá… và có nhà dân, cổ thành nào cũng vậy.

Cổ thành Đồng Hới có thể lớn hơn Cổ thành Quảng Trị đôi chút nhưng quá đặc biệt vì hai lý do: đường quốc lộ 1 (nay là 1A) nằm trong Thành, chạy xuyên vào cửa tả (bắc) ra cửa hữu (nam); đó là trường hợp duy nhất và Cổ thành Đồng Hới nằm sát biển, chỉ cách cửa biển (cửa sông Nhật Lệ) trên dưới 1 km, đứng trên thành nhìn ra biển.

Tính ra thì Cổ Thành Đồng Hới có diện tích xấp xỉ Hoàng Thành trong Kinh Thành Huế. Hồi nhỏ lúc sáu bảy tuổi tôi có thời gian ở trong thành, tại góc tây nam mà sau năm 1945 lại trở thành sân vận động hồi nào tôi không hay. Cho đến năm 1954 trước khi đất nước chia đôi theo hiệp định đình chiến Genève thì Cổ thành Đồng Hới cũng như Quảng Trị đều đang còn nguyên vẹn. Lúc đó tôi thấy trong thành sao mà rộng thế! Có Hành Cung, có dinh Công sứ, dinh Tuần Vũ, Án Sát, trường Tiểu học,

đồn lính, lao xá, sân vận động và nhiều thứ nữa kể cả nhà dân ở. Tôi cũng nhớ rõ đường sá trong Cổ thành Quảng Ngãi có đông nhà dân cư.

Hình1: Thành cổ Quảng Trị (góc tư trái dưới) có đánh dấu X & 1 gócThị xã,1967
Hình2: Vòm cửa Bắc (cửa hậu), cửa thành duy nhất còn lại hình hài sau cuộc chiến

Một góc Thành Đồng Hới

Trong trận mùa hè đỏ lửa năm 1972 kéo dài gần 3 tháng, cổ thành Quảng Trị bị phá hủy gần như hoàn toàn. Thành Đồng Hới cũng chung số phận, bị phá hủy phần lớn do lệnh tiêu thổ kháng chiến, phần còn lại do bom đạn Mỹ đánh phá trong thời kỳ chiến tranh trước năm 1975.

Tôi làm y sĩ trưởng được trên dưới 1 năm thì Y sĩ Đại úy Hiện dịch Nguyễn Thế Huy, cũng là một người bạn, được bổ nhiệm về Bệnh xá bệnh viện Huế mà nay được cải tên là Chi nhánh TYV Duy Tân thay thế tôi. Nhiều tháng sau lại có thêm Y sĩ Trung úy Nguyễn Văn Đệ. Thời gian này thì tôi đang chuẩn bị hồ sơ đệ đơn xin giải ngũ mãn 2 năm trưng tập và đã được trả về đời sống dân sự cuối năm 1959. Tuy nhiên qua năm 1960 bộ Quốc Phòng đình chỉ việc giải ngũ, chỉ cho biệt phái các quân nhân về các ngành y tế, giáo dục, kỹ thuật… theo nhu cầu. Nhiều giáo sư trường Quốc Học Huế… nhập ngũ được biệt phái về nhiệm sở cũ dạy lại, sau vài năm lại có giấy gọi tái ngũ, đặc biệt sau biến cố Tết Mậu Thân đầu năm1968.

Trong lần ra Tiểu khu Quảng Trị chủ tọa Hội đồng giám định Y khoa tháng 6/1958 này tôi được nghe kể giai thoại về một Y sĩ trung úy, bác sĩ Nguyễn Ngọc Bảy.
BS. Bảy rất được Đại Tá Sư đoàn trưởng Sư đoàn 1 mến thích. Tôi không nhớ rõ là Đại Tá Nguyễn Khánh (15/12/55 – 14/8/1957) hay là Đại Tá Tôn Thất Đính (14/8/57 – 9/8/1958.)
Các người này thường ra Quảng Trị đi săn với nhau. Họ đi xe Jeep. Đại Tá Sư đoàn trưởng ngồi ở tay lái, BS.Bảy ngồi cạnh bên, hai hạ sĩ quan tùy tùng ngồi băng sau. Người ta kể mỗi lần thấy thỏ trong bụi nhảy ra là BS.Bảy trên xe Jeep nhào xuống chụp được con thỏ ngay. Đại Tá Sư đoàn trưởng rất khâm phục tài ba của bác sĩ và rất mến thích.

Bác sĩ Nguyễn Ngọc Bảy học trên tôi một lớp ở trường ĐHY Hà Nội. Hồi đó tôi biết ở ĐHY Hà Nội có 3 sinh viên miền Nam là các anh Phạm Hà Thanh (Cục trưởng Cục Quân Y VNCH sau này), Nguyễn Sáng và Nguyễn Ngọc Bảy. Anh Thanh Nội Trú bệnh viện, người trắng trẻo, dong dỏng cao, anh Sáng (ở lại Hà Nội)người tầm thước, mập, cũng Nội Trú bệnh viện, anh Bảy người cũng mập, mặt đầy đặn, cao cao. Các tên Sáng, Bảy chữ nôm là nhất định người miền Nam.
Trong tháng 12/2013 báo chí và đài thông tin ở Cali, Hoa Kỳ đều loan báo sự quá cố đột ngột của Nhạc sĩ Việt Dzũng vì bệnh tim hưởng dương 55 tuổi. Nhạc sĩ Việt Dzũng là một nhạc sĩ và ca sĩ tài ba trong dòng nhạc hải ngoại. Sự ra đi của ông đều làm mọi người vô cùng thương tiếc.
Đọc tiểu sử ta biết ông có tên là Nguyễn Ngọc Hùng Dũng, sinh năm 1958. Cha là BS. Nguyễn Ngọc Bảy, cựu Thiếu tá Quân Y tại bộ Tham Mưu Quân Lực VNCH, cựu dân biểu Đệ Nhị Cọng Hòa. Chắc BS. NNBảy giải ngũ lúc đang mang cấp bậc Thiếu Tá. Và chắc chắn đó là BS. Nguyễn Ngọc Bảy năm xưa ở Quảng Trị đi săn với Đại Tá Sư Đoàn Trưởng Sư Đoàn 1 bộ binh mà tạo thành giai thoại lý thú.

***

8. Lái Quân Xa

Tại bệnh viện, chưa là Y sĩ trưởng, ngày đầu tiên thấy mấy quân xa của bệnh viện chạy lui tới, tôi đột nhiên nảy ý định phải tập lái xe ngay thật sớm. Nhưng rồi cũng phải chờ vài hôm để tạo môi trường thân thiện.
Đây là một ham thích, một ưu tiên. Thời đi học, dù học đại học tôi chỉ đi xe đạp, cũng chẳng muốn mua xe gắn máy làm gì, để đợi ra trường mua xe hơi luôn. Tôi còn nhớ mùa đông ở Hà Nội rét buốt có khi gặp mưa kéo dài mà tôi đạp xe từ học xá Trung Việt ở Hồ Tây cực bắc thành phố xuống thực tập tại Bệnh Viện Bạch Mai quá cực nam, qua hồ Bảy Mẫu và đồng ruộng gió lộng ào ào mà vẫn thấy hăng hái chẳng mệt nhọc chút nào. Nghĩ lại cũng có lý, nếu cơ thể tôi yếu đuối thì tôi đã không thể sống đến bây giờ 60 năm sau.

Hồi đó các xe gắn máy Solex, Mobylette của Pháp, Puch, Goebel Sachs của Đức, Vespa Ý… tôi đều thử qua song không mấy ham. Sau 1975 ở Huế tôi đi xe đạp như mọi người; khi chuyển công tác vào Sài Gòn tôi đi xe Honda dame (nữ.) Kể ra thì tôi còn lại một xe hơi nhỏ song tôi gởi vào ga-ra, không dùng đến. Nay thì nghe nói ai cũng cố sắm xe hơi.

Ra Huế làm việc chưa được 1 tuần lễ thì tôi đã bương bả tập lái xe. Trong Mang Cá có bãi cỏ trống rộng dài từ cổng đường Cầu Kho cho đến cổng cửa Trài, chẳng cần đi xa.

Bệnh xá bệnh viện Huế có 1 xe Jeep, 1 xe Dodge 4, 1 xe Dodge 6 sáu bánh, 1 xe GMC mười bánh và một xe cứu thương bít bùng. Chung cuộc thì tôi đã lái đủ 5 loại xe đó.

Lái quen xe nhỏ thì muốn thử lái xe lớn. Đến khi lái xe lớn, chạy nghênh ngang ngồi chễm chệ trên cao nhìn xuống thì lại không thích lái xe nhỏ, chật chội thấp, cấn cái, kém thoải mái. Thói thường là thế, thích lái xe bự, vừa bề thế lại có tông xe ai thì mình cũng chiếm thượng phong.

Khởi đầu có xe Jeep mà lái là lý tưởng. Xe quân xa này mà tập lái thì quá thuận lợi. Gọn, nhỏ, không có cửa bên khiến tầm nhìn rất rộng. Xe cứng cát xương đồng da sắt có húc vào đâu cũng vững tâm, khó trầy sơn, móp vành. Bãi cỏ trong Mang Cá để tập cũng vậy, rộng phẳng vắng, có 1 con đường đất mé ngoài bìa.
Suốt tuần qua ngồi ghế bên cạnh tôi đã chú ý các thao tác của tài xế từ khi cho nổ máy, ra xe, sang số, đạp ga tăng giảm tốc lực, thắng, ngừng v.v… đại khái vận hành cũng như xe gắn máy Goebel Sachs, Vespa…tức là có hộp số, có 'ăm bay da' (embrayage, clutch, bộ ly hợp côn), nguyên tắc giống nhau. Xe hơi thì chân 'côn', phanh/thắng, và 'ga' đều đặt ở sàn xe.
Xe Jeep có 3 số: 1, 2 và 3. Số 3 để chạy nhanh. Lại có số lùi (R) và số '0'. Các số sắp theo hình chữ H. Thanh ngang nằm giữa là số '0'. Các số còn lại R, 1, 2, 3 sắp theo thứ tự ở 4 đầu mút chữ H.

Sáng đó lúc 10 giờ tài xế binh nhì chở tôi xuống bãi cỏ, dừng lại, tắt máy, xuống xe ngồi lui lại ghế sau. Tôi bảo lên ngồi trước cạnh tôi. Tài xế tên Luận (NVLuận?), hiền lành, ít nói, chỉ biết vâng lời. Tôi ngồi vào vị trí lái, tay trái giữ tay lái, tay phải thử lắc cần số qua lại dễ dàng ở vị trí số '0', mắt luôn nhìn thẳng, trong trí in hình sơ đồ chữ H. Mở khóa công tắc, đạp nút 'đề' (démarreur, starter) cho nổ máy. Thả phanh tay. Chờ vài giây.
Vào số 1: chân trái đạp lút 'côn' (ăm bay da), tay phải cầm cần kéo xuống số 1, mắt vẫn nhìn thẳng. Chân trái từ từ buông nhả 'côn' đồng thời chân phải đạp thêm 'ga'. Xe từ từ chuyển bánh, tăng thêm tốc lực.

Tiếp đó lên số 2: đạp 'côn', trả cần về '0' rồi đẩy liền lên số 2, chân trái từ từ buông nhả hoàn toàn 'côn." Chân phải nhấn thêm 'ga'.
Tóm lại mỗi lần thay đổi lên số hoặc xuống số đều phải tác động lên 'côn/ăm bay da' để tạm thời cách ly nơi máy và hộp số nối nhau. Cũng tương tự ở xe gắn máy, mô tô.

Suốt một tiếng rưỡi tôi tập cho xe chạy lên số 2, về số 0, lên lại số 2, về số 0…cứ thế mãi. Xe đang di chuyển chạy có đà, không cần về số 1, hơn nữa lúc xe đang chạy dù chậm cũng rất khó vào số 1 cho bằng được. Mỗi lần đổi số thì trước tiên là đạp lút 'côn', sang số xong là nhả 'côn' từ từ để xe khỏi giựt. Nhả 'côn' nhẹ nhàng là cả một nghệ thuật. Xe đang chạy, không rà 'côn', chân trái phải rời hẳn chân 'côn'. Khi muốn xe ngừng thì chân phải đạp phanh/thắng, chân trái đạp lút 'côn', để xe khỏi tắt máy, rồi kéo cần trả về số 0, chân trái nhả 'côn'. Xe đứng hẳn muốn chạy lại phải gài số 1, nếu còn chạy đôi chút thì từ số 0 gài thẳng lên số 2. Cách này chạy với số 0 và số 2 là rất tiện khi cần lái xe chậm, giữa đám đông, lúc lái xe đường

nghẹt, lái xe đưa đám ma, theo đám rước… Nếu xe chạy đường trường thì chạy lên xuống giữa số 2 và số 3.

Các xe gắn máy mobylette, Honda dame có 'ăm bay da' tự động. Xe chạy nhanh thì tự động sang số cao và ngược lại. Xe hơi ở Bắc Mỹ gần như hầu hết là xe có hộp số tự động, do đó không có chân 'côn' và chân trái người lái được nghỉ ngơi hoàn toàn. Thỉnh thoảng cũng thấy một vài xe sang số tay. Xe hơi ở Âu Châu thì đang còn thiết kế với hộp số tay như hồi nào. Tôi còn nhớ hồi năm 58, 59 gì đó ở Huế có một ông đại úy có 1 xe hơi màu đỏ nghe nói là xe ông ta trúng số hoặc mua lại, xe có hộp số tự động, không có 'ăm bay da', ai nghe cũng lấy làm lạ. Tuy lái xe hộp số tự động lúc xe chạy chậm hoặc ngừng khi gặp đèn đỏ rất thuận lợi, không cần đạp 'côn' lên xuống số song trong thâm tâm tôi vẫn thích lái xe có hộp số tay (manual transmission/gear box) hơn. Đạp 'côn' sang số không có vấn đề và chân trái có việc để làm, thấy hay hay, rất nghệ thuật khiến xe tăng giảm tốc nhẹ nhàng, không giựt và mình cảm thấy tự hào.

Qua ngày thứ nhì tôi tập lên xuống giữa số 2 và 3 cũng như số R lui xe.
Ngày thứ ba tôi lái xe ra cổng Mang Cá và chạy xe loanh quanh các đường vắng trong Thành.

Ngày thứ tư tôi chạy xe ra cửa ngăn, lên cầu Bạch Hổ rồi quay lui chạy xuống phố, vào đường Hàng Bè, vô cửa Chính Đông, trở về Mang Cá.

Ngày thứ năm tôi lái xe qua cầu Tràng Tiền, lên dốc Nam Giao, xuống dốc Bến Ngự, xuống An Cựu rồi quay về cầu Tràng Tiền, vào cửa Thượng Tứ, trở về Mang Cá.

Như vậy là "*đại công cáo thành*." Lái xe hơi ở Huế trong thành phố dễ ợt, chạy nhanh chậm tùy ý, không có bảng dừng (stop), không có đèn giao thông xanh vàng đỏ, chạy miết chẳng dừng tại ngã tư nào, xe hơi coi như có ưu tiên. Họa hằn, vào giờ cao điểm có một nhân viên cảnh sát đứng trên bục có lọng che (giống ở Sài Gòn) giơ gậy huýt còi chỉ đường tại ngã tư đầu múi cầu Tràng Tiền hữu ngạn cạnh khách sạn Morin và tại ngã tư cuối đường Trần Hưng Đạo rẽ vào đường Gia Long (Phan Đăng Lưu.) Ở Huế chỉ có 2 ngã tư đó có cảnh sát.

Traffic Police at work in Saigon downtown

Mọi xe cộ ở Huế đều chạy chậm rì do đó lúc cần luôn phanh xe kịp; nếu va chạm cũng chỉ nhẹ. Xe hơi rất ít, xe đạp khá nhiều nhưng đạp thong thả như đi dạo chơi. Ở Huế rất hiếm chuyện tai nạn đụng xe, đụng người. Sau này về làm việc tại bệnh viện Trung ương Huế, tôi cũng chẳng thấy có ai vào bệnh viện vì tai nạn xe cộ trong thành phố.

Xe Jeep quân sự rất uống xăng. Chạy trong thành phố 100 km cũng tốn ngót 1 can xăng 20 lít. Tuy nhiên tôi không nghe tài xế thưa trình gì, chỉ biết lúc nào xăng nhớt cho xe Jeep cũng đầy đủ. Đó là bổn phận của tài xế (trên hình xe Jeep ta thấy có 1 can xăng đeo bên hông xe, có khi sau xe, cùng với 1 bánh xe dự phòng.) Mặt khác

các ông ở phòng tư bên tiểu khu luôn biếu cho bác sĩ ở bệnh xá bệnh viện các tem phiếu lãnh xăng, loại xăng xanh của quân đội (xăng nhuộm thêm màu xanh để đánh dấu), mỗi tem phiếu lãnh 1 can xăng 20 lít. Chẳng hiểu xăng ở đâu mà các ông bên bộ chỉ huy tiểu khu Thừa Thiên nhiều lắm thế. Và thực tình là họ gợi ý biếu tôi chứ tôi không hề hỏi xin. "*Bánh ít trao đi bánh qui trao lại*" khi người ta đau ốm cần thuốc men, nghỉ dưỡng thì bác sĩ phải chiếu cố tương xứng.
Lái xe quân sự cũng phải thi để có bằng, nhỡ có gì gặp Quân Cảnh thì xuất trình.

Khi tôi hỏi về chuyện thi thì Phòng Tư bên Tiểu khu Thừa Thiên gởi ngay qua cho tôi một bằng lái xe quân sự. Như vậy là khỏi thi; cho dầu có muốn thi cũng chẳng được, bằng của tôi đã viết sẵn. Nghĩ lại như vậy cũng được thôi vì nếu tôi đi thi bằng lái xe quân sự thì các giám khảo nhà binh thế nào cũng không đánh hỏng các bác sĩ quân y.

Qua năm 1959, lúc này tôi sắp mua xe hơi riêng muốn có bằng lái xe, được cho biết có thể đổi bằng lái xe quân sự sang bằng lái xe dân sự, chẳng cần thi. Và đúng thế, tôi đến Khu Công Chánh cùng nơi với Ty Công Chánh, anh KS TNĐằng trao cho tôi bằng lái xe tự động và nói: "Đây là bằng lái xe du lịch, trọng tải dưới 3T500. Tôi ghi thêm cho anh được phép lái xe máy dầu và xe máy dầu có gắn xe biên."

Xe máy dầu chắc là xe mô tô phân khối lớn, loại xe Harley, bánh lớn bằng bánh xe hơi. Hồi đó ở Huế số người có xe hơi riêng đếm trên đầu ngón tay lại chẳng ai có xe mô tô bánh xe hơi. Xe Vespa, Lambretta thì có vài chiếc.
Tôi cầm bằng đọc các dòng chữ: VNCH. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI. Khu Công Chánh Miền Bắc. Trung Nguyên Trung Phần. BẰNG LÁI XE TỰ ĐỘNG. Số 9135. Cấp tại Huế, ngày…Hạng xe được phép lái…Kỹ Sư thừa ủy nhiệm: Trần Nguyên Đằng.

Lái xe Jeep được 1 tháng tôi bắt đầu lái các xe Dodge và xe cứu thương. Tôi chạy luôn ra phố, không có gì khó khăn trở ngại, hoặc đáng nói. Đặc biệt xe cứu thương có bộ nhíp nhún rất êm trên đường xóc. Tôi nghiệm thấy lái xe lớn rất thích thú, hơn xe nhỏ nhiều. Về phần xe GMC 10 bánh thì tôi chỉ lái quanh quẩn trong phạm vi khu Mang Cá một hai lần, không lái ra ngoài, lái cho biết thôi, sĩ quan mà lái xe tải trông kỳ. Xe GMC bộ nhíp cứng ngắt. Ghế tài xế ngồi là ghế đệm còn khá, các ghế băng sau lính ngồi là ghế sắt, xe chạy trên đường nhựa chưa thấy gì lắm, đến khi vào đường đất đá gồ ghề, xe chồm lên nhảy xuống xóc kinh khủng, dù chỉ chạy chậm, chẳng khác đi biển tàu gặp gió lớn, nôn óe lộn gan ruột.

Xe Cứu thương Dodge 4x4

Xe Dogde 6x6

Xe GMC 10 bánh

Tôi lại có tập xe cho thầy Lê Bá Nhàn, lúc đó là dược sĩ trung úy đổi về Đại đội Quân y 1 (nằm kề Bệnh xá bệnh viện) thay thế cho dược sĩ Lưu Son thuyên chuyển về Đà

Nẵng. Cả 2 dược sĩ LSon và LBNhàn đều là bạn cũ ở học xá Trung Việt tại Sài Gòn với tôi. Thầy LBNhàn có con LBKhánh Trình là học sinh VN đầu tiên đạt huy chương vàng thi toán quốc tế IMO lần 21 tại London, Anh quốc năm 1979, nghĩa là hơn 20 năm sau. Thầy LBNhàn quen tôi nhiều nên nhờ tôi giúp học lái xe. Tính thầy cẩn thận và thầy tập nhanh, cũng như tôi và các bạn khác. Duy thao tác của thầy có vẻ khác. Lúc chúng tôi lái xe qua cầu Tràng Tiền, tôi ngồi cạnh quan sát để nhắc nhở thì thấy thầy như có vẻ căng thẳng, 2 tay khuỳnh ngang thật rộng nắm chặt tay lái. Đó cũng là tư thế của thầy khi đi xe gắn máy, 2 tay khuỳnh ra nắm chắc ghi đông (tay lái.) Tôi nhắc thầy xuôi tay xuống tuy nhiên thầy không thay đổi tư thế. Cũng được thôi, mặc dầu chắc chóng mỏi.
Ds Lê Bá Nhàn và BS. Lê Văn Bách là 2 giáo sư tại ĐHYK Huế mà thời đó chỉ đi xe gắn máy, không hề mua sắm xe hơi.

***

9. Quân Phuc Mùa Đông

Thấm thoát tôi ra Huế đã được ba bốn tháng đã cận Tết và trời Huế đã trở lạnh. Lạnh mùa đông ở Huế là ban ngày nhiệt độ dưới 20 độ C. Ban đêm xuống 14 độ C ở ngoài trời, có gió nhiều lạnh thêm vài độ, nghe nói họa hoằn có thể xuống đến 9 độ C đặc biệt ở các vùng núi! Ở Huế lạnh 14 độ mà ta có cảm tưởng lạnh hơn ở Âu Mỹ nhiệt độ ở các độ âm. Có lẽ vì mưa kéo dài thấm ướt, độ ẩm cao, áo quần mỏng manh, ngủ chăn mền ít ỏi, phải trùm thêm chiếu (ấm hẳn.) Ăn uống thiếu thốn, nhà ở lại có nhiều khe hở ở mái, cửa… gió luồn vào tông tốc khiến ở trong nhà vẫn thấy lạnh. Ở Huế những ngày rét, ai có áo măng tô, bành tô, áo bông, áo kép, áo len đan thật dày, dài tay là nhất hạng, bằng không phải mặc nhiều áo vải độn lớp, run xuýt xoa, già cả kè kè mang theo lồng ấp (bếp than.) Chân tay để lộ trần, đi guốc, dép nhựa, không mang tất, bao tay. Càng lạnh thêm.

Mới khởi lạnh, chưa nhiều đã thấy thiên hạ trong bệnh viện đi làm mặc đồ lạnh màu xanh thẫm. Mấy người ở lính đã lâu năm thì lại có thêm quân phục vải len dạ, nỉ, áo 4 túi… chưa biết do cấp phát hay mua tiền nhà. Tôi đang còn mặc đồ kaki vàng, sơ mi tay dài 2 túi trong có mặc áo len và cảm nhận chịu được. Tuy nhiên trời còn rét thêm, phải tính chuyện làm như người ta. Chưa biết phải sắm bao nhiêu, thứ gì kaki gabardine, serge… đặt may ở đâu!
Bỗng có tiếng chào hỏi:
-Chào bác sĩ, mấy hôm nay trời trở lạnh rồi đó, bác sĩ chưa mang đồ lạnh à?
Tôi giật mình quay trở lại, quan sát rồi bật cười:
-À! anh Tế, mặc ấm dữ hà! bảnh quá!
Trước mặt tôi là trung sĩ Tế (NVTế?), mặc quân phục mùa đông vải len dạ, đi giày bốt, tươm tất. Tôi nhìn anh ta mặc ấm áp như thế mà tôi cấp sĩ quan thì đang còn vận bộ kaki vàng mùa hạ, trông khác hẳn. Anh Tế này là người cùng tổng cùng huyện lại là chỗ quen biết với gia đình tôi lúc còn ở Đồng Hới. Anh lớn hơn tôi năm bảy tuổi, tính ít ỏi, rụt rè, hay nhường nhịn. Tuy vóc người cũng gọi là cao lớn nhưng

anh chậm chạp vì cặp mắt kèm nhèm, coi bộ như đau mắt hột mà lại cận thị khá nặng? đọc gì phải dí vào mắt, nhưng không thấy anh mang kính. Anh chỉ học đến hết tiểu học, ở Đồng Hới như vậy cũng tạm đủ và rồi anh bị bắt lính, hoặc tình nguyện gì đó. Chắc là tình nguyện vì mắt mũi kém cõi như anh khó lòng trúng tuyển nghĩa vụ quân sự!

Tiếp theo là những ngày di cư chia vĩ tuyến năm 1954, tôi từ Hà Nội mua vé máy bay (còn kịp) về Đồng Hới, qua tuần sau từ bến cảng Đồng Hới xuống tàu thủy quân đội Pháp cùng cả nhà và đầy nghẹt dân chúng được chở vào Đà Nẵng. Sau đó tôi đáp máy bay vào Sài Gòn đến nhập vào đoàn sinh viên Đại Học Hà Nội di cư tạm cắm lều vải tại bãi đất còn nền của Khám Lớn Sài Gòn thời Pháp mà chính phủ VNCH vừa cho triệt hạ. Trên khu đất này trường Đại Học Văn Khoa dự tính được xây cất. Hiện nay là Thư viện Khoa học tổng hợp Tp HCM, đường Gia Long (Lý Tự Trọng) gần chợ Bến Thành.

Đến năm 1957 ra trường về Huế tôi mới gặp lại anh Tế tại Mang Cá, thấy anh đeo lon Trung sĩ nhứt tôi mừng rỡ tíu tít hỏi thăm, không ngờ anh mắt mũi kém người mà quân nghiệp vững vàng.

Anh Tế kể lể gia đình anh, vợ 3 con có nhà ở ngoài cổng cửa Trài. Hàng ngày làm việc anh đi bộ vào cổng cửa Trài, quẹo phải, băng ngang Đại đội 1 Quân y, Bệnh xá bệnh viện Huế. Vừa ra khỏi cổng bệnh viện là đến ngay dãy nhà đầu tiên nơi anh làm việc đã từ lâu, đơn vị Quân nhu gì đó, Sư đoàn 1. Đi tiếp nữa qua nhiều dãy nhà khác thì sẽ ra cổng chính Mang Cá tại đường Cầu Kho.

Tôi nhìn anh, vừa cười tủm tỉm vừa túm và day nếp áo trước ngực:
-Anh Tế thấy chưa, tôi có mặc áo len ở trong đây này, áo len này ấm lắm. Chủ nhật tới tôi mới có thì giờ ra phố. Đường Trần Hưng Đạo có mấy hiệu may quân phục đồ lạnh họ khen đẹp lắm. Chưa gấp.

Trung sĩ Tế mới nghe đã hấp tấp, vồn vã:

-Bác sĩ đi với tôi qua đây đi – anh chỉ ra đàng trước - tôi làm việc tại kho quân trang, nhiều áo quần quân phục mùa đông. Bác sĩ chọn vài bộ mặc, rất đẹp, chờ chủ nhật may lâu quá. Đi nghe! bác sĩ!

Tôi dùng dằng song anh kéo tay áo tôi, thân thiết như hồi ở Đồng Hới.

Ra khỏi cổng bệnh viện 50 m là đến. Tưởng đâu phòng ốc đã mở cửa làm việc nào ngờ 2 lần cửa sắt và gỗ vẫn còn đóng kín mít. Trung sĩ Tế sờ soạng mở khóa, đẩy cửa vào, mở đèn bật sáng, tôi bước theo nhìn quanh quất.

Thì ra đây là nhà kho quân trang quân dụng, chắc của Sư đoàn 1 bộ binh. Chẳng có ai trong kho lúc đó ngoài tôi và Trung sĩ Tế có vẻ là quản kho. Trong kho kê nhiều dãy kệ sắt nhiều tầng, nhiều hàng, dọc tường, giữa phòng. Trên các kệ được sắp gọn gàng chồng chất lên nhau quân trang quân phục, loại nào theo thứ ấy: chăn

mền, giày, bốt, ba lô, mũ, mũ sắt, nịt, bi đông, poncho, lều vải, áo quần tác chiến, đại lễ, áo lạnh… tất cả đều là đồ mới.
Tôi chỉ xem qua và dừng lại ở các kệ trưng bày quân phục mùa đông.

Trung sĩ Tế hướng dẫn đến kệ áo quần có kích thước của tôi. Tôi lấy một bộ len dạ kèm một mũ. Bước tới kệ áo quần kaki gabardine xanh thẫm tôi lấy thêm một bộ và một bê rê đồng màu. Trung sĩ Tế với tay lấy một áo lạnh jacket trông rất đẹp đưa tôi song tôi lúc lắc đầu. Tôi không muốn lấy gì thêm nữa, kể cả tấm mền, đôi giày bốt có cổ, mũ kê pi, áo mưa, ba lô... mà Trung sĩ Tế sốt sắng soạn ra trọn gói cho tôi.

Tôi thầm nghĩ, lý luận tuy mình không thuộc sư đoàn 1 nhưng biết đâu các quân phục này là chung cho mọi quân nhân tại quân đoàn 1, trong đó có bộ chỉ huy Tiểu khu Thừa Thiên! Và cũng chẳng biết có một hay nhiều kho quân nhu lớn nhỏ hoặc như thế này tại Huế…Cũng chẳng thắc mắc hỏi làm gì.

Nhìn Trung sĩ Tế lúi húi xếp buộc các bộ quân phục và cho vào một túi giấy bìa, tôi nhắc nhở:
-Anh Tế xong rồi viết phiếu lãnh ghi đầy đủ cho tôi ký nhận nghe!
Trung sĩ Tế ngửng đầu, giọng quả quyết:
-Bác sĩ đem các bộ áo quần mùa lạnh này về dùng đi. Còn cần gì thêm tôi sẽ lấy mang qua cho bác sĩ. Bác sĩ khỏi cần ký nhận gì cả!
-Lãnh nhiều lắm mà, vậy anh đưa sổ tôi ghi vài chữ để anh tiện dụng cũng được.
Trung sĩ Tế vẫn khăng khăng một mực:
-Bác sĩ cứ cầm về, không cần giấy tờ gì.

Suy cho cùng quân trang quân phục là những thứ cấp phát không cho mỗi quân nhân, việc ký nhận không quá quan trọng! Các bộ áo quần tôi vừa lãnh mới tinh và rất đẹp. Chung quanh trong trại lính Mang Cá tôi nhận xét mọi người đều ăn mặc tươm tất, đẹp và ấm. Hình ảnh sĩ quan, binh sĩ hành quân mặc binh phục đồ trận 'tờrây di' (treillis, trellis) thì rất kiêu hùng. Hồi đó năm 1957 quân lực VNCH chỉ gồm dưới 200 ngàn, nhiều năm sau lúc cao điểm lên quá 1 triệu, gồm nhiều binh chủng quân phục có rất nhiều loại và đa dạng. Quân phục VNCH nhìn bó và gọn với rằn ri hay xanh nhạt cho bộ binh. Đặc biệt là quân phục của Thủy Quân Lục Chiến và Biệt Động Quân nhìn rất là phong độ, đầy niềm kiêu hãnh của quân đội VNCH. TQLC mũ xanh, quân phục rằn ri những vệt bò ngang dài như rết… BĐQ mũ nâu, binh phục màu áo hoa rừng, nón sắt sơn rằn ri với đầu con beo sơn đen thui. Các Bác sĩ ĐHYK Huế Đoàn Yến YK1, Võ Văn Phác YK7, Hà Vũ Trầm YK7…đều là Y sĩ quân y Biệt Động Quân.

Quân phục tác chiến luôn được cấp phát đầy đủ:
-Nhà văn Vũ Ánh kể lại tuy là dân chính song cũng được Quân nhu cấp phát quân phục: "*Thời chưa bị gọi động viên… tôi cũng đã có 4 bộ quân phục tác chiến bộ binh, giầy bốt, nón sắt và áo giáp, ba lô. Lý do: Tôi là phóng viên mặt trận cho Hệ Thống Truyền Thanh Quốc Gia, tất cả quân trang do Quân Nhu cấp, nhưng chỉ được mặc khi ra mặt trận*."

-Đoàn Nữ quân nhân Quân Lực VNCH khi đang thụ huấn tại trường các chị em phải mặc quân phục tác chiến, mủ vải, giày vải đen có cổ, được phát 2 bộ. Ngoài ra được may đo 2 bộ quân phục làm việc màu xanh da trời, giày đen có gót cao 5 cm, trang bị mũ kiểu mũ nữ nhân viên hàng không màu xanh và 1 ví cầm tay màu đen. Tất cả đều được phát một áo len đen dài tay để dùng khi trời lạnh mặc ngoài quân phục xanh để làm việc. Quân phục nỉ màu xanh thẫm thì dùng cho các vùng lạnh. Lễ phục thì màu trắng.

- Một người có lệnh gọi động viên kể chuyện như sau:
"*Tôi trình diện ở Phòng Tuyển Mộ Nhập Ngũ xong, được cho về. Hôm sau, 8 giờ sáng trở lại, có xe đưa vô Đà Nẵng… chiếc GMC chờ sẵn... xe đầy người, có ông trung sĩ "chỉ huy." Xe lên đường vô Đà Nẵng, địa chỉ là "Trung Tâm I, Tuyển Mộ Nhập Ngũ." Vài ngày sau, đưa qua Tổng Y Viện Duy Tân khám sức khỏe; tình trạng tốt. Vậy là hôm sau nữa lãnh quân trang: Trước tiên là một cái xách "ma-rin", hai bộ đồ trận, - thường gọi là đồ treilly -, hai áo "may-ô", hai quần xà lỏn - may kiểu quần chân què như của mấy bà hồi xưa -, một cái nịt vải, hai đôi tất (vớ) vải, một đôi giày bố (cao su, màu đen) có giây, một mũ lưỡi trai, khăn mặt, kem và bàn chải đánh răng, "pông-sô" (poncho), "gà-mèn."..*
Đời lính "gian lao" từ đây..." (Tuệ Chương HLHải "Đi lính Cọng Hòa." Truyện ngắn.)

← (Tân binh tham gia khóa huấn luyện ba tháng tại Trung tâm Huấn luyện Quốc gia Quang Trung (1970.)Tân binh được trang bị quân trang dã chiến, mũ sắt, vũ khí. Helmets and field gear. A.P. wirephoto.)

- Các tân binh được huấn luyện tại Trung tâm huấn luyện quân nhân cấp thấp Quán Tre, Hóc Môn (Trung tâm Quang Trung) được phát quân trang dã chiến, mũ sắt, vũ khí… trọn gói.
- Thời đó năm 1957 tôi vào lính tự sắm 2 bộ quân phục làm việc kaki vàng đất. Nếu có đi hành quân thì chắc thế nào tôi cũng cần quân phục tác chiến. Song từ đầu đến cuối tôi lại phục vụ tại bệnh viện, nghĩa là hậu cần, chẳng đi đâu. Trước đó tôi lại chẳng học cầm súng bò lết tại quân trường Thủ Đức để được phát quân phục rằn ri, mà Quân y thì cũng phải theo ra trận, đầu tên mũi đạn. Rất nhiều bác sĩ, y tá, cứu thương quân y đã bỏ mình tại chiến trường. Nói đúng quân nhu, quân cụ, quân vận… mới đúng là lính văn phòng.

***

10. Hành Quân Văn Xá

Ra Tết đã gần 2 tháng, thời tiết ở Huế ấm hẳn, trời nắng. Thượng sĩ L. Du báo với tôi:
-Thưa bác sĩ, tuần sau bệnh viện mình sẽ hành quân, đi bộ ra ngoại ô thành phố, mang quân trang, bác sĩ nghĩ sao, liệu được không?

-Ủa! Có lệnh của Tiểu khu hả? mà đi đâu, ra sao, xa không, lên ngả núi, xuống cửa Thuận?
Thượng sĩ Du gãi tai giải thích:

-Thưa không có lệnh bên tiểu khu song tôi thấy nhiều đơn vị bạn đã tổ chức hành quân đi bộ hoặc nay mai. Tôi bàn với mấy anh em, chúng ta có đi thì chỉ gần gần thôi, nội trong buổi sáng, họ đều tán thành. Vậy xin trình với bác sĩ.

Ý kiến nghe hay, cũng nên đi ra ngoài đôi chút thư giãn, tôi tươi cười vui vẻ:
-Tôi đồng ý, chi tiết ra sao anh cho tôi biết.
-Thưa bác sĩ, chúng ta lượt đi xe chở ra An Hòa, theo đường cái quan đi tiếp, đến khi thấy đã khá xa, thì chúng ta dừng xe, xuống đi bộ về lại An Hòa, rẽ trái xuống Bao Vinh, vòng vào cửa Trài trở về đơn vị. Như vậy chúng ta tránh đi ngang qua thành phố.

Tôi ưng ý ngắt lời:
-Được lắm, vậy chúng ta nên ra đến bến xe An Lỗ rồi đi bộ về!
-Thưa An Lỗ ở tận cây số 17, như vậy xa lắm! Chúng tôi bàn với nhau xe đến Văn Xá. Ga Văn Xá cách ga Huế 10 cây số. Xô đi bù lại thì cũng bằng đi về Mang Cá theo đường Bao Vinh, cửa Trài.

Thấy tôi chăm chú theo dõi, Thượng sĩ Du lên kế hoạch cặn kẽ:
-Thứ ba tuần tới khởi hành 8 giờ sáng. Nhân viên đi khoảng 20 người, thêm tài xế, còn lại ở nhà trực gác, giữ trại. Mỗi người mang ba lô thuốc men cấp cứu, dụng cụ y khoa…có đem theo 5 cây súng. Bác sĩ nếu quen đi bộ, thấy khỏe có thể đi với anh em chúng tôi hoặc ở nhà trực gác.

Tôi giọng quả quyết:
-Tôi đi với các anh, tôi mang theo gì, ăn mặc ra sao?
-Bác sĩ ăn mặc như thường ngày, đi tay không.

Sáng thứ ba, đoàn hành quân tập họp đúng 8 giờ sáng trước văn phòng bệnh xá bệnh viện Mang Cá, 8 giờ rưỡi khởi hành, đi 2 xe. Xe Jeep 4 người ngồi, tài xế và tôi ngồi trước, Thượng sĩ Du và Trung sĩ Thế ngồi băng sau, xe GMC chở nhân viên, đem theo quân dụng, nước uống...

Đoàn xe 2 chiếc, xe Jeep dẫn đầu ra cổng Mang Cá, về Tây Lộc, ra cửa Chính Tây, rẽ phải theo Quốc lộ 1, chạy qua cầu An Hòa, chạy thêm chừng 7 cây số thì tới ga Văn Xá. Đoạn đường này, đường xe lửa và đường cái quan cập kè sóng đôi sát nhau trông đẹp như 2 trường QH/ĐKhánh cận kề thân thiết. Tuyến đường Đà Nẵng/ Quảng Trị xe lửa đã chạy nên thỉnh thoảng có đoàn tàu hùng hục chạy đua với xe hơi, xe đạp một đọan dài giữa 2 ga An Hòa, Văn Xá, có hành khách trên tàu theo dõi chứng kiến cổ súy để rồi tàu thua xe hơi, thắng xe đạp. Đến ga Văn Xá mọi người xuống xe tập hợp, tinh thần hăng hái, đeo ba lô gọn ghẽ chuẩn bị lên đường cuốc bộ về trại. Mới vừa quá 9 giờ sáng, trời còn mát.
Đột nhiên như vừa mới suy nghĩ được điều gì hay ho, tôi nghiêm trang tuyên bố với các nhân viên:

-Tôi trao một giải thưởng cho ai đi bộ về đến trại mình trước tiên. Các anh chịu không?
Tất nhiên mọi người đều chịu, có tiếng nhao nhao:

-Thưa chịu, xin bác sĩ thưởng cho nhiều nhiều.
Lúc đó nói vậy chứ tôi cũng chưa có chủ đích rõ ràng sẽ thưởng gì, để tính sau. Mặt khác tôi cũng chưa hiểu rõ là cuộc đi bộ này phải cùng đi thành đoàn, tập thể với nhau hoặc là cá nhân riêng rẽ, mạnh ai nấy đi, về sớm nghỉ sớm. Song đã chấp nhận thi đua tức là mọi người sẽ không về đến đích cùng lúc.

Để làm gương tôi tiến ra trước, dẫn đầu đám đông. Một hai người bước vội theo tôi. Tôi cắm cúi đi thật nhanh nhưng dáng điệu vẫn giữ tự nhiên chứ không bước tíu tít 2 chân tưởng như chạy trong các cuộc thi đi bộ ở Thế vận hội mà sau này tôi được xem trên truyền hình. Được biết ở Thế vận hội họ đi bộ quãng đường 20 cây số trong thời gian non một tiếng rưỡi, có thể đạt vận tốc 15 km/giờ. Như tôi đang đi tưởng nhanh nhưng nhiều lắm cũng chưa được 10 km/giờ.

Đi chừng hơn nửa cấy số ngảnh lui nhìn lại tôi thấy mình bỏ xa đám đông gần cả 200m; hai người theo sau tôi lúc nãy cũng tụt lại vài chục mét. Trong bụng nghi ngờ tôi tự hỏi hay là do mình đi tay không, họ mang ba lô nặng! Thôi kệ. Dù sao tự nhiên theo phản xạ tôi đi chậm lại đôi chút, không muốn bỏ người ta đằng sau quá xa.

Có thì giờ tôi chú ý nhìn đôi bên hầu như toàn đồng ruộng, bóng người thưa thớt. Những ruộng lúa xanh tốt, thân lúa rạp mình như những đợt sóng trước làn gió nhẹ đưa đẩy. Đây là lúa đông xuân, gieo cấy mùa đông, gặt hái mùa xuân. Năm nay thời tiết tốt, không rét lạnh kéo dài, đến giữa tháng tư lúa trổ chín, vụ gặt này hi vọng thu hoạch sớm để dân làng làm đất chuẩn bị ngay vụ lúa chiêm hè thu mà đến tháng 9 hoặc ngay tháng 8 là mùa gặt. Mấy chuyện này tôi cũng có biết qua. Trông nữa ra xa thấp thoáng các làng mạc ở hai bên đường cái quan với những con đường đất rộng dẫn vào.

Trên đường cái quan có người đi bộ, có khi quang gánh đi thành nhóm nhưng không nhiều. Xe đạp cũng thấy qua lại thường xuyên, và thỉnh thoảng một hai xe hơi

chạy vụt qua là những xe hàng hoặc xe nhà binh. Trên đường quan lộ vài nơi cũng có chòm xóm nhỏ nhà vườn và hàng quán sơ sài, tôi liếc mắt nhìn song tiếp tục đi thẳng.

Từ Văn Xá tôi lần lượt vượt qua các người đi cùng chiều, đến Hương Xuân, qua các cầu Quán Rớ, Triều Tây, Cổng Chém, cuối cùng cầu và bến xe An Hòa tấp nập để rồi rẽ ngoặt trái vào đường Cửa Hậu vắng vẻ như đường làng. Nhìn lui không thấy tăm hơi các nhân viên của tôi đi tụt lại sau quá xa.

Đường Cửa Hậu cũng là tên gọi trong dân gian vì từ cửa Hậu tức là cửa Chánh Bắc trong thành đi ra, qua cống hào hộ thành là gặp đường này chạy dọc theo cạnh bắc của kinh thành từ An Hòa đến Bao Vinh dài 2 cây số rưỡi tận cùng tại đường Hàng Bè nối dài. Đó là con đường đất hai bên là lũy tre, lác đác thấp thoáng vài ngôi nhà tranh có hàng cau, mít, vú sữa… và khoảng năm bảy ngôi nhà ngói suốt dọc con đường. Nhiều nhà có sân trước rộng, vườn sau dài thông với bến nước một con sông đào trong xanh thoáng mát. Đó là sông đào Cửa Hậu chạy bao mặt bắc kinh thành, nối tiếp theo sông đào Kẻ Vạn chạy bọc phía tây. Cầu An Hòa có đường quốc lộ bắc qua sông đào Cửa Hậu này.

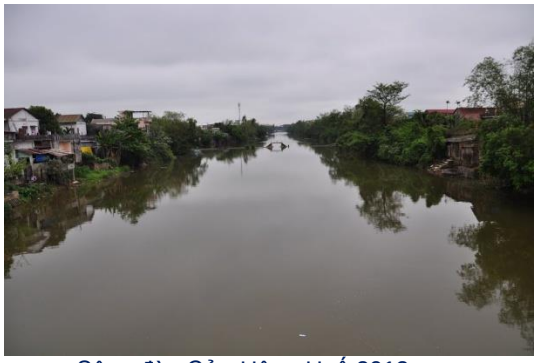
Sông đào Cửa Hậu - Huế 2012

Đường Cửa Hậu (Tăng Bạt Hổ), Huế

Đường Cửa Hậu đủ rộng để xe tải chạy song 2 xe tránh nhau thì phải chạy lấn vào bờ lũy tre. Đường khá vắng lặng, có vẻ không có tầm quan trọng. Đường Cửa Hậu tên từ xưa lại có thêm tên mới: sau 1956 nó có tên là đường Lê Văn Duyệt, sau 1965 là đường Tăng Bạt Hổ mà hiện nay đã trở thành một đường 2 chiều rải nhựa, có nhiều xe nhất là xe gắn máy lưu thông, có nhà trệt nhà lầu và buôn bán hai bên đường. Đầu đường Tăng Bạt Hổ là bến xe buýt An Hòa. Cửa Chánh Bắc (cửa Mang Cá) đóng bít trong một thời gian rất lâu trên một thế kỷ kể từ sau khi Pháp chiếm Mang Cá đã khai thông, mở cửa trở lại, năm 2004.

Tôi đi một mạch hết đường Cửa Hậu rẽ phải ở cầu Bãi Dâu, đổi qua đường Hàng Bè (Huỳnh thúc Kháng) nối dài, đi qua chợ Đồn, rẽ phải vào cổng Cửa Trài. Qua cổng rẽ phải, đi một đoạn rẽ trái là đến Đại đội 1 Quân y và tiếp đó là Bệnh xá bệnh viện Huế. Đến nơi vừa đúng 10 giờ mười lăm. Nhân viên chạy ra ngạc nhiên thấy tôi về một mình song tôi chỉ bảo vắn tắt mấy người kia sắp về tới. Nửa giờ sau thêm 2 người và đám đông kéo nhau về tới nơi thì đã gần 11 giờ rưỡi trưa.

Mọi người tươi cười vui vẻ đồng thanh hỏi tôi về lâu mới. Thấy họ cười cười lúng túng nhìn nhau tôi căn vặn thì được biết họ có ghé vào quán dọc đường uống bia ăn bún, bèo, nậm, bột lọc…qua loa. Tôi cũng phì cười, suy nghĩ lại thì thấy các anh chị nhân viên có lý, chỉ tại tôi đa sự bày đặt chuyện thi đua đi bộ nhanh. Các nhân viên cứ để tôi đi trước thật xa bằng thích, họ tà tà đi sau khỏe ru chẳng có thủ trưởng dòm dỏ! Nói vậy chứ cùng đi thế nào tôi cũng đành để cho họ vào quán kiếm gì ăn uống. Đi hành quân đâu phải là cứ cắm đầu cắm cổ lùi lũi đi một mạch! Lắm lúc phải chậm rãi đi dò từng bước, quan sát, nghe ngóng, phải có tinh thần đồng đội, nâng đỡ nhau chia sẻ hoạn nạn. Bây giờ tôi hiểu ra đạo lý đó.

Sau này tôi càng thấm thía tâm đắc khi nhìn những bức ảnh các binh sĩ trong quân lực VNCH đi hành quân và hình dung được đi hành quân thực sự là ra sao:
*←Bên cạnh là hình các tân binh Trung Tâm Huấn Luyện Quan Trung đi thực tập hành quân đang chuẩn bị bữa ăn ngoài trời, bên cạnh một con lộ có người dân qua lại.
Họ đang ăn uống, ngồi trên bãi cỏ, bữa ăn trông đạm bạc? nhưng ngon lành, ăn no.
Ta thấy cơm đầy và thức ăn trong những khay lớn, thức ăn trong những lon cao, thức ăn đồ hộp, bi đông nước uống, gà mèn…thấy muỗng, không thấy chén đũa.

*Và sau đây là người lính VNCH đang hành quân tuần tra, mang quân trang nặng. Họ vẫn có thì giờ dừng lại bỏ tiền mua báo cùng đọc. Hai ba người xúm lại đọc một tờ, chăm chú theo dõi tin tức, bình luận, phóng sự…. Trên hình ta thấy họ đang đọc trang đầu các tờ nhật báo “Độc Lập”, “Trắng đen”… được xem là những tờ báo bán chạy.
Trang đầu của các nhật báo đăng tin thời sự, sự kiện nổi bật và các bài nghị luận đa dạng.
Ở Sài Gòn trước năm 1975, chỉ kể các báo ra hàng ngày thì có trên 40 tờ, tất cả đều là báo tư nhân. Chính Phủ không ra báo ngoại trừ tờ Công Báo ra định kỳ để đăng tải các sắc lệnh, nghị định hành chánh dùng nội bộ trong các công sở.

Những nhật báo lâu đời nhất là Thần Chung, Sài Gòn Mới, Tiếng Chuông… và rồi Tiếng Dội, Tin Điển, Tia Sáng, Tự Do, Ngôn Luận, Dân Quyền, Chánh Đạo, Chính Luận, Độc Lập, Trắng Đen, Thời Luận, Xây Dựng, Lẽ Sống, Sống, Sóng Thần, Lửa Việt, Ánh Sáng v.v… Báo chí thời đó nói chung có 3 khuynh hướng: 1-công khai chống chính quyền, chống Mỹ điển hình là tờ Tin Sáng, gọi Tổng Thống Thiệu là Tổng Thống Thẹo, anh Sáu Thẹo (con út thứ năm trong gia đình), bêu riễu Đại sứ Hoa Kỳ… 2- giữ trung lập, không theo bên nào. 3- chống Cọng ví dụ tờ Sống, Chính Luận. Ký giả Từ Chung của báo Chính Luận bị ám sát trúng đạn tử thương tháng 12/1965 và Chu Tử của báo Sống cũng bị bắn nhưng thoát chết, chỉ bị thương, nửa năm sau đó (6/1966.)

*Lính quân y hành quân cũng một thứ: BS.Vĩnh Chánh YK7 Huế, Y sĩ Trung úy trưng tập khóa 16, thuật chuyện như sau: "…*Hồi xưa đi hành quân với Nhảy Dù, đầu đội mũ sắt, mình mang áo giáp (nặng khoảng 7 kg), trên vai còn mang cả một bao lô cũng gần 10 kg nữa. Lúc mới đầu thấy quá nặng, nhưng nhìn quanh thấy ai cũng như mình, rồi cứ phải như rứa hoài, ngày này qua ngày khác di chuyển liên miên rồi cũng quen dần*…(VChánh "Tháng Ngày Tao Loạn", ykh@yahoogroups.com, July 19/2013.)
BS. Tôn Thất Sang YK3 Huế kể: *"Nhiều buổi thực tập địa hình, di hành dã trại, chúng tôi phải đi ra khỏi trại hằng mấy cây số, qua những trại gà công nghiệp hằng vạn con, băng ngang những xóm làng hiu quạnh, những ngọn đồi trọc heo hút. Khi trở về, phải theo la bàn mà định vị…"* Và quân y mà tập các thứ dữ dằn: *"lắp ráp và tác xạ súng carbin, M16, trung liên bar, đại liên M30, M60, súng phóng lựu và nhất là hỏa tiển chống tank M72 hay còn gọi là Hỏa Tiễn 3.5... cách ném lựu đạn MK3, M6 ngay cả lựu đạn chày của VC. Buổi tập bắn hỏa tiển M72 thật là lý thú và hồi hộp vì tiếng nổ lớn và sức phụt hậu rất mạnh đến 25 m; mục tiêu là những chiếc xe GMC hư nằm cách xa khoảng 50m"…(*TTS "Y Sĩ Trưng Tập" Diễn Đàn Cựu Sinh Viên Quân Y 2010.)

A unit of Field Police makes a last patrol on the treets of Saigon

*Cảnh sát dã chiến hành quân cũng mặc đồ trận rằn ri, mũ sắt. Hình bên cho thấy họ đang đi tuần tra trên các đường phố Sài Gòn.

"…*Cảnh sát dã chiến cũng phải thụ huấn 3 tháng quân sự tại trường Bộ binh Thủ Đức, học các môn Cơ bản thao diễn … Rồi Đoạn đường chiến binh với đầy đủ quân trang, quân dụng mà vượt qua 18 chướng ngại vật là những đà ngang, đà dọc, thang đứng, thang nằm, hố chó, hang mèo, chuồng gà kẽm gai… Tối bò hỏa lực, ngày thực tập bài vượt sông, trưa nơi bãi bắn, nắng như thiu như đốt... Tiếng đạn Garant chát chúa, xé tan tành trời đất. Bữa đu dây tử thần, hai tay cầm thật chắc cái róc rách mà chạy vù vù trên hồ nước xanh lè…"* (theo NTBình "Tôi vào Học viện Cảnh sát Quốc gia".)

Về phần tôi suốt thời gian quân ngũ chưa hề sờ đến súng lục, súng trường nói gì đến bắn! Có lúc tôi nghĩ nên bảo nhân viên tổ chức đi bắn bia tại Trường Bia đâu sau núi Ngự Bình, mà thỉnh thoảng nghe vọng về các tiếng "cắc bùm", lính tập bắn. Cũng nên bắn thử vài viên xem cảm giác thế nào, tài nghệ ra sao, nhưng rồi lúm úm công việc, tôi quên khuấy. Vậy cũng tốt thôi "*chơi dao đứt tay, chơi súng ăn đạn*", tránh được chừng nào hay chừng ấy.

Về cuộc hành quân Bệnh xá bệnh viện Huế đi bộ quãng đường Văn Xá/ Huế, tôi về đích trước nhất cũng chẳng có danh vọng gì. Tôi đi tay không mà các nhân viên mang quân trang vướng víu. Họ cũng không đua tranh với tôi làm gì. Tôi cũng không nhắc nhở gì đến chuyến hành quân này nữa.

Qua ngày hôm sau cuộc thi đi bộ tôi vẫn khỏe, ăn uống bình thường song tay chân rã rời nhức mỏi quá chừng, ê ẩm cả toàn thân đến cả một tuần lễ mới hết hẳn. Cũng tại mình gắng sức đột ngột và kéo dài mà không chuẩn bị luyện tập từ từ trước để các bắp thịt làm quen. Tôi nhớ lại xưa có lần tôi cũng đi bộ cùng người anh con dì khoảng 20 cây số theo đường quốc lộ từ Đồng Hới qua Quán Hàu, Võ Xá, lên đến Thạch Xá Thượng thăm bà dì và dượng, ở chơi 2 ngày rồi về mà chẳng nhức mỏi trong người gì cả. Vì tôi đi chậm rãi, không gấp gáp.

Nhớ lại chuyện đi bộ Văn Xá/ Mang Cá Huế, những hình ảnh tôi một y sĩ trung úy, bác sĩ quân y, xăng xái đơn độc rảo bước nhanh trên đường thiên lý vẫn hiện rõ nét trong tâm trí.

Nhưng đó là chuyện thời năm 1958. Thời đó trong nhiều năm người lính Cọng Hòa có những chuỗi ngày vui, thanh thản:

"*Cho đến năm 1963, tình hình tại Vùng I Chiến Thuật tương đối yên tĩnh, chỉ có những cuộc hành quân lẻ tẻ cấp Đại Đội hoặc Tiểu Đoàn diễn ra. Nhất là thời kỳ những năm trước 1962, bộ tham mưu Quân Đoàn chỉ chú trọng vào việc giám sát*

các đơn vị huấn luyện tác chiến. Để hâm nóng tinh thần người lính, bộ tham mưu thường tổ chức các cuộc đi bộ, mang theo hành trang dã chiến vào những buổi sáng sớm về các vùng phụ cận. Người lính quân y tại bộ tham mưu quân đoàn I lúc đó thật vô cùng thanh thản" (PVTú QYHD5, TYViện Duy Tân 1967-73)

Tôi đọc đoạn viết này của BS. Phạm Viết Tú lại càng thấy rõ các năm 1957/59 miền Nam thực thái bình âu lạc. Các năm này Đại Học Huế cuối 1957 và tiếp theo là trường Đại Học Y Khoa Huế cuối 1959 được thành lập. Các bác sĩ tốt nghiệp từ trường YKH kể từ ngay trước biến cố Tết Mậu Thân đầu năm 1968 đã sống những ngày hào hùng trong đời binh nghiệp khác hẳn với tôi, những ngày vui trong quân ngũ, dưới chính thể VNCH. Tôi trân trọng những ngày an bình thịnh trị thời ấy.

***

11. Bản Đàn Guitar Vọng Cổ

Tôi bước chân vào phòng, vừa đằng hắng nhẹ. Mấy bệnh nhân ngồi vây quanh chăm chú nghe một anh chàng ngồi trên giường gảy guitar bản vọng cổ, trông ra thấy tôi đều đứng nhỏm dậy, lúng túng. Tiếng đàn cũng im bặt. Mấy ông lính bệnh nhân trong trại bệnh quả thật không ngờ bác sĩ lại đi vào trại bệnh giờ này, đã đến 5 giờ chiều bãi sở.
Số là tôi đang chờ chiếc xe Jeep đi có việc ra ngoài chưa thấy trở về. Nếu thích thì tôi cũng có thể lấy xe Dodge 4 hoặc xe Hồng Thập Tự để về nhà, song lúc đó tôi không gấp gáp việc gì. Trời tháng năm, buổi chiều còn nóng nực, tôi bước lên bờ thành hóng mát. Đứng trên bờ thành khu vực Mang Cá Lớn, nhìn về phía Tây là dãy Trường Sơn như gần như xa, nhìn xuống thấy thành cao ngợp, trông thẳng ra trước tức là trông qua hào nước, về hướng bắc, bên kia hào là đường Cửa Hậu (Tăng Bạt Hổ) có hàng tre xanh thấp thoáng che phủ vài nóc nhà, người qua lại thưa thớt. Xa chút nữa là sông Đào Cửa Hậu đổ ra sông Hương.
Kinh thành Huế có các sông bao bọc tứ phía, ngoài các hào nước hộ thành. Phía Nam là sông Hương có các cầu Bạch Hổ, Tràng Tiền, phía tây là sông đào Kẻ Vạn, phía bắc là sông đào Cửa Hậu, phía đông là sông đào Đông Ba có cầu Đông Ba bắc ngang, có cả dãy bến thuyền bè đậu san sát.

Đang nhìn ngắm trời mây nước bỗng nhiên tôi nghe tiếng đàn văng vẳng, tiếng ai đàn bản vọng cổ nhấn nhả nghe thật mùi mẫn. Tôi lắng tai, và sực nhớ mấy hôm nay buổi sáng đi thăm các trại bệnh tôi thấy một bệnh nhân trẻ tuổi người miền nam, binh nhì, có một cây đàn guitar dựng ở đầu giường. Tôi không chú ý gì vì cây đàn được bọc trong túi vải của nó, chỉ cho rằng đó là một cây guitar tân nhạc bình thường. Song nay nghĩ lại chắc chắn đó là một cây guitar vọng cổ phím lõm và người đàn là bệnh nhân binh nhì đó.
Có tiếng động cơ xe hơi sình sịch nghe gần, tôi nhìn xuống đường thấy xe Jeep đã về. Bụng định bước xuống nhưng đôi chân lại dẫn tôi đến trại bệnh nơi xuất phát tiếng đàn và bước vào phòng.

-Các anh cứ tự nhiên, ngồi xuống cả đi.
Tôi vẫy nhẹ tay phải ra hiệu cho mọi người cùng ngồi, tiến đến dần, cười nói tiếp:
-Tiếng đàn ở xa nghe hay quá, tôi ghé vào chút xíu thôi, nghe cho rõ.
Một bệnh nhân ngồi cạnh nhặt cây đàn đặt trên giường trao vào tay 'nhạc sĩ', tán tỉnh:
-Thưa bác sĩ anh Tấn biết nhiều bài lắm. Anh đàn cho bác sĩ nghe đi, nhớ đàn bản nào ruột, thật hay rồi bác sĩ cho thêm thuốc tiêm uống mau lành bệnh.
Tôi suýt phì cười:
-Ừ, vậy anh Tấn đàn lại bản vọng cổ lúc nãy trên bờ thành tôi nghe và tìm đến đây. Đàn một hai câu thôi, hôm nay đã trễ tôi phải về, hôm khác tôi đến nghe tiếp.
Tấn ôm đàn nhìn tôi và từ tốn:
-Dạ, em xin đàn 2 câu đầu bài vọng cổ.
Mọi người im lặng lắng nghe, tôi chăm chú nhìn vào những ngón tay Tấn nhấn vuốt thoăn thoắt trên các phím lõm. Tấn có ngón đàn nghe cũng tươi lắm, tôi thầm nghĩ.
Tiếng đàn dứt cả phòng vỗ tay khen ngợi.
Một anh ngồi kề than thở tiếc rẻ:
-Đàn nghe mùi thật. Mấy anh em đòi anh Tấn truyền nghề, anh nói sẵn sàng nhưng ai muốn học phải sắm đàn anh mới dạy được, lúc trước anh học cũng vậy. Khó quá, ai nấy đành chịu.
Đột nhiên, như có gì thúc đẩy tôi vụt nói:
-Ủa vậy anh Tấn chỉ bảo cho tôi đi. Ngày mai tôi sẽ mang đàn đến. Nhớ nghe.
Tôi nghĩ bụng ra phố thì đàn mua mấy lúc, thiếu gì!

**

Chuyện hôm đó tôi bất thần đòi học đàn vọng cổ không do sự bốc đồng hứng chí nhất thời. Có cả một quá trình sự việc dẫn đến, thâm nhiễm vào trí óc, tâm hồn tôi từ tuổi thơ khiến tôi ưa thích nhạc dân tộc cổ truyền và hễ có cơ hội học hỏi là tự động phát khởi. Gia đình cha mẹ tôi không ai tài hoa về âm nhạc, hai bên nội ngoại chẳng thấy ai đàn ca múa hát gì, tuy nhiên đi xem, mua vé đi xem hát bội, cải lương… thì có.
Có ba sự kiện xẩy ra ở tuổi thơ của tôi làm hình thành sự mê thích các làn điệu cổ: yếu tố môi trường, cuốn ký âm nhạc cổ, các đĩa hát thời đó, trước năm 1945, có thể còn trước cả gần chục năm.

****Ảnh hưởng chung quanh**. Tôi không thể nhớ nổi từ hồi nào, từ thời tiểu học hay trước nữa! do đâu, ai dạy, hoặc đơn giản chỉ nghe ai đâu đó hát mãi nhiều lần khiến tôi tự nhiên hát theo thuộc lòng các bản nhạc cổ thông thường.
Bài đầu tiên có lẽ là bài "Dậy dậy dậy" như sau: "*Dậy dậy dậy mở mắt xem toàn châu. Đèn khai hóa rạng khắp toàn cầu, ngọn đèn thông thương ngàn dặm, xe tàu…Chúc Đại Pháp bình an nước nhà thạnh trì. Chúc Nam Việt vạn tuế trường thọ vô cương*."
Các bài kèn lính tập thổi 'tọ ti tè' (re, si, sol?) ngày nhiều lần cũng thấm vào óc: "*Một ngàn ba mươi vạn ông tây. Mụ đầm xách cái bị lòng thòng. Mụ đi mô tui bắt mụ lại không cho mụ về."*

Rồi bản 'Lưu Thủy': "*Đời gặp đời cạnh tranh. Khuyên ai mà tuổi tác xuân xanh. Chăm mà học cho đặng tấn tới…* qua 'Kim Tiền': *Sanh ra đạo làm trai. Chăm lo học cho đặng nên người. Để đua trí tranh tài kịp người ta*…
'Bình Bán': "*Con này con lắng tai . Nghe lời mẹ căn dặn một hai. Đạo làm con*…."
'Tẩu Mã': "*Đêm đã sang tê tề. Gà sẹ sè phất cạnh*…"
'Đăng Đàn Cung': "*Kìa núi vàng bể bạc. Có sách trời định phần. Một dòng ta gầy*…"
Tân nhạc thì đến sau, và tôi thích nhất réo hát mãi bài Tango chinois 'Hà nhật quân tái lai': *'Bến xưa, bến xưa em còn đang mong. Đây bến xưa làn nước loáng trong…"* và bài 'Tiếng gọi sinh viên' của LHPhước (bản tiếng Pháp La marche des étudiants, Sinh viên hành khúc.)
Nhạc Pháp ngoài bài quốc ca Pháp 'La Marseillaise", quân ca 'Madelon' thì tôi thường hát nhất bài "J'ai deux amours*: mon pays et Paris*"… tuy nhiên không thuộc trọn bài. Nhạc Pháp rất hay, lại giúp trau dồi tiếng Pháp, các bài hát ' Riquita jolie fleur de Java', 'Malbrough s'en va-t-en guerre', 'Maréchal, nous voilà!' (suy tôn Thống Chế Pétain)…rất thịnh hành trong lớp trẻ và …trẻ con.

***Cẩm nang cổ nhạc*. Đâu vào năm 1942 một lần lên nhà ngoại tôi trèo lên tra (rầm thượng) lục lọi và bắt được một cuốn sách nhỏ chữ quốc ngữ, mỏng độ năm sáu chục trang, in tại Huế, dạy các bản ca Huế: Lưu thủy, Kim tiền, Nam ai, Nam bình v.v… Các nốt nhạc "hò xự xàng xê công, liu u" (liu= hò, u=xự) viết bằng chữ Hán: "hợp tứ thượng xích công, lục ngũ" mỗi chữ trong một vòng tròn nhỏ, trông giống như một quân cờ tướng nhưng nhỏ hơn. Các nốt nhạc hợp, tứ, thượng (hò, xự, xàng)…được sắp cao thấp trên các gạch ngang dài bắt chước lối ký âm tân nhạc do, re, mi…
Bản Kim Tiền 12 nốt nhạc đầu là: u liu xê công liu, u xáng u liuxê liu công… Nếu có đàn thì có thể đánh ra để tập hát như trường hợp một bản tân nhạc. Tôi không có đàn ta song nhờ hát rành bài Kim Tiền từ trước, 12 chữ đầu là: "*sanh ra đạo làm trai, chăm lo học chođặng nên người*…", do đó tôi không phải mò mẫm nhiều để đối chiếu nhạc và lời. Suy ra nếu gọi hò=do, là re hoặc là sol… thì ngũ cung 'hò xự xàng xê công' sẽ là 'do re fa sol la', là 're mi sol la si' hoặc 'sol la do re mi' v.v… Ngoài ra có thêm một nốt phụ gọi là "phan (oan)", với 'phan' cao hơn 'công' 1/2 cung (tone.)
Bản ký âm trong sách này dạy rất đơn giản do mỗi nốt nhạc tương ứng với một tiếng hát, tương tự tân nhạc, cứ theo đó mà hát. Đó là căn bản. Trong thực tế nhạc công đàn dặm thêm nhiều nốt nhạc cho ít lời hát, miễn là giữ đúng nhịp (trường canh.) Nhạc và lời chỉ tương ứng từng lúc, và bắt buộc là ở cuối câu.

***Chiếc máy hát*. Đầu năm 43 cha tôi mua lại của người bạn một máy hát kèm thêm khoảng 50 đĩa hát cũ. Máy hát này hình hộp dẹp có nắp mở đóng, kích thước 40x40x15 cm, thuộc loại quay tay để lên dây cót và các đĩa hát loại 78 vòng/phút, hiệu Beka, Pathé, Hồng hoa… Mua thêm mấy hộp kim dài 1,5 cm bằng thép, thay kim mỗi lần dùng vì kim cùn mòn, gây tiếng rè; nếu là kim cương đắt tiền thì dùng được mãi, nhưng không thấy bán.
Thời đó những năm trước 1945 chưa có đài phát thanh, truyền hình, ở giữa Đồng Hới sự kiện có một máy hát là một biến cố trọng đại cho cả khu xóm. Khi vặn máy hát lên, những tuần lễ đầu thì ôi thôi trẻ con gần rồi xa, có cả người lớn bu lại gần,

chỉ trỏ ngạc nhiên vì tin rằng có người bị nhốt trong hộp nhỏ mà hát được nhiều bài, kể nhiều chuyện hay.
Trong số đĩa có tân nhạc, cổ nhạc, kể chuyện trào phúng…
Về tân nhạc tôi chỉ nhớ một đĩa hát. Đó là bài Guitare d'amour do cô Ái Liên (1918-91) hát, bản tiếng Việt: "*Ngày xuân hoa thắm tươi. Lòng xuân phơi phới chén xuân ta chúc nhau. Ngày xuân con én đưa thoi. Thiều quang lấp lánh sáng soi. Nhìn xem ai nấy như bóng hoa. Cành mai cơn gió đưa…*"

Về cổ nhạc thì phần lớn là ca Huế và Sài gòn.
Ca Huế thì có Nam Ai, Nam Bình, các điệu hò song tôi rành nhất là đĩa ca bài Đại Việt Quốc Sử, theo điệu ca 'mười bản Tàu': Phẩm tuyết, Nguyên tiêu, Hồ quảng, Liên hoàn, Binh bán, Tây mai, Kim tiền, Xuân phong, Long hổ, *Tẩu* mã: "*Ta là người An nam. Phải cho rành chuyện nước Nam. Ngày trước có họ Hồng Bàng. Dựng đầu là Kinh Dương Vương… Nước gọi Văn Lang. Phong Châu kinh đô mở mang. Truyền đến đời 18. Vua nước Thục, An Dương Vương*… qua điệu Tẩu mã: *Nối đặng bốn năm trời. Tàu lại đồ biên quận. Khiến Mã Viện đem binh mã vây. Vua Trưng Vương tuẫn nạn. Cột đồng…."*
Nam Ai, buồn bã nhưng không quá não nuột như các bài hơi oán Nam bộ, tôi cũng tạm ca được, Nam Bình thì dễ, tươi tắn, tao nhã hơn: *"Nước non ngàn dặm ra đi. Cái tình chi. Mượn màu son phấn, đền nợ Ô Ly. Đắng cay vì đương độ xuân thì. Số lao đao…"*

Cổ nhạc nam bộ là có nhiều đĩa hát nhất. Ba bài tôi nhớ rõ là 1-Tôn Tẩn Giả Điên do Út Trà Ôn ca, dài đến mấy đĩa. Tôi chỉ nghe không tập theo. 2-Quan Công Tha Tào, cũng dài nhiều đĩa, tôi tập hát theo vài đoạn: "*Dạ dạ trăm lạy Quan Hầu, ngàn lạy Quan Hầu. Ngày nay là ngày lỡ chân trái bước của Tào đi rồi mà ơn nghĩa Tào đối với ngài to như biển non, ngài nỡ nào để cho Tào chịu nhục danh thượng tướng!... Ngày nào ngài còn ở với Tào, tam nhật thì tiểu yến, thất nhật thì đại yến, thượng mã thì đề kim, hạ mã thì đề ngân…*" các đoạn khác nhớ lõm bõm. 3-Đĩa ca **"Nửa Đời Hương Phấn**." Bài ca vọng cổ này tôi vặn máy hát nghe đi nghe lại nhiều lần đến nhập tâm, tập mãi và ca được trọn bài, nghe cũng mùi? Đây là câu chuyện của một anh chàng tên Tùng muốn cưới Liên là một cô gái giang hồ. Cang là anh của Tùng tìm cách ngăn cản và cưới vợ khác cho Tùng. Hôm đám cưới, Liên đến xem trộm.
Liên: *"Em thối bước dựng nửa đời hương phấn. Nhưng thành trì phong kiến cản chân em. Em say đắm yêu nhưng ai khiến xui em phụ bạc, nghe tiếng pháo cưới lòng em tan nát như xác pháo tơi <u>bời</u>***.**
Làm cho con tim em thêm bấn loạn rã <u>rời</u>. Anh Tùng ơi ! anh vui say trong phòng hoa chúc, hiện giờ anh đang chuyện trò ân ái, anh có biết cho em tựa cổng <u>rào</u>, mặc cho sóng lệ tuôn <u>trào</u>, ướt cả đôi má nhạt màu son phấn!
Cang: "*Cô Hương, cô còn nhớ tôi chăng? Tôi là Cang, anh của Tùng đây… nay em tôi đã yên bề gia thất, tôi xin thành thật đặng cám ơn cô. Chứ cô ơi, vì quá thương em tôi đành để cô đau khổ, chớ đâu có phải tôi tạo chuyện đã rồi giả bộ khó <u>khăn</u>, nhưng sự thực tôi vô cùng hối hận ăn <u>năn</u>…*
Tùng:*"Em Hương, nãy giờ anh đã rình nghe tự sự, vì anh mà em phải hi sinh tự đè nén tâm <u>mình</u>. Để bảo vệ phẩm giá nhà anh được chu <u>toàn</u>. Càng hiểu anh càng yêu thập bội như thuỷ triều cuồn cuộn dâng <u>lên</u>. Anh cưới vợ đâu phải là yêu, nhưng*

để trả thù người bội bạc, lại hóa ra anh trả thù người đã cùng anh vẹn chữ chung tình.
Em chỉ trách anh Hai biết thương em nhưng không hiểu nỗi khổ của em mình. Anh không chịu hòa lòng với em để mà định mối duyên lành. Dẫu trước em Hương có sa ngã, nhưng hiện giờ em đã thuần lương. Có đáng làm gì dĩ vãng, nên xây dựng hiện tại và mai sau. Em xin thưa thật với anh Hai, em cương quyết cùng Hương chung sống đến hơi tàn.
Hương: *"…Tùng, anh Hai là người anh tốt chỉ biết nghĩ đến hạnh phúc của em mình. Tùng đừng trách anh mà mang tội với người cao cả. Tùng nên vui vầy với vợ. Còn Hương? Còn Liên Hương thì định mệnh đã sẵn dành. Có lẽ định mệnh bắt buộc kiếp gió sương trở về đời sương gió. Em xin vĩnh biệt Tùng và xin hẹn đến kiếp mai sau."*
"Nửa Đời Hương Phấn" lại là một vở cải lương rất ăn khách, được thay đổi đào kép thượng thặng diễn mãi cho đến hiện giờ, đã trên 60 năm qua. Có nhiều tình tiết éo le, chẳng hạn Diệu, vợ mới cưới của Tùng lại là em ruột của Liên Hương…

Đĩa ca vọng cổ "Nữa Đời Hương Phấn" vừa ca mùi mẫn mà nhạc đệm đàn kìm, cò… lại càng hay đáo để. Tôi không nhớ tên các người ca hoặc đàn song họ là những nghệ nhân thuộc lớp trước. Sau này trong các vở cải lương các lời ca của Hương, Cang, Tùng có thay đổi, không như trong đĩa hát năm đó.

Vở cải lương tâm lý, tình cảm, xã hội "Nửa Đời Hương Phấn" (tác giả Hà Triều – Hoa Phượng) nổi tiếng trong ngót 7 thập niên từng được những ngôi sao hàng đầu của sân khấu Việt Nam như Thanh Nga, Ngọc Giàu, Phượng Liên, Bạch Tuyết, Thành Được, Hữu Phước, Diệp Lang... thủ diễn các vai chính, trước và sau năm 1975, kể cả ở cộng đồng người Việt tại nước ngoài chẳng hạn ngày 9 tháng 5/1999 tại đại hý viện La Mirada quận Cam do Kịch đoàn Hải ngoại công diễn.

Hình 1: Út Bạch Lan (Hương) và Thành Được (Tùng.) Các vai khác: Hữu Phước (Cang), Ngọc Nuôi (Diệu) …
Hình 2: NSƯT Bảo Quốc và NS Ngọc Đợi (Hương.)
Hình 3: NSƯT Bảo Quốc và NS Thy Trang (Diệu.) 2009.

Qua các sự kiện kể trên thì việc tôi quyết định học đàn guitar bản vọng cổ với một bệnh nhân đang nằm trong bệnh xá bệnh viện Huế chẳng có gì gây ngạc nhiên. Tôi nghĩ yêu nhạc dân tộc - là tinh hoa, là tâm hồn của dân tộc – đúng là thể hiện tình yêu quê hương, đất nước một cách trung thực và sâu đậm.

Thật ra thì cách 3 năm trước tôi đã xử dụng được đàn nguyệt, nhưng chỉ chơi cổ nhạc Huế. Hồi đó tôi chưa ra trường, còn ở tại học xá Trung Việt, bên kia bùng binh là chợ Bến Thành. Một hôm đọc báo tôi thấy đăng tin rao

dạy đàn cổ nhạc Huế tận nhà, ông thầy tên Trịnh Chức, tuần 2 giờ, năm trăm đồng một tháng. Thấy địa chỉ cũng gần, tôi đến nơi tìm hỏi. Sau đó mỗi tuần ông đi xe đạp đem đờn đến học xá dạy tôi 2 buổi. Ngày đầu việc đầu tiên là ông dẫn tôi ra đường Hồ Văn Ngà (nay là LT Hồng Gấm), ở sau lưng học xá Trung Việt để chọn mua một cây đờn nguyệt. Suốt 2 tháng ông dạy tôi gần đủ các bản đàn Huế, kể cả dạo bắc, dạo nam. Ông dạy từng câu năm bảy chữ, ông vừa đàn vừa đọc tên các nốt nhạc, và mình coi đó đàn theo, học xong câu này qua câu khác. Đó là dạy theo lối truyền miệng, 'truyền ngón', hơn là lý thuyết thuần túy. Hết buổi ông viết các nốt nhạc vừa đàn xong vào một cuốn vở cho tôi giữ. Tôi nhận thấy bản Kim Tiền, 2 câu đầu ông đàn đến 20 tiếng, mà thực tế chỉ có 12 chữ hát tương ứng 12 tiếng đàn đúng như trong sách dạy cổ nhạc Huế mà tôi tìm nhặt được ở trên rầm thượng nhà ông ngoại năm xưa. Ông đàn dặm thêm nốt lạ như ta hát cương và thay đổi rút ngắn trường độ các dấu… để vẫn giữ đúng trường canh. Tuy nhiên ở cuối câu thì ông giữ đúng nốt trong bài. Có khi cũng 2 câu ấy ông lại đàn khác đi, bớt chữ, chậm lại. Tôi nhận thấy đàn bớt chữ rất khó, vì đàn chậm, phải nhấn phím uốn éo tiếng nhiều thay vào, nhưng nghe lại rất hay. Đàn quá nhanh có khi lại nghe tưởng như tân nhạc. Các bản bắc Lưu thủy, Kim tiền… đàn khá nhanh ít nhấn phím, qua các bản Nam Ai, Nam Bình có nhiều khúc đàn chậm, nhấn phím nhiều, ví dụ nhấn từ 'xàng' lên 'xê', 'xê' lên 'cống' hoặc cao hơn rất đau ngón tay mà vẫn nhấn phím chưa đủ cao; lâu dần ngón tay có chai mới hết đau và nhấn phím đúng cung bậc.

Sau này tự tìm hiểu thêm thì tôi biết 2 dây đàn nguyệt thông thường lên theo quãng 5. Dây trầm là dây 'tồn', là 'xàng', là dây 'đài'. Dây cao là dây 'tang', là 'hò', là dây 'tiếu'. Đối chiếu tân nhạc thì xàng=fa, hò=do và ngũ cung 'hò xự xàng xê công' tương ứng với 'do re fa sol la'. Nhưng ở Nam bộ thì lấy xàng=do, hò=sol và 'hò xự xàng xê công' tương ứng 'sol la do re mi'. Đó gọi là dây hò nhứt, nghĩa là nốt 'hò' nằm ở phím thứ nhất (dây buông) của đàn nguyệt có 9 phím. Dây hò nhất dùng để đàn các bản vui tươi, hùng tráng. Tuy nhiên ca Huế dùng dây hò nhứt đàn tất cả mọi bản vui, buồn.

Trở lại với chuyện học guitar vọng cổ, ngay chiều hôm đó khi ra phố, tôi ghé vào tiệm đờn mua một cây guitar phím lõm. Trong hiệu chỉ còn 2 cây. Guitar thì có 6 dây, nhưng đàn cổ nhạc thì chỉ dùng 5 dây, dây thứ sáu âm thấp nhất thì có đó nhưng rất ít dùng đến, ngay cả chẳng dùng. Cũng được thôi, cổ nhạc cũng chỉ có ngũ cung 'hò xự xàng xê công'.

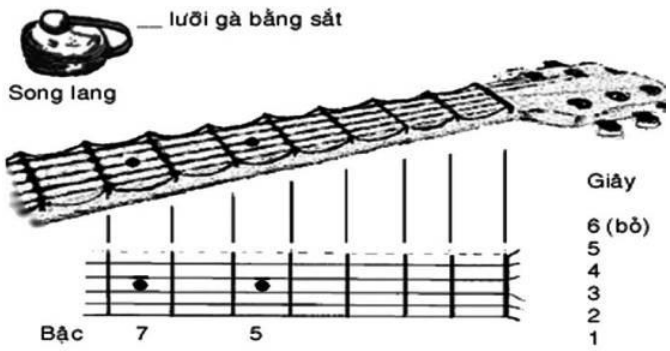

← Guitare vọng cổ có bàn phím lõm khuyết sâu vào cần đàn.
Song lang là cái mõ chân đạp đánh nhịp.

Tấn, tên anh binh nhì người Long Xuyên, Rạch Giá gì đó dạy đàn, chỉ bảo tôi rất tận tâm nhưng không phải là cặn kẻ bởi vì tôi không thắc mắc hỏi han gì nhiều. Bản đàn vọng cổ còn chứa đựng bao nhiêu điều phức tạp nhưng trước mắt tôi chỉ cần thực hành, nghĩa là đánh ra được bài vọng cổ

cho ra hồn, sạch nước cản và đó là điều tôi mong muốn, không đòi hỏi nhiều, không cố tình đi sâu.
Rút kinh nghiệm học đàn nguyệt mấy năm trước, tôi biết trước hết cứ học thuộc lòng, lập đi lập lại cho thành thói quen nhuần nhuyễn tự nhiên. Khi đàn vững rồi lúc này có thể bắt chước hoặc sáng tạo riêng cho mình, thêm vào bớt ra, đàn dày, đàn thưa, biến hóa nhiều cách để chọn lựa. Chỉ cần sửa đổi một vài nốt trong khuôn, nhịp cũng thấy khác nhiều lắm.
Tấn chỉ cho tôi tên các dây trên đàn, từ thấp lên cao là 'xàng hò xàng xê u'. Anh bảo đó là dây Rạch Giá. Và cách dạy cũng là truyền miệng truyền ngón, anh vừa hô tên các nốt vừa gảy vừa bấm vào phím đờn, tôi nhìn kỹ làm đúng theo, nhất là những chỗ anh nhấn mạnh vào phím để tạo các âm uốn éo: *xàng xãng xang… hòxàng xêcỗng xê…côngcông xêxãng xệ*…
Tôi đem theo một cuốn vở và tự tay ghi các nốt nhạc, mỗi lần năm bảy nốt cùng làm dấu những nơi rung nhấn, nhanh chậm v.v.
Có khi tôi cũng tìm cách đối chiếu tiếng đàn đang học với lời ca trong bài vọng cổ "Nửa đời hương phấn" mà tôi biết từ gần 15 năm trước. Chẳng hạn cô Hương ca vọng cổ câu 1: ...'*anh có biết cho em tựa cổng rào, mặc cho sóng lệ tuôn trào, ướt cả đôi má nhạt màu son phấn!'.* Các chữ *rào*, *trào*, *phấn*, tương ứng các nốt nhạc hò hò cống.

Sau 3 buổi học tôi cũng chập chững đàn được bài guitar vọng cổ. Học mà có người ngồi cạnh tận tường chỉ bảo thì học cũng dễ, kết quả cũng nhanh chóng thôi. Tập luyện mãi thì đàn nghe hay và mùi. Nhưng rõ ràng là không dạy theo khoa sư phạm. Như ở trường dạy bài bản thì trước tiên thầy giáo dài dòng giảng lịch sử, lý thuyết… về cổ nhạc, về bản vọng cổ, cây đàn…
Guitar dây Rạch Giá đàn nghe mùi mẫn thâm trầm. Mỗi tiếng đàn nghe chơn chất, mộc mạc, dịu hiền như cô gái vùng biển mặn mà.
Mãi lâu về sau tôi biết được guitar dây Rạch Giá chỉ dùng đàn cho giọng kép (giọng ca nam.) Năm dây từ thấp lên cao của dây Rạch Giá là "sol re sol la mi", và lấy nốt 're=hò'.
Muốn đàn cho giọng đào (nữ), hoặc đàn các bản "oán", bản "bắc" thì mỗi lần phải lên dây lại. Như vậy đàn tài tử vui chơi với bạn bè mà thôi, đàn cải lương đào kép liên tiếp trao đổi lời ca thì bất tiện, không kịp so lại dây đờn.
Đàn guitar Dây Lai được sáng chế, lai và tổng hợp được nhiều giọng, đàn được nhiều "tông" (đào, kép và kép cao) mà không cần lên dây kiểu khác.
Đàn guitar tây phương thì 6 dây là 'mi la re sol si mi' từ thấp lên cao.
Đàn guitar phím lõm Dây Lai thì 6 dây là '(la) re sol re la re'.

Dây số 6 thấp nhất là 'la', có thể là 'sol', hoặc không lên dây cũng được vì thực tế coi như không dùng đến. Các dây số 5, 3 và 1 cao nhất thì 'nốt' giống nhau vì cùng là 're'.
'Hò' của dây đào là nốt 're', 'hò của dây kép là nốt 'sol', 'hò' kép cao là 'la', cao hơn giọng nam bình thường 2 ngăn (một cung.) Dựa theo công thức trên ta có thể biết hết tên các nốt trên cây đàn, thay đổi tùy theo giọng ca đào, kép, kép cao.
Hiện tại hệ thống dây lai phổ biến nhất, để đàn biểu diễn, cải lương chuyên nghiệp, để giảng dạy, học tập. Đặc biệt hai dây đàn số 1 và 2 mảnh bằng nhau và có tiết diện nhỏ hơn dây bình thường để tạo cho âm sắc mềm mại thanh thoát hơn. Các nốt 'cống, xự' thường năng được dùng và nhấn ở dây 2.

Chuyện tôi học đàn 6 câu vọng cổ chưa chấm dứt ở đây. Đầu hè năm 59, tôi lại có dịp vào Sài Gòn trong một tuần lễ. Bây giờ trong Chi Nhánh Tổng Y Viện Duy Tân, tên mới của Bệnh xá bệnh viện Huế đã có thêm BS. Nguyễn Thế Huy, Y sĩ Đại úy hiện dịch.
Vào Sài Gòn lần này đọc báo tôi lại phát hiện một nhạc sư rao dạy đàn kìm (đàn nguyệt) tại nhà ở khu Bàn Cờ. Tôi đến ngay, tìm học đàn 6 câu vọng cổ, 3 buổi mất hết đâu mấy trăm. Tôi không phải mua đàn. Đàn đã có sẵn tại nhà ông thầy, chỉ mượn học.
Cầm đàn lên gảy thử dây tôi ngạc nhiên vì 2 dây không phải là 'tồn, tang' (xang hò) cách nhau quãng 5 như tôi vẫn dùng để đàn các bản ca Huế mà là cách nhau quãng 4.
Ông thầy bảo dây trầm lên thêm một cung. Lên dây như thế để đàn bản vọng cổ. Sau này tôi biết đó là 'dây bắc oán' (quãng 4 'sol do') của đàn kìm để đàn cải lương, cũng như trường hợp dây lai 're sol re la re' của guitar phím lõm. Đàn cò cũng vậy, phải so lại dây để đàn cải lương.
Ông thầy này cũng dạy theo lối truyền ngón, xướng tên các nốt nhạc và gảy, tôi nghe, nhìn và gảy theo từng đoạn ngắn: "liu cốngliuxế xê, lìuxang xư xệ, lìuhò xừ xang (nhấn uốn éo)…" Đàn kìm chỉ có 2 dây, ít phím, ít lẫn lộn do đó tôi học khá nhanh, mà cũng do biết chơi đàn kìm từ trước. Lúc dạy tôi ông thầy đàn chậm rãi khoan thai từng âm gân guốc sâu sắc: "*xệxãng xãng xưxệ , lịu xưcôngxê xãng lìu*" chứ không chạy chữ như nhiều nhạc sĩ hiện nay thường đàn. Như thế khó tập nhưng là rất hay, nghe nhức xương.
Và tôi cũng biết thêm một mớ lý thuyết. Đại khái bản vọng cổ có 6 câu, mỗi câu có 32 nhịp tương đương với 32 trường canh (measures.) Cứ 4 nhịp họp thành 1 khuôn: nhịp 4, 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32. Nhịp 24 gọi là song lang (gõ song lang.) Nhip 32 cuối câu cũng gõ song lang. Mỗi nhịp lại chia làm 4 phách (nhịp con.) Mỗi nhịp con trường độ tương đương một nhịp tân nhạc (nốt đen.) Các nhịp 16, 24, 32 là quan trọng nhất. Riêng câu 1 và câu 4 thì từ nhịp 1 đến nhịp15 được thay thế bằng phần 'rao', tùy ý đàn miễn là không ra khỏi điệu.
Lấy ví dụ vọng cổ câu 1 thì 'rao' từ nhịp 1 đến 15, nhịp 16 tận cùng là nốt 'hò', nhịp 20 'hò'. nhịp 24 'xê', nhịp 28 'xang', nhịp 32 'cống' kết thúc câu.
Người đàn giỏi thì phải biết đàn nhiều cách cho một khuôn hoặc một câu để làm phong phú cho bản đàn. Có thể chơi nguyên xi bản đàn đã được học, biết và cũng có thể chơi theo cách riêng của mình, thêm thắt, bớt âm, chạy chữ…miễn là giữ được khung sườn (lòng bản) của bài bản. Nhiều thầy đờn mỗi lần thường có các

câu đàn mới lạ và hay. Nhiều ông có lối đàn mắc mỏ, rất tài tình gây khó khăn cho người khác.
Kể ra thì chơi đàn lắm ngón, khoan nhặt, rung, luyến, vuốt, láy, trượt… nghe ra hay thật là hay chẳng khác đàn tây, du dương chẳng kém song điều làm rúng động tình cảm, thấm thía tâm linh là những nốt nhấn uốn éo âm mà chỉ có thể thực hiện với đàn ta có phím cao, tranh, nguyệt, sến, tì hoặc phím lõm guitar. Đàn bầu không phím nghe lại càng ỏng ẹo hơn như muốn lay rựt cả tâm can. Bản sắc nhạc cụ Việt Nam lả ở chỗ nhấn nhá. Âm thanh các giàn cổ nhạc truyền thống phát ra phảng phất ngôn ngữ của giống nòi có các dấu 'không huyền, sắc hỏi ngã, nặng' nghe tiếng nói trầm bổng của dân tộc, thấm lòng người. Đúng là yêu tân nhạc là yêu tân nhạc, nhưng yêu cổ nhạc dân tộc chắc chắn là yêu nước yêu nhà thắm thiết.
Dạy xong bản vọng cổ ông thầy hỏi tôi muốn học gì thêm nữa, nhiều bản mà tôi biết rất hay: Văn Thiên Tường, Tứ Đại Oán, Ngũ Đối Hạ, Xàng Xê, Tây Thi, Lưu Thủy Trường, Bình Bán Vắn v.v… cả trăm bài. Tuy nhiên tôi nói hôm sau phải ra Huế. Ông trao tôi một danh thiếp.

Về lại Huế tôi thỉnh thoảng dạo lại bài vọng cổ đàn guitar, đàn kìm song lúc này tôi mãi lo chuyện giải ngũ, lập gia đình, mở tiệm… nên cũng sao nhãng đờn địch, hơn nữa ở Huế cũng không có môi trường. Ấy là lúc tôi còn ở trong quân đội, có nhiều thời giờ rảnh rang, thời bình ít thương bệnh binh, "nuôi quân ba năm dùng một giờ", đến lúc tôi sang Bệnh viện Trung ương Huế thì công việc nhiều, bệnh nhân đông, có rảnh rỗi chơi đàn thì cũng chỉ trong năm mười phút, do đó ngón đàn kém trước.
Năm 1975 thì các cây đàn ta tây, cả cây piano rất tốt lúc gia đình hoảng chạy, bỏ lại Huế mất luôn tại ngôi nhà lầu biệt thự số 12 Hai Bà Trưng thuộc khuôn viên trường ĐHYK Huế, dù còn cũng chẳng có bụng dạ nào đàn ca trở lại. Tệ hơn nữa là các cuốn vở tôi ghi chép các bản nhạc ca Huế, vọng cổ lúc học cũng thất lạc luôn khiến tôi quên mất nhiều đoạn nhạc. Nay tôi ở nước ngoài thì trong nhà chỉ có đàn piano, mấy đứa cháu tập đàn.
Duy bài ca vọng cổ "Nửa Đời Hương Phấn" thì tôi nhớ mãi, thỉnh thoảng lẩm nhẩm ca lại, do đó có phần tấn bộ hơn xưa?
Và cũng nhớ mãi kỷ niệm năm xưa học đàn guitar vọng cổ với bệnh binh tên Tấn, người miền Nam. Đó là những ngày vui của tôi trong quân ngũ thời 1957-59 tại bệnh viện quân y Mang Cá Huế.

***

12. Trên Đỉnh Đèo Hải Vân

Năm 1958 một ngày giữa tháng năm, trên đỉnh đèo Hải Vân hôm nay sáng thứ bảy, trời nắng đẹp, bầu trời trong vắt chỉ vài cụm mây trắng từ chân trời chậm chạp bay qua lơ lửng trôi ra biển, gió thổi nhè nhẹ, tiết trời mát mẻ. Đoàn xe gồm khoảng trên 50 chiếc, xe nhà binh, xe tư nhân, xe khách, xe tải, một nửa số xe trở đầu về phía Huế, nửa kia trở đầu hướng Đà Nẵng chờ đúng 10 giờ rưỡi là có lệnh cho xe đổ đèo về cả 2 hướng. Đã mười giờ hai lăm, còn 5 phút nữa. Những người khách cuối

cùng đang chụp ảnh hoặc đang trong các quán ăn vội vã chạy về xe mình, trèo lên xe chen lấn tìm chỗ ngồi cũ. Một hai chiếc xe khách nhỏ loại xe Citroën 15 CV nhét cứng 10 chỗ ngồi băng băng chạy lên đỉnh đèo cùng một xe đò "Phi Long" vừa kịp vài phút trước giờ đổ đèo.

Đúng 10 giờ rưỡi. Một tiếng còi huýt, thanh ngang chận nửa đường bên phải được kéo lên, đoàn xe rục rịch chuyển bánh rời đỉnh đèo, chạy tiếp ra Huế hoặc vào Đà Nẵng.

Về hướng Đà Nẵng dẫn đầu là một xe Jeep mang dấu hồng thập tự, ưu tiên chạy trước. Theo sau là 1 xe Jeep khác và vài xe Dodge quân đội, sau nữa là các xe dân sự rồi sẽ chạy thành một hàng dài nối đuôi nhau xuống dốc.

Mười giờ 30 phút, 15 giây. Còn nhiều xe trên đỉnh đèo vẫn đợi chuyển bánh. Cách đỉnh đèo khoảng 300 m hướng nam chiếc xe Jeep chạy đầu phóng nhanh bỏ khá xa chiếc xe thứ nhì, bỗng nhiên đường dốc gặp cua quẹo phải khá gấp, chao về một bên rồi lật ngang nhiều vòng rơi xuống vực thẳm nằm phía tay phải. Phía tay trái là vách núi che khuất biển. Một vài người đứng trên cao ngắm nhìn đoàn xe khởi động di chuyển đổ đèo trông thấy la hoảng, binh lính và người ta trên đỉnh đèo đổ xô chạy ùa xuống nơi xảy ra tai nạn, sát cạnh đỉnh đèo nhất từ xưa đến nay. Chưa biết chiếc xe Jeep trên có 2 người bị lật rơi xuống đến đâu, vực thẳm này sâu nhiều trăm thước, tận cao trên đỉnh đèo rơi xuống.

(Khúc cua cùi chỏ hiểm trở ngay trước khi lên đỉnh đèo ở phía Nam - Ảnh: Mỹ Sơn)

Thật chẳng khác tai nạn máy bay, phi cơ vừa cất cánh được 15 giây thì đâm nhào xuống đất. Ở cả hai phía nam và bắc, khúc cua chót ngay trước khi lên đỉnh đèo đều rất ngặt, nhất là ở phía nam khúc cua cùi chỏ gần 180 độ với độ dốc cao. Nhiều xe lên dốc yếu, mất đà vì dốc cao, quẹo ngặt, bị tắt máy, lơ xe (phụ xe) phải nhảy xuống vội vã dùng khúc gỗ lớn chận bánh sau để xe khỏi tụt lui rớt xuống vực khi tài xế nổ máy chạy lại lên dốc.

Nơi xe Jeep của quân y bị lật ngang rơi xuống đèo sáng thứ bảy hôm đó là tại nhánh trên của khúc cua, tiếp giáp đỉnh đèo. Xe rơi có thể xuống tận nhánh dưới của khúc cua, khoảng 100m dưới thấp hoặc tiếp tục rơi luôn đến đáy vực (xem 2 hình trên.)

Đường bộ vượt đèo Hải Vân nổi tiếng nguy hiểm cho xe cộ qua lại vì đây là đèo cao nhất trong các đèo ở Việt Nam, đầy hiểm trở, cao 500 m (so với mực nước biển), dài 21 km vượt qua dãy núi Bạch Mã là một cựa dài của dãy Trường Sơn chạy cắt ra sát biển, tạo bán đảo Hải Vân và đảo Sơn Trà kề cận (nay là bán đảo)

mà có núi cao gần 700m. Sơn Trà cùng với đèo Hải Vân bao bọc thành phố Đà Nẵng và vinh Đà Nẵng. Đứng ở phi trường Đà Nẵng có thể thấy rặng núi Bạch Mã giăng ngang, lởm chởm như những răng cưa lớn nhỏ không đều, đỉnh cao nhất 1.450 m.

Từ Nam chí Bắc, không có nơi nào đèo cao chênh vênh, cảnh đẹp lung linh, huyền ảo như Hải Vân. Đường đèo quanh co, khúc khuỷu men theo triền núi, uốn lượn như dãi lụa vắt ngang giữa trời mây. Có những lúc mây che phủ cả đoạn đèo, khách có cảm tưởng đi giữa những đám mây trắng dày mỏng di chuyển lướt qua quanh mình, có thể với tay bốc hụt. Sương mù dày đặc từ dưới biển bốc lên lại thường làm tầm nhìn bị hạn chế.

Dưới thấp hơn là đường xe lửa ngoằn ngoèo dài 21km, nằm ở độ cao 100m so với mặt nước biển, chạy ven theo triền núi, qua 6 hầm trong đó hầm Sen dài nhất 562m. Từ trên đèo, ta có thể nhìn thấy cung đường sắt Hải Vân uốn lượn theo triền núi ở sát biển, nằm phía đông trục đường Quốc lộ 1A. Do có nhiều khúc quanh co với bán kính nhỏ nên khi qua đây, tàu đi với tốc độ rất chậm. Lúc qua đèo tàu phải tăng cường thêm một đầu máy đẩy phía sau để leo dốc. Thời đó đầu máy xe lửa to kềnh còn chạy "xục xịch" bằng hơi nước, bộ tịch hùng dũng gây ấn tượng nhưng chưa đủ mạnh lại còn phun tàn than lửa, ban đêm thấy rõ theo gió làm cháy thủng áo quần hành khách.

Đường sắt uốn lượn theo triền núi sát mép biển - Ảnh: Chí Mỹ

Một vài đèo khác cũng nổi tiếng: đèo Ngang dài 6 km, cao 250 m vượt dãy Hoành Sơn giữa Hà Tĩnh/Quảng Bình; đèo Cả dài 8 km, cao 333m vượt dãy núi Đại Lãnh, phía bắc Nha Trang tỉnh Khánh Hòa, giáp tỉnh Phú Yên; đèo Cù Mông dài 7km, cao 245m giữa Bình Định và Phú Yên v.v…tuy đẹp và hiểm trở nhưng không thể sánh với Hải Vân Quan là "*Thiên Hạ Đệ Nhất Hùng Quan*" do vua Lê Thánh Tông phong tặng, khắc ở cửa quan trên đỉnh đèo.

Đèo Hải Vân do rất cao có các đặc điểm sau:

*là biên giới của 2 nước Đại Việt và Champa xưa.

*là biên giới khí hậu của 2 miền bắc nam, làm bình phong cho Đà Nẵng che chắn gió lạnh từ phương bắc thổi xuống. Về những tháng mùa đông (tháng 11 đến tháng 3), thời tiết bên đèo Hải Vân phía Huế có thể ẩm và lạnh trong khi Đà Nẵng ở phía nam của đèo trời khô ráo ấm. Trong khi đang còn đi trong mưa lạnh dai dẳng từ Huế vào, xe vừa qua đỉnh đèo đã thấy ánh nắng chan hòa ấm áp như một phép lạ. Cũng vừa qua đèo đã thấy ngôn ngữ đột ngột thay đổi, giọng Quảng cũng là một thành phần của giọng miền Nam khác biệt hẳn với giọng 'Nghệ Tĩnh Bình Trị Thiên' phía bắc của đèo.

*là tuyến đường xe một chiều. Qui định giờ lên đèo ở chân đèo cả 2 phía Huế, Đà Nẵng vào đầu mỗi giờ: 6, 7, 8 giờ…đèo mở trong 10 phút cho xe tải, 15 phút cho xe con; đổ đèo vào mỗi giữa giờ: 6 rưỡi, 7 rưỡi, 8 rưỡi v.v... Trung bình xe con qua đèo mất 30 phút (tốc 40 km/h), xe tải mất 45 phút (tốc độ 30 km/h.) Giờ đổ đèo cũng theo cách đó mà tính, như vậy người lái không phải canh chừng trên đèo gặp xe chạy ngược chiều như là ở các đèo khác: đèo Cù Mông, đèo Cả… Đó là chuyện thời ấy, nay các đoạn đường hẹp được sửa rộng, lại có gạch tim để xe lưu thông 2 chiều trong làn xe của mình.

*là có bến xe tại đỉnh đèo, chờ đến giờ cho phép đổ đèo. Nhiều xe tuy vậy dừng lại rất lâu. Xe lên đèo đường dài chở nặng, gài số thấp cố chạy mãi làm nóng máy, sôi két nước, phải chờ nguội máy. Lắm tài xế xe lớn nhỏ chưa thuộc đường, chưa thuộc cua, không dám chạy nhanh khiến xe mất trớn không lên nổi dốc, phài gài số thấp rú thêm ga chạy suốt cả đường đèo và xe cũng bị sôi két nước bốc hơi. Có khi phải dừng xe giữa đường, chờ máy nguội châm thêm nước vào két nước. Trên đỉnh đèo đã có sẵn cả chục hàng quán ăn, bán đồ lưu niệm… phục vụ hành khách (xem 2 hình dưới.)

(Đường lên đỉnh đèo từ Huế vào và điểm dừng chân trên đỉnh Hải vân)

Trên đỉnh đèo lại còn di tích Hải Vân Quan (quan=cửa ải) xây từ đời Trần, tu bổ thêm vào đời Nguyễn, các lô cốt xây từ đời Pháp. Từ 1966-1969 một đơn vị hỏa tiển của Thủy quân Hoa Kỳ đóng chốt trên đỉnh đèo.

Đôi tân hôn đứng chụp hình trên lô cốt Hải Vân Quan

Đèo Hải Vân đẹp nhưng đường dài, địa hình phức tạp, độ dốc cao, đường quanh co với nhiều đoạn cua nguy hiểm, lại thêm hay sụt lở về mùa mưa, cung đường đèo này là nỗi ám ảnh của cánh tài xế và lo sợ cho hành khách trong xe khi ngang qua

đây đối mặt với tử thần rình rập! Tai nạn thường xẩy lúc lên dốc nhưng nhất là lúc đổ đèo, xe cứ chạy vùn vụt, sơ ý là không kịp ôm cua, xe lật. Suốt dọc đèo bên vệ đường người ta đếm được khoảng 40 am miếu nhỏ (mỗi nửa cây số) và tài xế thường ngừng xe vội vã đốt hương khấn vái. Khó khăn như vậy cho nên chinh phục được đèo dễ dàng là điều thích thú.

**

Vào đầu tháng 3(?) năm 1958 trường ĐHYK Sài Gòn thông báo mở kỳ thi tuyển ban giảng huấn. Bác sĩ đang ở trong Quân Y cũng được dự thi. Tôi chuẩn bị bài vở và nộp đơn dự thí. Thấm thoắt đến tháng năm.

Sáng thứ bảy vào một ngày giữa tháng 5, tôi cùng binh nhì Luận tài xế bệnh viện lấy xe Jeep đi Đà Nẵng, khởi hành lúc 9 giờ. Dự tính xe đến Lang Cô thong thả kịp 10 giờ lên đèo, 10 giờ rưỡi đổ đèo vào thẳng phi trường Đà Nẵng đáp máy bay quân sự chuyến bay 12 giờ trưa vào Sài Gòn, nghỉ ngày chủ nhật, sáng thứ hai đến trường Y Khoa, tôi đã xin vé máy bay quân sự từ tuần trước cho ăn chắc.

Tôi quan sát quanh xe, nhìn tài xế:

-Xăng nhớt điện nước đầy đủ chưa, anh Luận? Lốp thắng ra sao? Công vụ lệnh để đâu? Coi chừng quên.

Luận, tay đang còn vấn dở điếu thuốc ta, nhét lại vào bao, lúng búng trả lời:

-Thưa đủ, sáng nay em đổ đầy thùng xăng, châm thêm nhớt nước, thử phanh, rất tốt, có đem lốp xơ-cua, một can xăng phụ, 2 tíc-kê (phiếu) xăng. Công vụ lệnh em để trong ngăn hộc xe.

Công vụ lệnh này tôi ký từ hôm qua, cử tài xế NLuận và xe Jeep của Bệnh viện đi vào phi trường Đà Nẵng công tác trong ngày, cử tôi vào Sài Gòn liên hệ với trường ĐHYK. Ký vậy là đủ, có đóng dấu (mộc) của bệnh viện, không cần duyệt ở Tiểu Khu. Tôi dự tính tuần sau từ Sài Gòn về tôi sẽ đi tàu ra Huế, nhà cha mẹ ở cạnh nhà ga, không muốn gọi xe Jeep ở Huế vào đón làm gì.

Đúng giờ khởi hành, chưa chi tài xế binh nhì Luận đã tự động leo lên xe ngồi ghế bên như thường lệ, tôi ngồi vào ghế tay lái.

Đường vào Đà Nẵng trước đèo Hải Vân còn có 2 đèo khác, Phú Gia và Phước Tượng, đều nằm trong địa bàn quận Phú Lộc. Tỉnh Thừa Thiên đâu mà lắm đèo thế! Một đèo, một đèo, lại một đèo…

Đèo Phú Gia 2.3 km, tuy ngắn nhưng hiểm trở, có cua ngặt, xẹ cộ chạy lạng quạng thỉnh thoảng lại bị lật ở đèo này. Đèo Phước Tượng dài 3,2 km cũng được xem nguy hiểm.

Tôi đây là lần đầu sắp lái xe qua đèo đi Đà Nẵng nhưng đã có chủ đích. Trước hết thử lái qua 2 đèo Phước Tượng, Phú Gia xem khó dễ ra sao để rồi sẽ liệu bề thanh toán đèo Hải Vân.Tôi thấy rất tự tin.

Xe ra thành nội, qua cầu Trường Tiền, quá An Cựu đã ra khỏi thành phố, cảnh đồng quê. Tiếp tục qua Hương Thủy, quá Phú Bài, Thuỷ Phù trên đường đã vắng xe qua lại, thỉnh thoảng mới gặp xe khách từ Đà Nẵng ra. Xe quân đội cũng ít. Xe lần lượt chạy qua Nong, Truồi, Đá Bạc, Cầu Hai. Nước Ngọt, Thừa Lưu chuẩn bị lên đèo Phước Tượng lại đến đèo Phú Gia, dốc cao, ngoằn ngoèo nhưng ngắn cũng chẳng thể gây khó khăn.

Xe chạy nhanh bình thường, leo đèo đổ đèo dễ dàng, an toàn cao.

Đèo Phước Tượng

Đèo Phú Gia

Chặng Huế- Đà Nẵng 107 km.

Các cua rơ phải chinh phục 3 ngọn đèo Phước Tượng, Phú Gia, Hải Vân.

Xe trực chỉ đến Lang Cô. Đến nơi vừa quá 10 giờ, cửa đèo đang mở tôi lái xe thẳng lên đèo bình tĩnh lái vằn vèo theo các khúc uốn, qua mặt một vài xe yếu máy ì ạch leo dốc. Xe nhà binh khỏe thật. Máy rất mạnh, tiếng động cơ kêu vo vo đều đặn, xe băng băng lên đèo khỏe như ru. Tôi vốn biết nguyên tắc chạy xe đường đèo, "lên số nào xuống số ấy", cũng dốc đó khi lên gài số 3 thì lúc xuống cũng gài số 3 v.v.... Thực tế xe yếu, chở nặng, chưa quen đường, nhiều khi lên số 2 nhưng lại xuống số 3. Nếu là xe hộp số tự động thì gài "D" chạy miết, tuy vậy đổ dốc cao có thể gài xuống số 1 hoặc 2. Thời đó ở Huế ai cũng thấy một xe hơi rất đẹp sơn màu đỏ, nghe nói hộp số tự động của một ông đại úy, trúng xổ số ở Sài Gòn. Mọi người đều lấy làm lạ và nhìn xe với sự nghi kỵ, làm sao có thể xe không có chân "côn", làm sao sang số, cho dù tự động, vậy chân trái để làm gi? Tuy nhiên chỉ vài tháng thì xe đươc đem đi đâu mất.

Trên đường lên đèo những khúc cua cùi chỏ, rất ngặt thì tôi tạm xuống số 2, vừa qua khỏi cua là vọt ngay lên số 3, rồ ga, xe rất bốc máy. Có lái xe nhà binh lên đường đèo mới biết, ngon lành thật. Qua khúc cua cuối cùng đến đỉnh đèo mà tôi còn tiếc rẻ, ước muốn đèo còn dài thêm nữa, lái cho bằng thich. Đã có nhiều xe trên đỉnh, tôi lái ra trước, chiếm vị trí đầu tiên chờ đổ đèo. Xe tắt máy, tài xế Luận nhảy xuống giở mui xe xem két nước thấy nước đầy, âm ấm. Quá tốt. Nhìn ra trước các xe khách "Phi Long", "Tiến Lực", "Tắc Xông Citroën" còn lần lượt từ dưới xuất hiện chạy lên đỉnh, nối đuôi chờ.

Đúng 10 giờ rưỡi, tiếng còi huýt, cờ phất cho lệnh đổ đèo. Tôi phóng xe ra trước dẫn đầu thật nhanh, vững tâm sau khi có được kinh nghiệm đổ đèo Phước Tượng, Phú Gia vừa rồi. Trong trí óc tôi phảng phất một kỷ lục xe vượt đèo Hải Vân xê xích trong vòng 20 phút (tốc độ 60 km/giờ.)

Mười lăm giây sau khởi phát, tôi đến một khúc cua rộng quẹo phải, không có vẻ gì nguy hiểm. Tôi không bớt chân ga, vẫn giữ tốc độ. Đến gần giữa cua tôi chợt thấy có vẻ mình cho xe chạy quá nhanh, song xe vẫn ôm cua tốt. Đột nhiên tôi có cảm giác xe chỉ chạy 2 bánh mé tay phải, trước và sau; 2 bánh mé trái rời hỏng mặt đường. Chỉ trong tíc tắc tôi chưa kịp điều chỉnh theo phản ứng thì chiếc Jeep nghiêng hẳn, lật ngang từ trái qua phải nhiều vòng, rời mặt lộ lăn tròn xuống vực sâu nhảy tưng tưng trên đất đá, cây cối.

Sự việc xẩy đến rất nhanh, tôi vẫn khư khư ôm chặt tay lái và còn suy nghĩ: "*Không thể ngồi trong xe lăn xuống mãi, nhỡ cây cối đâm vào rất nguy hiểm, ta phải tìm cách nhảy ra ngoài*." Ý nghĩ đó vừa chớm nở thì đột nhiên chiếc Jeep ngừng lăn, dựa mình vào mấy gốc cây không lớn lắm, nằm im ắng vững vàng nghiêng theo triền vực, chổng 4 bánh lên trời. Nếu là xe khách, xe tải nặng chắc lăn luôn xuống tận đáy vực, chẳng gì cản được.

Tôi nhìn qua bên cạnh không thấy tài xế Luận. Nhìn lại tay chân áo quần chẳng hề sây sướt. Mũ nồi dẹt vẫn còn trên đầu. Nhìn xuống thì thật lạ lùng, chân bên phải giày sút văng đâu mất, giày chân trái vẫn còn trong chân mà cả 2 giày đều buộc dây kỹ, chân không thấy đau. Nhìn quanh tìm kiếm thấy giày nằm ở góc xe, tôi nhặt lên mang vào chân, buộc lại dây. Tìm xắc hành lý chứa vài bộ áo quần và một ít sách vở mang theo thì đã văng đâu mất, nhìn lui tới chẳng thấy. Tôi trèo ra khỏi xe nhìn quanh quất, ước lượng xe đã lăn xuống năm sáu chục thước trước khi dừng và dưới xa hơn là cũng là đường đèo và vực thẳm. Kỳ quặc, lúc này tôi không hề thấy hú hồn, sợ hãi gì mà chỉ thấy dị, người ta cười mình làm phách lái xe ẩu đường đèo!
Bỗng nghe tiếng gọi, giọng thất thanh:
-Bác sĩ, bác sĩ ơi, bác sĩ đâu rồi, em đây!
Thì ra anh Luận. Tôi mừng rỡ, nhẹ nhõm cả người. Nếu anh ta có bề gì thì tôi ân hận suốt đời. Tôi lên tiếng đáp lời:
-Tôi không sao, anh Luận, anh đang ở đâu, có can chi không?
-Thưa em trên đây; em văng ra khỏi xe, mắc lên ngọn cây, tính chết sợ quá, chừ mới hết sợ. Em đang lo trèo xuống.
Quanh tôi không thấy cây quá cao. Chắc trèo xuống cũng được thôi. Nơi anh văng ra khỏi xe Jeep cách độ 10 thước trên cao, trước khi xe dừng. Tôi bươn bả vạch bụi bờ trèo lên
giúp. Đến nơi thì anh vừa xuống đất. Không như tôi, Luận đi chẳng mang theo gì thì cũng chẳng mất mát gì tài sản. Tay không chẳng có hành lý gì, hai thầy trò lại hè hụi trèo lên bờ vực. Đến gần đã thấy đám đông đứng trên đường bàn tán nhốn nháo, chỉ trỏ xuống. Ba người đã leo xuống được vài mét thì ngừng lại vì thấy 2 chúng tôi đang trèo lên mà cũng gần đến nơi. Chúng tôi thoáng đã lên đến mặt đường. Mọi người xúm quanh mừng rỡ nhưng chẳng ai đề cập hỏi han đến chuyện xe lật, vì sao, như thế nào v.v… và cùng đi bộ về lại đỉnh đèo để rồi ai lo việc nấy. Tôi và Luận vào một quán ngồi uống nước, ăn tô bún. Trong quán chẳng ai nhắc nhở đến chuyện tai nạn xe Jeep lăn xuống đèo vừa rồi, coi như chuyện hằng ngày, quá bình thường! Hơn nữa chẳng ai hề hấn gì.
Bây giờ đã 11 giờ trưa, giờ ở chân đèo mở cửa để xe cộ lên. Đến 11 giờ rưỡi lại đến giờ đổ đèo. Máy bay quân sự vào Sài Gòn cất cánh vào 12 giờ trưa. Như vậy là tôi trễ chuyến bay. Nhìn quanh thấy có một xe Jeep và 2 xe Dodge quân đội từ Đà Nẵng ra Huế. Xe Dodge còn rộng chỗ, tôi và tài xế Luận trèo lên quá giang. Thì ra là xe của Huế đi Đà Nẵng về. Một trung sĩ ngồi lui ra sau, nhường tôi ghế trước cạnh bên tài xế.
Chiều thứ bảy tôi đến nhà thăm ông bà nhạc và vợ chưa cưới, kể công chuyện. Ai cũng cho là hi hữu, cả hai người trong xe lăn xuống vực sâu mà chẳng ai rách một chéo áo.
Ngày chủ nhật nghỉ và ngày thứ hai sau đó tại bệnh viện các nhân viên làm việc như thường. Không thấy chiếc xe Jeep trở về nhưng cũng không ai nghi hoặc, bàn tán. Điều lạ lùng là từ đầu đến cuối chẳng thấy bóng dáng quân cảnh, cảnh sát giao thông hoặc bộ phận điều tra nào đó đến làm việc hỏi tôi một tiếng, làm biên bản về tai nạn lật xe. Tôi cũng quên khuấy không hỏi tài xế Luận có bị ai đến thẩm vấn gì không. Nhưng chắc không, nếu có thì Luận đã cho tôi biết. Về phần tôi, tôi cũng không hề đả động đến chuyện xe lật với Luận, hoặc dặn dò Luận lời khai phải như thế nào trong trường hợp bị lấy cung. Ai hỏi gì cứ nói đúng sự thật. Nếu được hỏi thì

tôi sẽ nhận ngay là tôi lái xe hôm đó, lỗi tôi hoàn toàn, không do xe hỏng thắng, nổ lốp... nhưng chẳng ai thắc mắc. Không ai bị thương tích phải nhập viện thì cứ cho như là không có việc gì. Coi như ai cũng đơn giản nghĩ chính tài xế lái xe, chẳng cần bươi móc. Xe quân đội, đầu tên mũi đạn, lật không là chuyện lạ
Tôi bảo Thượng sĩ Du hành chánh:
-Nhờ Thượng sĩ qua bên Tiểu Khu hoặc điện thoại xin đội sửa chữa đem xe cẩu vào đèo Hải Vân câu xe Jeep của mình ra Huế sửa ở đây.
Hơn một giờ sau Thượng sĩ Du trình với tôi:
-Thưa bác sĩ, họ cho biết xe Jeep của mình đã được Đại đội 22 (?) sửa chữa tại Đà Nẵng kéo lên hôm thứ bảy đem về Đà Nẵng rồi. Là vì xe mình rớt đèo tại địa phận Đà Nẵng.
Tôi chột dạ vì thấy phiền phức, không quen biết trong đó.
Tôi dò hỏi vẩn vơ:
-Không biết xe hư hỏng nhiều ít, sửa chữa rồi sẽ tính ra sao!
Thượng sĩ Du nói quyết:
-Thưa Sửa Chữa nói xe hư nhiều thì họ đánh "đệ tam cấp." Nếu khung xe bị vẹo thì đánh "đệ tứ cấp", phải gởi qua Nhật sửa, chắc đền tiền.
Tôi nghe đã thấy lo nhưng cũng không biết tính sao.
Nửa tháng trôi qua, chẳng ai nhắc nhở đến chiếc xe Jeep bất hạnh đó. Tôi cũng thây kệ, chẳng dò hỏi hoặc gởi gắm ai quen biết, hàng ngày thì dùng xe Dodge để đi làm việc. Sáng hôm đó bỗng nhiên có điện thoại thẳng từ đại đội 22 sửa chữa tại Đà Nẵng gọi ra bệnh viện Mang Cá Huế cho biết xe Jeep rớt đèo đã sửa xong. Nhân có xe quân đội ở Đà Nẵng ra, có người sẽ lái dùm xe ra luôn.
Ôi thôi, châu về Hợp Phố, đúng thật! hoặc như cô Kiều 15 năm luân lạc (xe Jeep thì 15 ngày) nay trở về lại với người thân. Chiếc xe Jeep nay sơn lại trông mới mẻ. Ngồi vào tay lái nổ máy nghe ròn rã, chạy thử thấy có bề cứng cát còn hơn xưa. Đại đội sửa chữa 22 tài giỏi thật. Mà cũng chẳng thấy họ đả động gì đến phí tổn sửa chữa lại coi như giao xe khống chẳng biên ký nhận gì. Thật không ngờ, trăm phần khả ái. Chắc họ chỉ biết tận lực làm theo chức năng, bổn phận, không gì khác hơn. Hay là họ còn lo ngại mình trách cứ lanh chanh câu xe của Huế về sửa? Dù sao xe nhà binh mà bị hư hỏng thì thiếu gì!

**

Đèo Hải Vân đúng là một mối nguy hiểm thường xuyên. Xưa nguy hiểm do cướp bóc, thú dữ, nay tai nạn xe cộ cơ giới vượt đèo. Thời gian sau ngày chia đôi đất nước năm 1954
cho đến năm 1975 giao thông qua đèo Hải Vân mang nhiều tính cách địa phương, qua lại chủ yếu giữa Huế, Đà Nẵng, lượng xe cộ không nhiều.
Từ thập niên 90 thế kỷ trước trở đi, thời kinh tế mở cửa là thời kỳ phồn thịnh nhất của đèo Hải Vân. Xe cộ vào Nam ra Bắc tấp nập trên đèo, mỗi ngày nhiều ngàn chuyến xe qua lại. Đường lộ cũng lần hồi được nâng cấp, mặt đường mở rộng thêm, có gạch đường tim ở giữa giúp xe lưu thông 2 chiều lên xuống.
Đến năm 2005 Hầm Hải Vân đường bộ khánh thành. Hầu hết phương tiện cơ giới đều dùng hầm này, tránh được sự nguy hiểm đường đèo cũng như rút ngắn được quãng đường.

Đường ven núi lối lên hầm Hải Vân

Hầm Hải Vân (6280 m.) Cửa Bắc

Trong hầm Hải Vân

Biến chuyển này làm giảm hẳn chức năng cố cựu của đèo, song phát huy chức năng mới.

1- Chức năng giao thông truyền thống của đèo bị cắt giảm nhiều. Đèo chỉ được xử dụng lúc có sự cố xẩy ra phải tạm đình chỉ lưu thông trong hầm: cháy hầm, xe lật…

Tuy nhiên một số phương tiện vận tải bắt buộc phải dùng đường đèo: người đi bộ, trâu bò,
phương tiện thô sơ, xe đạp (có những cuộc đua xe đạp), xe gắn máy, mô tô, xe 3 bánh, xe hơi chở hàng hóa cồng kềnh, hoặc chuyên chở súc vật, chất nổ, xăng dầu, chất độc hại v.v…và ngày nào còn xe lưu thông trên đèo thì còn xẩy tai nạn. Điều may mắn tai nạn là cho các xe tải chở hàng hóa, các xe khách thì đều đi qua đường hầm. Điển hình là:

**Một xe đầu kéo 45 tấn bị lật trên đèo.

Vụ tai nạn trên xảy vào ra khoảng 05h30 phút ngày 29/11/ 2010, tại đoạn dốc cua Tay Áo - trên quốc lộ 1A đoạn qua đèo Hải Vân (Km 900 + 500, địa phận huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên – Huế.) Phần thùng xe đầu kéo chở nhiều ống sắt lớn dài khoảng 10 mét bị lật nghiêng chắn ngang đường ở khúc cua gấp "cùi chỏ." Vụ tai nạn khiến hàng chục xe tải chở theo gia súc, xe chở xăng dầu, vật liệu xây dựng… đều phải xếp hàng kéo dài hơn 1km nằm chờ trên đèo.

Đến đầu giờ chiều nay, hiện trường vẫn chưa được giải tỏa, giao thông QL1A vẫn bị tắc ở đoạn đèo Hải Vân.

Xe đầu kéo trọng lượng khoảng 50 tấn đã bị lật ngang (*Ảnh: Báo Đà.) 29/11/2010*

**Một vụ lật xe tải heo trên đèo.

Vào khoảng 8h30' sáng 20/12/2012, xe tải chở heo mang BKS 76K-6557, do tài xế Mai Như Cao (SN 1974, Tịnh Phong, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) điều khiển, lưu thông theo hướng Nam-Bắc, khi đi qua đoạn cua gấp trên đèo Hải Vân đoạn dốc xuống thị trấn Lăng Cô đã bất ngờ bị lật ngang. Vụ tai nạn khiến hàng trăm con heo trên xe bỏ chạy lán loạn ra đường, xe tải bị hư hỏng nặng, hàng loạt heo trên xe bị chết chất đống. Rất may không gây thương

vong về người.

Xe tải chở heo lật ở khúc cua tay áo đỗ đèo Hải Vân xuống Huế. 20/12/2012
(khúc cua có một am miếu nhỏ)

Tuy vậy vụ tai nạn xe đò thương tâm nhất xẩy ra trên đèo Hải Vân là vào năm 1972:
**Vụ xe khách đâm vào vách núi. Mùa hè đỏ lửa Quảng Trị năm 1972, Đại Học Huế di tản tạm vào Đà Nẵng, cuối hè tình hình lắng dịu, lại trở về Huế.
Trên các chuyến xe đò về Huế hành khách đầy chật. Một xe lúc đổ đèo tài xế chọn đâm đầu xe vào vách núi thay vì rơi xuống vực thẳm. Đầu xe phía trái bẹp rúm. Chỉ tài xế và gia đình chị Phạm Thị Kim Trâm và chồng cùng 2 con nhỏ ngồi băng ghế kế cận ngay sau là tử vong tại chỗ. Anh chị Nhơn/Trâm là nhân viên giảng huấn tại trường ĐHSP Huế, nhà ở đường Võ Tánh, Gia Hội (nay là đường Nguyễn Chí Thanh) cầu Đông Ba đi xuống. Cả gia đình vợ chồng con cái đều thiệt mạng trong tai nạn. Đám tang này Đại Học Huế phúng điếu rất cảm động.
2-Chức năng địa điểm du lịch.
Từ khi đường hầm bộ xuyên đèo Hải Vân được thông xe, cung đường đèo này trở thành một điểm du lịch đầy hấp dẫn.

Trái: Hải Vân Quan. Giữa: đỉnh đèo, địa điểm thu hút đông đảo khách du lịch. Phải: Bến xe đỉnh đèo.

"…*Hôm tôi vượt Hải Vân trong cái mưa phùn rét lạnh, cứ tưởng con đường đèo hiểm nguy sau khi thông hầm đường bộ sẽ vắng bóng người qua lại. Nhưng khác với suy nghĩ của mình, con đường vẫn tấp nập những chuyến xe*…" Du khách đến Huế hay Đà Nẵng đều thích thú khi được thong dong thưởng ngoạn cảnh đẹp trên đèo, hít thở khí trời trong lành lồng lộng … nhất là tự chạy xe gắn máy qua những khúc cua ngoằn nghèo để tận hưởng cảm giác phiêu lưu, nghỉ chân bên đường để ngắm đất trời bao la, cảm nhận vẻ đẹp tuyệt vời mà thiên nhiên ban tặng.

"…Đèo Hải Vân không giống như những con đèo trùng điệp miền Đông Bắc. Đường vượt qua đèo một bên là sườn dốc thẳng đứng, bề mặt lô nhô đá một bên là biển Đông rộng lớn, khiến cho người nhìn có cảm giác choáng ngợp", bạn Bảo Ngân hồi tưởng lại… Thật khó có thể tả hết những gì tôi thấy bằng những tấm ảnh chụp vội. Vượt tới đỉnh đèo, tôi đã bắt đầu cảm nhận rõ cái nóng ấm của không khí biển ở phía bên kia.

Tuổi trẻ chinh phục đèo Hải Vân.

TP Đà Nẵng đã triển khai đỉnh đèo Hải Vân thành một trong những địa điểm du lịch hàng đầu của thành phố. Theo UBND Q.Liên Chiểu đèo Hải Vân dành cho các chương trình tham quan, mỗi ngày có từ 300 khách (chủ yếu là khách quốc tế đến đỉnh đèo Hải Vân ngắm cảnh), tuy vậy, vào cao điểm (mùa hè) có lúc đỉnh đèo quá tải vì có cả nghìn du khách tham quan (20.3.2013.) Được biết, những năm qua, lượng khách tham quan du lịch tại đèo Hải Vân luôn tăng, năm 2011 có 316.000 lượt; năm 2012 có 353.000 lượt...

Thành phố Đà Nẵng đầu tư xây dựng khu du lịch trên đỉnh đèo Hải Vân

3-Chức năng biến đổi khí hậu. Núi Hải Vân là ngọn núi cao che chắn cho các tỉnh từ Đà Nẵng trở vào những luồng gió lạnh từ miền Bắc thổi vào nên khí hậu miền Nam ấm áp hơn. Từ ngày hầm đèo Hải Vân đi vào hoạt động giữa năm 2005 các nguy hiểm về lưu thông qua đèo không còn, tuy nhiên điều này không ảnh hưởng đến chức năng hàng rào thời tiết giữa 2 vùng nam bắc của đèo mà vốn không thay đổi. Về mùa đông Đà Nẵng không chịu cảnh mưa lạnh kéo dài như Huế. Đó là yếu tố thuận lợi. Song bão tố từ biển đông ập vào thì suốt duyên hải miền Trung chịu chung hoàn cảnh.

**

Tai nạn lưu thông trên đèo Hải Vân xẩy ra hàng ngày do đường đèo dài, hiểm trở và lưu lượng phương tiện cơ giới qua lại rất lớn. Thương vong hầu như là về phía hành khách trong khi lỗi là do người lái. Tai nạn xe cộ đa dạng nhưng xe lật rơi xuống vực thẳm chỉ xẩy ở đường đèo và cái chết cầm tay.
Tôi lái xe xuống vực, lỗi hoàn toàn. Nhưng đèo Hải Vân đã tha tội chết, chẳng bắt tội sống. Tôi còn lành lặn, kẻ ngồi trong xe cũng được vậy khiến lương tâm tôi thanh thản, trí não nhẹ nhàng. Thật cám ơn đèo Hải Vân đã độ lượng, nương tay giơ cao đánh khẽ. Hình phạt chỉ là lời cảnh cáo, bản án treo! mà tác dụng bội phần tích cực.
"Hãy cám ơn sự vấp ngã vì qua đó ta trưởng thành.
Hãy biết ơn cả những thiên tai, thảm họa để cho thấy cuộc sống này quí giá."
Tôi còn lái xe qua đèo Hải Vân nhiều lần, song rất cẩn thận nhất là lúc xe có chở thêm vợ con, thân nhân bạn bè. Nói chung sau đó tôi cẩn thận bất kỳ lái xe ở đâu. Tôi đã sáng mắt bỏ được thói lập thành tích vô bổ, nêu kỷ lục vớ vẩn trên đường lộ cũng như trên đường đời. Tôi đã chín chắn hơn nhiều.
Đèo Hải Vân với những độ dốc cao lên xuống, những khúc quẹo ngặt nghèo là hình ảnh của cuộc đời mà luôn có những bất trắc. Ta phải biết lường trước, cẩn thận đối phó. Đèo Hải Vân dạy ta điều này. Đèo là một ông thầy quí giá.
Đèo Hải Vân lại làm đổi hướng cuộc đời của tôi. Nếu không xẩy vụ tai nạn tôi lái xe rơi xuống đèo, thì tôi hôm đó đã đáp máy bay quân sự vào Sài Gòn dự thi ban giảng huấn trường ĐHYK Sài Gòn và rồi sẽ ở luôn trong đó. Qua năm sau, 1959 ở Huế bắt đầu có trường Y Khoa, người ta khuyên tôi ở lại Huế.
Một điều khác cũng rất quan trọng, nhất là sau vụ tôi gây tai nạn lật xe ở trên đèo, là tôi nhận thức được tình nghĩa đồng đội, yêu thương đùm bọc lẫn nhau trong các binh chủng của Quân Lực VNCH. Thời bình đã vậy, thời chiến lại càng thêm gắn bó thắm thiết như sau này tôi được biết.
Tai nạn ở đèo Hải Vân năm 1958 lưu lại kỷ niệm nhớ đời, sâu sắc nhất trong quãng đời binh ngũ của tôi thời đó. Những hình ảnh của người lính Việt Nam Cọng Hòa thân thương, tràn ngập tình người, tình đồng đội còn mãi trong lòng tôi.

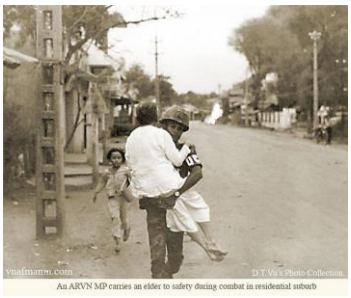

An ARVN MP carries an elder to safety during combat in residential suburb

***

13. Chiếc Xe Peugeot 203, TBB117

Máy bay quân sự DC3 cất cánh từ Đà Nẵng lúc hơn 12 giờ trưa nhẹ nhàng đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất, Sài Gòn vào khoảng 3 giờ chiều. Trời nắng đẹp. Loại máy bay nhỏ này, Douglas DC3, 2 cánh quạt (Hoa Kỳ), được quân đội Việt

Nam dùng chuyên chở, bay rất tốt, tốt nhất thời đó, an toàn rất cao, vận tốc đường trường 333 kmh, tối đa 370 kmh. Trong thân máy bay sắp dọc 2 hàng ghế sắt ngồi được từ 21 đến 32 người nếu thêm ghế phụ ở giữa.
Hôm đó vào một ngày thứ bảy gần cuối tháng 5 năm 1959 tôi đã đáp chuyến máy bay đó. Từ hôm thứ sáu, tôi đi xe lửa Huế vào Đà Nẵng, ở lại một hôm. Nhà cha mẹ tôi ở cạnh ga Đà Nẵng, không lâu sau khi cả gia đình và một số đông đồng bào được tàu thủy quân đội Pháp, loại tàu há mõm đổ bộ quân, bốc di tản từ bến Đồng Hới vào bến Tiên Sa, Đà Nẵng hè năm 1954 chia đôi đất nước. Cũng gần đây mới mấy năm thôi.
Máy bay dừng hẳn, mọi người tuôn xuống. Gần một phần ba là dân sự có cả đàn bà và con nít tay bồng trong số 25 hành khách. Tôi là nhà binh, mang quân phục gắn 2 hoa mai ở cổ áo, không phải dân sự xin đi nhờ. Hỏi có xe quân đội, tôi xin quá giang về Sài Gòn.

Xuống xe bước đến trước cửa Học Xá thì đã hơn 4 giờ chiều. Đây là Học Xá Trung Việt do Thủ Hiến tại Huế thiết lập từ đầu thập niên 1950 dành cho sinh viên miền Trung bắt đầu vào học nhiều ở Đại Học Sài Gòn có chỗ cư trú học tập. Chi phí điện nước, quản lý, lao công... do công quỹ đài thọ, song mọi việc điều hành Học Xá lại do sinh viên tự đặt điều lệ, tự quản, bầu lên một bạn giữ chức vụ Trưởng Ban, lúc đó là anh Trương Đình Tùng, sinh viên ĐH Khoa Học. Trưởng Ban đại diện cho Học Xá giao thiệp với nhà chức trách địa phương, chấp nhận người mới đến ở. Để tiện việc, mọi người góp tiền, thuê luôn người lao công của Học Xá, được gọi là ông cai cùng vợ, cả 2 đều người Huế lo thêm việc nấu ăn cho tất cả. Đến đầu thập niên 60 thì Học Xá Trung Việt ngừng hoạt động vì miền Trung đã có Đại Học Huế thành lập và khai giảng bắt đầu từ niên khóa 1957-58.

Học Xá Trung Việt gồm 2 căn phố có lầu, liền nhau, số 27-29 đường Bùi Quang Chiêu, quận 1, tên cũ là đường Cá Hấp, tên mới ngày nay là đường Đặng thị Nhu. Đường Bùi Quang Chiêu chỉ dài hơn trăm mét, nằm giữa 2 đường Calmette và Ký Con, song song và ngay sau lưng đường Trần Hưng Đạo ở đoạn bồn binh chợ Bến Thành.

Danh xưng là Học Xá Trung Việt tại Sài Gòn, là Học Xá Bùi Quang Chiêu nhưng ở Huế ai cũng gọi là 'Học Xá Cá Hấp'. Đúng vậy Học Xá tuy danh tiếng nhưng phòng ốc đã hẹp lại phải dành trọn 1 căn để làm bếp núc, phòng ăn, chỗ để xe đạp, xe gắn máy do đó khoảng 25 sinh viên ở mỗi thời điểm (lên quá 30 nếu ai đến sau chịu khó nằm ghế bố hoặc lên rầm thượng) cư ngụ trong điều kiện chật chội như cá hấp xếp hộp, lại lắm lúc ồn ào, không phải ai cũng thích ở hoặc ở được, nhưng vui nhộn. Tất cả sinh viên Học Xá thời ấy đều thành danh, có Tổng Bộ trưởng, Dân Biểu, Quan Chức hành chánh, Thiếu Tá, Trung Tá Quân Y, Giáo Sư Trung Học, Đại Học, Giám Đốc Bệnh Viện… và cả Khoa Trưởng trường Đại Học Y Khoa. Một số khác sinh viên miền Trung vào Sài Gòn học thì ở rải rác trong thành phố với thân nhân, bạn bè, thỉnh thoảng ghé đến chơi. Tập trung nhất là tại các cư xá sinh viên như là Câu Lạc Bộ Phục Hưng ở đường Nguyễn Thông của các linh mục dòng Đa Minh, Cư Xá Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) từ năm 1962 ở đường Yên Đỗ (nay là Lý Chính Thắng) của các linh mục dòng Tên v.v… Sinh viên lưu trú phải trả tiền trọ nhưng là rẻ và

được ở phòng 2 người, đông lắm là 3 người và có cả sinh viên Bắc, Trung ngay cả Nam. Tổng số sinh viên ở mỗi nơi khoảng gấp đôi Học Xá Cá Hấp Trung Việt của chính quyền miền Trung. Dù sao thì sau năm 1960 Cư Xá Cá Hấp đã không còn hoạt động.

Tôi thì từ khi di tản vào Sài Gòn năm 1954 cùng với đoàn sinh viên Hà Nội thì rời Cư Xá Minh Mạng của Đại Học Hà Nội mà về ở Học Xá Trung Việt với các bạn gốc miền Trung. Chỉ một mình tôi làm vậy, các bạn khác cũng Huế, cũng miền Trung, cũng từ Hà Nội di tản vào thì không. Có thể Học Xá Cá Hấp chật hẹp và ồn ào, sức chứa giới hạn. Có lẽ tôi quen ở học xá, như ở Hà Nội thì tôi ở tại Học Xá Trung Việt là một biệt thự lầu cạnh Hồ Tây, đường Quan Thánh, sân vườn rộng, phòng khách rộng, nhưng chỉ 3 1/2 phòng ngủ, ở bảy tám người. Không chật hẹp nhưng vừa phải, vui nhưng không ồn ào.

Bước vào căn phố 29 Bùi quang Chiêu là cửa vào của Học Xá tôi nhận thấy mọi vật không thay đổi kể từ gần 2 năm trước lúc tôi rời Sài Gòn. Ở một căn phố chiều ngang 4 m, cửa sắt ban ngày luôn kéo mở rộng nửa chừng, dọc tường bên phải là chỗ dựng xe đạp và xe gắn máy; dọc tường bên trái là dãy bàn ăn với ghế dài, giữa là lối đi len lỏi ra sau bếp và lên lầu. Mặt tiền căn phố 27 là cửa sổ lớn, cửa ra vào thì ở vách bên thông với căn 29 và ở đằng sau. Trong nhà thấy không có người, tôi xách ba lô bước thẳng ra sau lên lầu. Nghe tiếng cười nói văng vẳng từ trên xuống. Trên lầu 2 căn phố liền nhau, không có vách ngăn cho nên đây là phòng chính, giường thấp kê sát nhau chừa vừa đủ lối lách vào.

Tôi vừa ló mặt, một vài bạn thoáng thấy bóng người, nhìn ra la lớn:
-Ủa anh Vận, à chào Trung Úy, anh ở Huế mới vào hả!
Chiều nay thứ bảy nhiều bạn còn ở nhà học thi cuối năm, cũng gần xong. Tôi cười chào, bước vào ném ba lô xuống một giường thấy để trống:
-Tôi vừa mới đến. Máy bay quân sự từ Đà Nẵng. Bay đúng giờ. À mà giường này sao trống trơn hà, không thấy mền gối gì cả?
-Anh bạn ngồi cạnh đon đả mời:
-Giường anh N. đó. Thi xong, về lại Huế rồi, hôm qua. Anh nghỉ tạm đó đi. À mà chuyến này vô Sài Gòn anh ở lâu không? Chừng nào ra. Vào chơi hay có công việc?
Tôi vừa cởi giày vừa giải thích:
-Cả chơi, cả có công việc. Ở một tuần, ghé Cục Quân Y hỏi tin tức về giải ngũ, lúc nào muốn ra Huế thì ra, xe mình mình lái, đi về lúc nào chẳng được!
Nghe lạ tai các bạn xúm lại nhao nhao:
-Anh nói ra Huế lái xe chi, xe Vespa hả, xe ai, ai chở, đi với ai? Nếu là xe hơi còn chỗ cho bọn này đi ké!
-Giấy tờ xin giải ngũ tôi đã chuẩn bị xong, vào Sài Gòn lần này là cốt để mua xe hơi. Tôi tự lái ra Huế. Có bạn nào biết đâu bán giới thiệu đi!
Một bạn coi bộ rành, gật gù quả quyết:
-Chắc anh mua xe mới. Đến nơi hãng, nơi đại lý, có liền. Anh thì thiếu gì tiền. Nghe nói anh có dạy ở trường Quốc Học và khám bệnh ở Morin!

Thật đúng như vậy, anh bạn này gì ở Huế anh cũng biết. Tôi có sang dạy trường Quốc Học Huế, các lớp Đệ Nhất A và C, môn Vạn Vật. Cũng thích lắm. Học trò bây giờ tôi còn nhớ tên nhiều người. Nhiều bạn sau đó theo học ở 2 trường Y Khoa Sài Gòn hoặc Huế.

BS.Nguyễn Văn Thuận, YKH khóa 1, tốt nghiệp năm 1967, dân biểu Quốc Hội Đệ Nhị Cọng Hòa VN, bác sĩ phẫu thuật tại Houston, Texas, Hoa Kỳ sau 1975 là một trong số học trò cũ, đã nhớ lại hình ảnh tôi đi dạy hồi đó, có khi mang đồ nhà binh kaki vàng, trên cổ áo có 2 bông hoa mai vàng trung úy. BS.Thuận đã viết như sau trên email của YKH yahoogroups:
ykhoahue@yahoogroups.com" <ykhoahue@yahoogroups.com>
Sent: Tuesday, November 12, 2013 11:45:23 AM
Subject: Re: [yFrom: T N <tvnyxn@yahoo.com>
To: "khoahue] Bài Req. in Pace
Kính Thầy,
Kính cảm ơn Thầy về những khích lệ gần như là thường trực cho những nỗ lực của anh em, dẫu rất đơn giản, nhưng rất positive. Con học với Thầy khi hai bông mai vàng trên cổ áo Thầy còn rất sáng. Từ ngày đó đến nay, đã trên 55 năm, chúng con cảm ơn Thầy, cảm ơn đời đã cho chúng con còn cơ hội nói hai chữ Thưa Thầy.
Kính chúc Thầy, Cô và các em mọi điều an hạnh. Thuận.
Tôi cũng có khám bệnh tư ở Morin. Chuyện là tôi quen biết với Nha sĩ Trung Úy Đoàn Ân thuộc Đại đội 1 Quân Y, Sư đoàn 1, đóng tại Mang Cá Huế. Nha Sĩ Ân có phòng mạch chữa răng thuê ở Morin cạnh cẩu Trường Tiền. Phòng quá rộng anh Ân rủ tôi đến mở phòng khám bệnh tư ở phía trong đang để trống, các bệnh nhân do anh giới thiệu. Tôi đến làm việc, tạm ở và dùng bữa ăn hàng ngày tại khách sạn và nhà hàng đó luôn, nhưng không lâu cho đến khi khách sạn Morin được bán lại cho Đai Học Huế, sửa đổi phá vách dồn phòng để trở thành trường ĐH Khoa Học và ĐH Văn Khoa.

Tôi xua tay, mỉm cười:
-Làm hai ba nghề tiền cũng dành dụm được một ít, không đến nỗi đi mượn, nhưng còn nhiều việc phải làm, chắc lần này mua xe cũ. Nửa cũ nửa mới.
-"Vậy hả! Hay là anh mua xe giống xe bác sĩ Quyến, tôi thấy ông đi chiếc Mercedes đẹp lắm, nhưng chắc thứ này đắt tiền" anh Q. lên tiếng góp ý – "hay là như xe Simca của mệ Sen, cũng đẹp đó chớ, hợp túi tiền hơn! Còn chiếc Borgward xe Đức tốt lắm, xịn, hào hoa, nên mua nếu anh thích loại xe 2 cửa."
Ở Huế thời đó rất ít người có xe nhà. Người mà ai cũng biết là BS.LKQuyến, Giám đốc Bệnh viện Trung Ương Huế lái (và có tài xế riêng lái) chiếc Mercedes-Benz 190 màu trắng sang trọng. Có người nói là xe do ông Cố Vấn Ngô Đình Cẩn tặng, thưởng công chữa bệnh, chẳng biết hư thực. Người thứ hai là mệ Sen lái chiếc Simca. Tôi cũng thấy nhiều lần mệ Sen lái xe đi từ trong thành ra phố…mệ mặc áo dài, để tóc búi sau gáy bình thường. Nhà văn Huy Phương viết: "*Khoảng năm 1948-49, khi mệ Sen (con vua Thành Thái), một người đàn bà Huế, lần đầu tiên dám lái một chiếc xe hơi Simca Aronde, thì cả thành phố coi đó là một hiện tượng dị thường.* (Huy Phương "Huế của một thời.") Mệ Sen là nhạc mẫu của BS.Phạm Văn Giàu, người miền Nam. Năm 1957 ông là Y sĩ trưởng Đại đội 1 quân y, Sư đoàn 1, đóng

tại Mang Cá, sau qua Bệnh viện Huế làm Trưởng khoa nhi và Giám đốc trường Cán Sự Y tế Huế. BS. Giàu có phòng khám bệnh tư ở đường Mai Thúc Loan, Thành nội, đường đi ra cửa Chính Đông.

Xe hơi Borgward thì lúc đó tôi chưa biết song chỉ vài năm sau là tôi được mãn nhãn. BS.LHChước từ Pháp về, dạy ở ĐH Khoa học và ĐHYKhoa, sở hữu chủ một chiếc Borgward. BS.LĐThương, cựu sinh viên YKHuế mô tả như sau "*Nhớ Thầy Lê Huy Chước phụ tá huấn luyện, lúc ấy có chiếc xe độc đáo hiệu Borgward, kiểu Isabella 2 cửa, giờ này muốn biết phải vào bảo tàng viện xe hơi. Xe rú như bò rống mỗi khi bác sĩ Chước dọt ra về trước những cặp mắt thèm thuồng của đám sinh viên. Lúc ấy hình như Thầy còn có biệt hiệu Marlon Brando Huế*." (LĐThương 'Vài kỷ niệm…'Tập San YKH Hải ngoại 2006 tr17.)
Thầy LHChước hiện sinh sống tại Pháp.
Ông Lê Cảnh Đạm, Tổng Thư Ký trường ĐHYK Huế đi làm cũng lái một chiếc Borgward đậu ở sân trường, tôi tha hồ ngắm nghía. Ít ai biết trước năm 1945, thời Pháp, ông dạy ở trường tiểu học Quảng Ngãi, được gọi học khóa đầu tiên ESEPIC (École Supérieure Éducation Physique IndoChinoise) đào tạo huấn luyện viên thể dục tại Phan Thiết. Ông thi ra trường đỗ thủ khoa khóa ấy, ai cũng khen ngợi và ngạc nhiên vì ông cũng chỉ tầm vóc trung bình mà trong khóa có cả Tây học.
Mệ Vĩnh Tiên người Tổng Thư Ký kế tiếp thì lái xe Fiat, Ý, dáng xe rất đẹp.
Giáo Sư Tôn Thất Tắc dạy trường Quốc Học cũng lái xe Borgward. Các học trò cưng kể lại có khi được Thầy ưu ái cho leo lên xe Thầy chở đi một vòng hưởng lạc thú đi xe hơi nhà.

Mercedes-Benz 190, Đức. (1.9L)

Xe Simca Aronde, Pháp. (1.2L)

Xe Borgward, Đức. (1.5L)

Mỗi người bàn một câu, góp một ý. Một bạn vừa chạy ra sau, trở lại cầm theo mấy tờ báo hàng ngày, trăng ra giữa, cao giọng:
-Rao vặt đây nè, có đủ, xem đi, coi có chiếc nào được không? Simca, Peugeot, Citroën này cả Renault nữa. Xe ít đi, còn mới, ngon lành không! Muốn mua thì lẹ tay lên.
Tôi vơ vội tờ báo, liếc nhanh:
-Có 2 chỗ rao bán xe gần đây, còn kịp giờ, để tôi đến ngay xem sao.
Anh Đ. người đưa báo thúc dục:
-Anh lấy xe tôi mà đi. Mấy hôm nay tôi ở nhà học bài, ôn thi.
Trong Học Xá không có đường dây điện thoại. Các hiệu buôn thì có nhưng các nhà tư gia hiếm khi chịu phí tổn bắt điện thoại trong nhà mà chỉ ít dùng. Thời ấy làm gì có điện thoại cầm tay hoặc điện thoại công cọng đặt ở vệ đường phố. Mục rao vặt trên mặt báo cũng chỉ ghi món hàng và địa chỉ người bán, có khi cả tên, không ghi số 'phôn'. Người mua không thể nhắc điện thoại, quay số (thời đó) hỏi trước, mà phải tự tìm đến.

Tôi đi chiều thứ bảy và suốt 2 ngày chủ nhật, thứ hai kế tiếp, hỏi nhiều nơi, nghiên cứu tường tận, biết thêm nhiều thứ, kết quả khả quan, thấy có nhiều loại xe tùy thích chọn lựa.

Có loại xe có vẻ ít thấy như Vauxhall của Anh, Volvo của Thụy Điển. Nếu mua đem ra Huế sợ khi hư phải gửi Sài Gòn mua phụ tùng thay, vừa khó vừa chờ đợi lâu. Xe Volkswagen Beettle Đức, xe (dáng) con bọ gọn, đẹp, tiện lợi vì dùng sức gió làm nguội máy, khỏi két nước lỉnh kỉnh. Tuy nhiên là xe 2 cửa nên tôi chưa hẳn thích. Ở Huế chưa thấy ai đi xe Volkswagen cho đến khi Giáo Sư Discher dạy tại ĐHYK Huế mang xe ông từ Đức qua, ở nhiều năm tại Huế. BS. HThế Định, cựu sinh viên YKHuế kể lại: "…*Hôm đó là một ngày mưa gió nặng nề của tháng 10, thầy Discher lái chiếc xe Volkswagen màu lục đậm chạy từ từ theo chiếc xe Mobylette cũ kỹ của tôi. Thầy khám cho mẹ tôi rất lâu*…"

BS.Bùi Minh Đức dạy ở ĐHYK Huế tu nghiệp ở Tây Đức trở về năm 1973 cũng mua đem về Huế một chiếc Volkswagen Beettle mới toanh, đến năm 1975 mang kịp vào Sài gòn.

Xe Vauxhall, Anh (1.3L)

Xe Volvo,Thụy Điển (1.8L)

Xe Volkswagen Beetle, Đức (1.2L)

Nhiều bạn ở Học Xá khuyên tôi nên mua xe Pháp, nhiều người đi, mua đi bán lại được giá, sửa chữa phụ tùng nhiều, ở Huế ra tiệm Rồng Vàng, Thái Lợi có sẵn. Cũng đúng, người Việt Nam vốn ưa xài đồ Pháp, đã từ mấy chục năm nay. Xe Pháp có những hiệu Renault, Citroën, Peugeot rất lâu đời.

*Hãng Renault có loại xe nhỏ Renault 4 CV, 748 phân khối, cửa trước mở ngược. Cả Sài Gòn dùng chạy xe taxi, sơn 2 màu, xanh dưới, vàng nhạt trên, rất ít tốn xăng. Nếu dùng làm xe nhà thì mua Renault 4CV Luxe (Luxe=phiên bản sang trọng.) Lớn hơn một chút có xe Dauphine 5 CV, 845 phân khối, trang nhã rất thích hợp cho phụ nữ lái. Hai xe này đều có 3 số tay và buồng máy đặt sau đít xe. Họa hoằn có một vài xe Dauphine chạy taxi, nếu vẫy đúng một chiếc thay vì Renault 4 CV thì được cho là hên may. Tôi chỉ biết vậy để so sánh, không có ý tìm mua loại xe nhỏ.
*Hãng Citroën có xe 11 CV (1.9L) 4 máy và xe 15 CV (2.9L) 6 máy thân dài hơn, chở được 10 người ngồi 3 dãy tương ứng mỗi bên có 3 ô kính, ô kính hờ thứ 3 không có cửa xe. Xe Citroën có 3 số tay, có cửa trước mở ngược, còn gọi là xe tắc xông (tiếng Pháp: traction avant=kéo trước=dẫn động cầu trước= FWD), rất thích hợp với đường lộ Việt Nam nhất là đường đèo hay những đoạn có cua gắt vì chạy bằng 2 bánh trước cho nên xe rất bám đường, khó bị lật. Do đó xe Citroën 15 CV được dùng làm xe đò chạy đường Huế, Đà Nẵng không bao giờ xẩy tai nạn trên đèo Hải Vân. Mặt khác xe có 6 máy (2900cc) lên đèo rất mạnh. Xe Citroën rất bền, sau

nhiều chục năm, có bảo trì vẫn còn chạy tốt, dáng vẫn đẹp. Ở Huế bến xe tắc xông ở chợ Đông Ba, sát cầu Gia Hội.
Xe Citroën 11 CV ngắn hơn, mỗi bên 2 cửa với 2 ô kính như bình thường, không có ô kính phụ thứ 3, nếu sơn đen dùng làm xe nhà thì trông rất chững chạc đạo mạo. BS. TT An ở Pháp về, dạy tại ĐHYK Huế lái xe này, và còn nhiều người khác nữa.

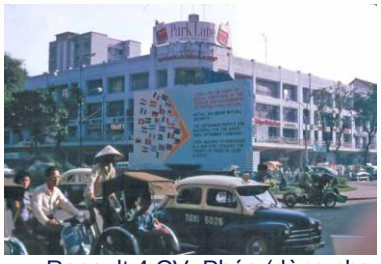
Renault 4 CV, Pháp (dùng chạy taxi)

Renault Dauphine 5 CV, Pháp

Xe Citroen 15 CV, Pháp

*Hãng Peugeot có xe Peugeot 203 ra đời từ năm 1948, rất phổ biến, 7CV (1290 cc), có mặt tại nhiều nước trên thế giới. Ở Sài Gòn xe Peugeot 203 cũ rao bán khá nhiều, dễ chọn lựa. Xe Peugeot 403 bề thế hơn, 8 CV (1.5L), sản xuất ở Pháp từ năm 1955. Vào thời điểm 1959 phải đợi ít năm sau ở Sài Gòn mới bắt đầu có xe cũ Peugeot 403 chào bán.
Sau nhiều đắn đo và hỏi ý kiến các bạn trong Học Xá tôi quyết định mua một chiếc P203.
Xe Peugeot 203 là xe hạng trung, 4 số tay, 4 cửa, cửa trước mở ngược. Xe không lớn không nhỏ, dài 4,35 m, rộng 1,62 m, cao 1,50 m. Hình dáng xe cổ điển, không đẹp không xấu. Tiêu thụ xăng xe chạy đường trường dưới 7L /100 km. Xe bền, ít hư vặt, dễ bảo trì.

Thời thập niên 1950 xe cộ ở miền Nam biển số gồm 3 chữ cái và 3 chữ số. Ở Sài gòn xe đăng bộ bắt đầu bằng chữ N và đã đến số NBP. Xe các đời NA thì quá cũ, xe các đời NB nếu trước NBF thì được kêu bán nhiều, tuy không còn mới nhưng giá cả cũng không còn cao. Người ta khuyên nên mua xe từ đời NBF trở đi, NBL là mới nhất. Xe mới hơn nữa thì chủ còn để dùng, chưa vội bán. Tôi được giới thiệu 2 xe NBJ và một xe NBK. Tình trạng cả 3 xe thì thấy giống nhau, nhưng tôi lấy chiếc NBK chỉ vì K là sau J. Chiếc xe này mang biển số NBK 237. Xe nước sơn màu xanh trông còn mới, không vết trầy trụa, máy chạy êm. Người bán còn chỉ cách gập 2 ghế trước lui thẳng ra sau cùng với băng ghế sau làm thành một tấm nệm phẳng để nằm. Giá bán xe là 80 ngàn đồng (lương tôi Y sĩ Trung Úy là 8 ngàn/ tháng.) Kèm theo xe là một sách hướng dẫn Peugeot 203, một bánh xe phòng hờ, một cái kít (con đội) dùng riêng cho xe Peugeot 203, một bao da đựng kềm, mỏ lét, ống tháo mở bu gi... và một tay quay rất cần thiết. Chủ bán nhận tiền, trao giấy bán xe viết tay, thẻ chủ quyền và hồ sơ gốc đầy đủ của xe, tôi mang ra Huế đăng bạ. Tiền trao xe nhận, việc mua bán hoàn tất trong chiều thứ năm. Cả ngày thứ sáu hôm sau tôi lái xe loanh quanh dạo chơi và giải quyết nốt một số công việc còn lại để dự liệu sáng thứ bảy ra Huế.

Xe Citroen 11 CV

Xe Peugeot 203

Xe Peugeot 203

Xe Peugeot 403

Đường Quốc Lộ 1 Sài gòn Huế dài trên cả ngàn cây số, hiểm trở vì phải qua 6 đèo từ Nha Trang trở ra. Nhiều đoạn rất vắng tuy nhiên vào thời điểm 1959 có an ninh, không có nạn gài mìn, bắn sẻ hoặc đắp ụ chận đường bắt bớ, thu thuế, cướp bóc (như những năm về sau.) Dù vậy lái xe đi một mình cũng ngại, đường xa có bạn đồng hành vẫn hơn, vừa vui vừa bớt mệt nhọc lo lắng quên chuyện đường xa.
Có 3 bạn thi cử vừa xong cùng đi với tôi, về Huế nghỉ hè. Bạn Hoàng Trọng Hàn em của anh HTCang QGHC, Lê Xuân Quỳnh em BS.LXThảo, Nguyễn Đệ em BS.NBửu. Bốn người chúng tôi xuất phát đúng 7giờ rưỡi sáng thứ bảy. Vài bạn xuống đưa tiễn, các bạn khác thứ bảy dậy trưa.

Tôi ngồi ở tay lái, mặc đồ dân sự. Hành trình dự tính 2 ngày vượt 1065 km, chặng đầu Sài Gòn, Qui Nhơn 657 km, chặng sau Qui Nhơn, Huế 408 km.
Chiếc xe Peugeot 203 mang biển số NBK 237 từ từ lăn bánh một khúc ngắn, quẹo trái từ đường Bùi Quang Chiêu (đường ĐTNhu) sang đầu đường Calmette, dừng lại để một bạn xuống mua mấy ổ bánh mì kẹp thịt ở một xe đẩy đậu ở vệ đường. Xe tiếp tục rề rề băng qua đường Trần Hưng Đạo, vào bồn binh chợ Bến Thành, vào đại lộ Lê Lợi, vào đường Pasteur một chiều, cuối cùng quẹo phải vào đường Hồng Thập Tự (nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai), từ đó cứ giữ đường đi thẳng mãi, qua cầu Thị Nghè, qua ngã tư Hàng Xanh, xe cộ đi lại không nhiều, chẳng vướng mắc...ra khỏi Sài Gòn không mấy chốc, chắc khoảng dưới 15 phút.
Xe qua cầu Bình Triệu, thẳng đến Thủ Đức rồi Biên Hòa trên đường Quốc Lộ 1. Quá Biên Hòa chừng sáu bảy cây số là vùng Hố Nai. Nhà cửa có sân vườn của các đồng bào miền Bắc kéo dài trải dọc 2 bên đường quốc lộ. Nhiều con đường rộng dẫn vào xa ở trong. Nơi đây năm 1954 tôi đã đến để xem đồng bào chân ướt chân ráo từ ngoài Bắc vào định cư lập nghiệp sinh sống ra sao, và chỉ thấy giữa một vùng đất hoang cây bụi cằn cỗi nhà cửa sơ sài, lợp tồn cấp phát, vách tường ỏng ẹo, bàn ghế giường tủ lơ thơ. Chỉ trong vòng vài năm đồng bào di cư cần cù ổn định cuộc sống đã biến nơi hoang vu này thành một vùng xanh tươi, khang trang, có nơi sầm uất. Tôi thấy vui vẻ trong bụng.
Quá Hố Nai xe đi hẳn về hướng đông, buổi sáng nắng ngược chiếu vào mắt. Xe đi qua thị trấn Trảng Bom, đi thêm hơn 10 km đến ngã tư Dầu Giây, cách Sài Gòn 56 km. Tại ngã tư này rẽ trái lên Đà Lạt, rẽ phải xuống Long Thành, Bà Rịa, Vũng Tàu, đi thẳng giữ Quốc lộ 1 chưa tới 15 km là đến thị trấn Long khánh. Đến đây là xe đã đi được hơn 1/3 đường ra Phan Thiết, cách Sài Gòn 188 km. Những cọc cây số đặt bên vệ đường báo hiệu khoảng cách sắp đến của mỗi địa danh gần kề hoặc chỉ dẫn khoảng cách các thành phố còn xa.
Sau Long Khánh là Xuân Lộc trên đường ra Hàm Tân, Phan Thiết.

Đường Quốc Lộ 1 lúc đó có đoạn dài cả chục cây số vắng vẻ không có lấy một bóng người hoặc xe cộ. Hai bên đường toàn là đồn điền cao su, cây trồng ngay hàng thẳng lối. Đường vắng teo khiến tôi trong bụng e ngại chuyện những ai đó núp lén trong rừng cây cao su thừa cơ nhảy ra đường chận xe cướp bóc. Dù biết lo sợ vô cớ song tôi nhấn lút ga để chóng vượt qua đoạn đường hẻo lánh này. Kim đồng hồ chỉ tốc độ lên đến trên 110 kmh, tôi tập trung tất cả chú ý, nắm chặt tay lái. Đường trải nhựa rất tốt, thẳng tắp, xe chạy rất đằm, một mình trên đường, trông tít đằng xa không có bóng xe chạy cùng chiều, ngược chiều. Vượt qua đoạn đường này đến chỗ có làng mạc nhà cửa tôi giảm dần tốc độ, thở phào nhẹ nhõm. Tuy nhiên ngay sau đó và cho đến nay, nhiều năm qua, tôi vẫn hối hận, tự trách mình liều lĩnh đối đầu nguy hiểm hoàn toàn không cần thiết. Trên xe tôi lại chở bạn bè, có trách nhiệm lớn cho sự an toàn của họ đã tin tưởng vào tôi. Hà tất phải lái xe chạy thục mạng như thế. Đường sá ở Việt Nam thời đó cũng kể là chật hẹp, nhanh lắm là giữ tốc độ đường trường dưới 80 kmh mới là an toàn. Và từ đó tôi tuân thủ chặt chẽ.

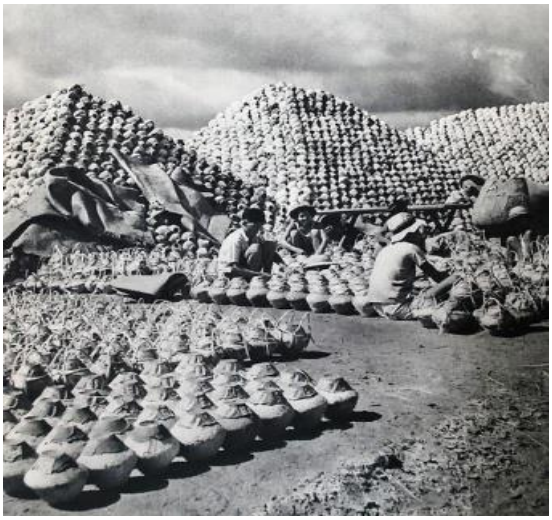

Phan Thiêt et Phu Quôc, les grands producteurs de Nươc Mam

Xe đến Phan Thiết (Bình Thuận) lúc chưa đến 10 giờ rưỡi sáng, chạy chậm chậm, mọi người hít mạnh vào buồng phổi không khí đặc biệt của Phan Thiết, mằn mặn của biển và các vựa cá làm nước mắm. Xe chạy thong thả qua một cầu dài, hẹp chắc đây là cầu sông Cà Ty chảy vào trung tâm thành phố. Qua khỏi cầu, xe tăng tốc độ hướng về Phan Rang (Ninh Thuận) cách xa 173 km và đến đó lúc gần 1 giờ trưa. Từ Phan Rang đi Nha Trang (Khánh Hòa) chỉ còn 78 km.
Xe rời Phan Rang được hơn 20 phút thì nhìn ra đã thấy biển cả chạy dọc đường Quốc lộ kéo dài luôn mấy chục cây số. Đó là vịnh Cam Ranh. Liếc nhìn chẳng thấy tàu bè gì. Thị trấn Cam Ranh cách xa Thị xã Nha trang 45 km về hướng nam.
Xe qua đèo Rù Rì vào đến trung tâm Nha Trang thì vừa hơn 2 giờ chiều. Tôi lái xe trên con đường dọc biển một đoạn. Đường cũng khá vắng, nhà cửa xa nhau với các khoảng trống dài xen kẻ. Tôi lại lái xe vào khu buôn bán, tìm ngay được một quán ăn Huế. Chúng tôi xuống xe vào ăn bánh cuốn, bún thịt nướng. Chờ xe nguội máy tôi mở nắp xe kiểm tra dầu máy, két nước. Tất cả còn đầy đủ, không phải châm thêm gì. Duy xăng thì phải đổ thêm. Tính ra xe chạy đoạn đường 439 km từ Sài Gòn ra Nha Trang chỉ tốn chưa đến 30 L. Đã đi được 2/3 đường, còn 1/3 nữa mới đến

Qui Nhơn (Bình Định), ngang qua Thị xã Tuy Hòa (tỉnh Phú Yên) ở giữa, gần Qui Nhơn hơn. Đến 3 giờ rưỡi chiều chúng tôi lại lên đường sau khi dừng đổ thêm nhiên liệu tại một cây xăng trên đường đi.

Tuyến đường Nha Trang, Qui Nhơn dài 218 km phải qua 3 đèo. Đèo Rù Rì dài gần 3 km, khá nguy hiểm, lối ra vào Nha Trang, đèo Cả dài 8 km, cao 333 m vượt ngang dãy núi Đại Lãnh là ranh giới giữa 2 tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên, đèo Cù Mông dài 7 km, cao 245 m, độ dốc 9 % và có nhiều cua gấp là ranh giới giữa 2 tỉnh Phú Yên và Bình Định.
Lái xe hết sức tập trung tôi đi ngang các đèo ấy không có vấn đề, vững vàng tay lái. Hiện nay đã có dự án làm hầm đèo Cả cho xe hơi. Dù sao cũng không rắc rối như hầm đèo Hải Vân quá dài nên sự thông khí trời phải làm thật tốt. Xe cộ qua lại được theo dõi trên điện toán. Mặt khác một Quốc lộ 1D mới dài 35 km được hoàn tất dọc theo đường biển đi thẳng từ Thị Xã Sông Cầu (Phú Yên) qua đầm Cù Mông (cầu Bình Phú) vào Qui Nhơn tránh đèo Cù Mông.

Đèo Rù Rì ở Thị xã Nha Trang

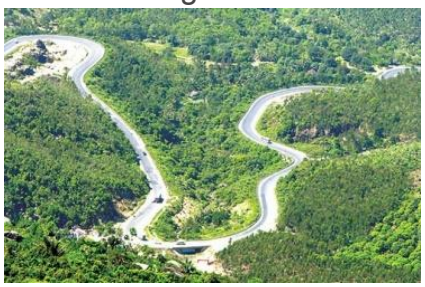
Đèo Cả, Nha Trang..

Đèo Cù Mông

Xe vào Thị xã Qui Nhơn lúc 6 giờ rưỡi chiều. Ở Qui Nhơn chúng tôi nghỉ đêm tại nhà người bà con của anh HTHàn như đã dự định trước. Sau khi rửa ráy và ăn cơm tối, chúng tôi cùng người bà con lên xe đi thăm loanh quanh trong thị xã cũng như ra bãi biển ngồi chơi một lát. Đến 10 giờ tối chúng tôi trở về nhà, chuyện trò nửa tiếng rồi đi nghỉ.
Sáng hôm sau, chủ nhật, chúng tôi lóng nhóng mãi đến 9 giờ sáng mới khởi hành. Từ Qui Nhơn ra Quảng Ngãi 178 km hai bên đường nhiều đoạn rợp bóng dừa và từ Quảng Ngãi ra Đà Nẵng 125 km đường bằng phẳng rất tốt. Chỉ từ Đà Nẵng ra Huế 107 km mới lắm đèo và hiểm trở. Trên Quốc lộ nói chung tương đối ít xe cộ, không phải tránh xe, vượt xe nhiều.
Xe đến Thị xã Đà Nẵng lúc 1giờ rưỡi trưa, chạy được khoảng 300 km từ lúc khởi hành sáng sớm tại Qui Nhơn. Nghỉ và ăn trưa tại nhà cha mẹ tôi, đầu đường Hoàng Hoa Thám sát cạnh ga Đà Nẵng.
Đến 5 giờ kém 15 chiều chúng tôi lên xe để kịp đến chân đèo Hải Vân vào giờ mở đèo mỗi đầu giờ cho phép xe cộ lên đèo. Đoạn đường Đà Nẵng, Huế này dài 107 km được xem là hiểm trở khó chạy nhất. Có 3 đèo phải vượt qua, một ở ranh giới Đà Nẵng, Thừa Thiên, 2 đèo kia trong địa phận Thừa Thiên.

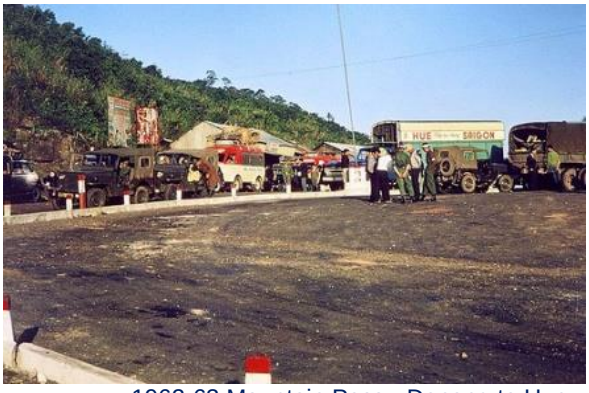
1962-63 Mountain Pass - Danang to Hue

Xe đò Phi Long, ĐN- Huế (1962-63)

Đèo Hải Vân dài 21 km cao 500 m là một chướng ngại thực sự cho lưu thông nhưng lại là một ân nhân cho Đà Nẵng. Về mùa đông từ tháng 11 cho đến tháng 3 ở Huế thời tiết có thể mưa lạnh dai dẳng trong khi ở Đà Nẵng trời nắng ráo. Đỉnh đèo cách Đà Nẵng 30 km, cách Huế trên 70 km. Vì đường đèo dài, qua đèo cần lái giỏi, xe tốt. Khúc cua chót trước khi đến đỉnh đèo Hải Vân về cả 2 phía nam bắc đều là cua cùi chỏ, rất ngặt và độ dốc cao. Nếu tay lái yếu, không thuộc đường, hoặc giả xe chở nặng khiến xe lên dốc mất trớn, gài số thấp chạy chậm, máy nóng, két nước bốc hơi, xe mất sức, tắt máy… đến khúc cua chót này không lên nổi, xe tụt lui rất nguy hiểm. Tôi lái xe lên đèo khá tốt nhưng thầm mong chóng lên đến đỉnh đèo cho rồi thật khác hẳn với năm trước tôi lái xe Jeep quân đội qua đèo này. Xe Jeep quân đội rất khỏe, lên đèo băng băng, tôi ước mong đèo còn dài thêm để tôi còn lái nữa cho phỉ sức uốn lượn trên các khúc cua quanh co ngoằn ngoèo. Xuống đèo thì xe nhẹ máy, nhưng bộ phanh làm việc nhiều. Nếu lái kém dùng phanh nhiều có thể nóng má phanh, mất phanh, đứt phanh…Xe xuống đèo rất nguy hiểm. Tai nạn xẩy ra thường ở lúc đổ đèo vẫn biết theo nguyên tắc là lên (dốc) gài số nào thì xuống gài số ấy.

Xe tôi lên đến đỉnh đèo, nghỉ được trên 10 phút, chờ giờ xe đổ đèo, vào lúc 5 giờ rưỡi chiều, tức là mỗi "rưỡi" giờ. Tôi lái xe cẩn thận, xuống đèo tốt, vô sự. Qua cầu Lang Cô xe chạy trên đường Quốc lộ 1, bên tay trái là Vũng An Cư (đầm Lang Cô), có đường xe lửa men chân núi, bên kia, phía tay mặt là bãi biển nổi tiếng đẹp của vịnh Lang Cô.

Xe chạy 8 km hết vũng An Cư là lên đèo Phú Gia ngắn, chỉ 2,3 km nhưng rất hiểm trở, có một cua cùi chỏ ngặt. Chạy thêm chừng 15 km là kế tiếp đến đèo Phước Tượng dài 3,2 km ở cực nam đầm Cầu Hai, phía biển. Chạy thêm một đoạn 4 km nữa là ngang ga Thừa Lưu rồi một chuỗi ga kề nhau: Nước Ngọt, Cầu Hai, Đá Bạc, dọc theo đầm Cầu Hai (thông ra cửa Tư Hiền.) Đoạn này làng mạc ở xúm xít. Cả 3 đèo Nam Hải Vân, Phú Gia, Phước Tượng đều thuộc địa phận quận Phú Lộc, Thừa Thiên.

Sau đó xe chạy qua Truồi, Nong. Sông Truồi đổ vào ở cực bắc đầm Cầu Hai. Quá đầm Cầu Hai xe tiến vào địa phận Thủy Phù, Phú Bài, Phú Lương rồi qua cầu An Cựu, chợ An Cựu, phố xá 2 bên đường, cửa ngõ phía nam của Thị xã Huế.

Suốt từ đèo Phú Gia ra đến An Cựu đường xe hơi Quốc Lộ 1 và đường xe lửa Xuyên Việt chạy cặp kè quấn quýt. Ở Cầu Hai 2 cầu đường sắt và xe hơi kề nhau. Trên xe hơi ta có thể bắt gặp đoàn tàu đang chạy song song bên cạnh, lúc trước mắt, lúc bị tạm che khuất bởi nhà cửa thôn xóm dọc Quốc Lộ, lúc ở bên trái, lúc ở

bên phải như làm xiếc vì chẳng thấy nơi xe hơi băng qua đường sắt. Thật ra lúc xe hơi qua đèo Phước Tượng và dốc Đá Bạc, xe lửa chui hầm đổi vị trí chẳng ai biết. Trước đèo Phước Tượng đường sắt nằm về phía núi. Quá đèo Phước Tượng đường sắt nằm về phía biển, tiếp giáp đầm Cầu Hai. Quá dốc Đá Bạc đường sắt trở lại nằm về phía núi, luôn cho đến An Cựu. Dốc Đá Bạc dài khoảng 1 km, cũng có một hầm xe lửa ngắn chui ở dưới. Dốc này nằm ở phía bắc ga Đá Bạc, cách xa ga hơn 1 km. Không kể các hầm của đèo Hải Vân, từ Lang Cô ra Huế đường sắt có thêm 3 hầm tương ứng với 3 đèo: Phú Gia, Phước Tượng và dốc Đá Bạc (đèo Mũi Né?.)

Đèo Hải Vân

Đèo Phú Gia

Đèo Phước Tượng

Qua khỏi đèo Phước Tượng, từ Thừa Lưu trở ra tôi lái xe thư thả để tất cả cùng nhau chiêm ngưỡng cảnh vật đẹp đẽ ở các địa danh của Thừa Thiên Huế.
Xe vào An Cựu tôi lái xe chậm lại nhiều. Xe chạy chậm thấy rõ song tôi ngạc nhiên liếc nhìn kim đồng hồ tốc độ vẫn chỉ 50 kmh. Tôi nghĩ do cảm giác sai lầm từ chạy đường trường vào nơi thị tứ. Phải lái chậm hơn xuống 40 kmh.

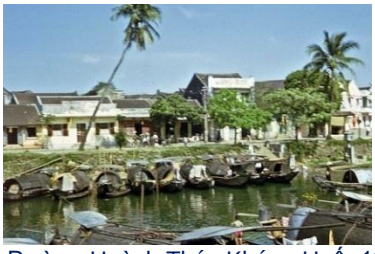
Đường Huỳnh Thúc Kháng Huế, 1963

QL 1. Đoạn gần tới Phi Trường Phú Bài

Dong Ba River Hue, 1962-63

Qua cầu Trường Tiền, tôi đưa các bạn ai về nhà nấy thì đã 7 giờ rưỡi tối.
Cuộc hành trình tốt đẹp, không xảy một sự cố nào, không mất thắng, xì lốp, vỡ két nước, trục trặc máy móc…suốt lộ trình lại chẳng hề có chốt kiểm soát, chận đường cản lộ kiểm tra giấy tờ, vòi vĩnh chèo kéo, bắt bẻ khó dễ. Xe chạy một mạch trên cả ngàn cây số qua nhiều tỉnh thành thôn xóm không chút trở ngại, tuyệt đối chẳng ai hỏi han, và đó phải là chuyện đương nhiên. Thật là cảnh thái bình an lạc của những năm cuối thập kỷ 50, đầu thập kỷ 60 thế kỷ trước tại miền Nam Việt Nam.
Về Huế tôi lái xe long nhong quanh quẩn với biển số xe NBK miền Nam trong một tuần lễ sau đó mới đến Khu Công Chánh Giao Thông Vận Tải trước bạ xe để được cấp thẻ chủ quyền và bảng số.
Bảng số xe cộ miền Trung bắt đầu bằng chữ T. Xe tôi được cấp biển số TBB117. Mấy ông kỹ sư Công Chánh cho tôi số ấy là tốt nhất, 9 nút (1+1+7 = 9.)
Đến tháng chín năm ấy thì tôi cưới vợ. Tôi lái xe cùng nhà tôi vào Đà Nẵng ở lại 2 hôm. Chỉ đi chơi Hội An và lái xe ra bãi biển. Bãi biển Hội An rất đẹp, gió mát, tuy

nhiên không có hàng quán, không một bóng người ngoài chúng tôi. Không yên tâm tôi chẳng dám ngồi lâu, lái xe cùng nhà tôi ra về.
Qua tháng mười thì tôi có giấy giải ngũ. Một tháng sau tôi qua nhận việc ở Bệnh Viện Trung Ương Huế và được cấp nhà số 5 đường Ngô Quyền, ở luôn trong bệnh viện.
Lại chuyện chiếc xe. Xe tôi vào cổng riêng nhà số 5 Ngô Quyền thì đậu trong sân nhà. Vì cưng chiếc xe tôi muốn làm một ga ra (nhà xe) vật liệu nhẹ trong sân dựa vào tường của phòng bào chế Dược. Để tiện việc tôi nhờ ban nề mộc của bệnh viện ra Hàng Bè mua tồn, gỗ, cột kèo rồi thuê họ làm luôn trong giờ nghỉ và chủ nhật.
Ông cai thợ gạt đi bảo:
-Bệnh viện có sẵn tồn lợp mái, cột kèo gỗ đầy đủ trong kho. Để ngày mai trong giờ làm việc tôi cho anh em thợ đem ra làm ga ra cho bác sĩ đậu xe.
Thấy tôi còn ngần ngừ chưa nhất quyết ông cai Tráng giải thích thêm:
-Bác sĩ đừng ngại gì. Nhà này là trong bệnh viện thì nhà xe cũng vậy, bác sĩ cứ để chúng tôi làm.
Tôi nghe cũng hợp lý và để họ tiến hành công việc, nước sông công lính như lúc tôi đang còn ở trong quân đội, dùng vật tư và nhân công nhà nước làm việc riêng tư mà chưa thông qua Bệnh viện, sau đó chỉ chiêu đãi anh em thợ. Cho biết các nhân viên thật sốt sắng, vui vẻ với mình, tôi rất quí họ và rất thương yêu nhân viên dưới quyền.
Cũng chuyện làm ga ra cho chiếc xe Peugeot 203. Năm 1973 tôi đang ở nhà chức vụ Khoa Trưởng trường ĐHYK Huế, số 12 đường Trưng Trắc (đường Hai Bà Trưng) tại góc sau của khuôn viên trường. Nhà biệt thự lầu sân vườn rộng nhưng chỉ có 1 ga ra liền khu nhà bếp, lại dành cho xe hơi của nhà tôi. Người chủ thầu đang hoàn tất xây cất tòa lầu cánh phải ở Trường ĐHYK thinh không đến gặp tôi, xin phép được đem số vật liệu xây dựng thặng dư (!) qua làm ga ra cho tôi đậu xe ở nhà 12 Trưng Trắc. Việc này làm tôi nhớ đến chuyện làm ga ra xe trong bệnh viện hồi hơn 13 năm trước. Hai nhà 5 Ngô Quyền và 12 Trưng Trắc đều là công ốc.
Tôi lại nhớ đến tiền lệ: cách khoảng hơn 1 năm trước GS Ngyễn Mạnh Hùng, giáo sư Dược Lý, Phó Khoa Trưởng thời GS Khoa Trưởng Bùi DuyTâm đang ở Sài Gòn, hỏi ý kiến tôi:
-Nhà thầu đang thi công hoàn tất lầu cánh phải cho Trường cho hay có một số xi măng thặng dư, muốn xây thêm gì cho họ biết.
Tôi ngẫm nghĩ rồi đưa ý kiến:
-Hay là anh nói họ xây sân tennis đi, để cho sinh viên chơi, nơi đó rộng, đủ chỗ kìa.
Tôi chỉ tay vào khoảng đất trước mặt trường, giáp với khu bệnh viện Bài Lao. Tuy nhiên tôi thầm nghĩ xây sân tennis cho ra hồn rất nhiêu khê và tốn vật liệu.
Ấy vậy mà chỉ vài hôm sau tôi thấy thợ đã nện đất rải đá đúc bê tông, tráng xi măng để hoàn thành sân tennis cũng khá nhanh chóng.
Từ lâu tòa lầu cánh phải của Trường đã đắp móng dựng khung sườn, song chưa lợp mái, chưa đúc sàn, chưa xây tường ngăn vách. Đã có hợp đồng cho đấu thầu thi công hoàn tất công trình để đưa vào xử dụng, song không thực hiện được vì sau biến cố Tết Mậu Thân 1968, một số đồng bào đến che mái, dựng vách chiếm cứ, không thể giải tỏa cho mãi đến lúc GSNMHùng xếp đặt, thuyết phục các gia đình ở đậu ấy vui vẻ chịu rời Trường, GS Hùng kể lại với tôi như vậy. Đến mùa hè đỏ lửa

Quảng Trị năm 1972 công tác xây cất dở chừng lại bị gián đoạn trong nhiều tháng cho đến khi tình hình tạm yên.
Tại nhà 12 Trưng Trắc chủ thầu nhanh chóng cho thợ đến xây 1 ga ra dài, mái lợp tấm fibrocement, tường gạch tô vôi, cửa gỗ gồm 3 căn rộng rãi trong sân, dựa lưng vào bờ rào. Một căn tôi đậu chiếc Peugeot 203, căn thứ nhì đậu chiếc xe Mazda, xe Nhật mới, màu trắng, của Trường dành cho tôi. Từ thập niên 1970 thì xe hơi Nhật đã có mặt nhiều tại miền Nam. Căn thứ 3 để trống thì tôi lại thấy chủ thầu cho đặt 1 bàn pingpong mới đóng.
Tôi đang còn ngạc nhiên thì chủ thầu lại gợi ý tôi muốn đóng salon, tủ kệ, bàn ghế hoặc sửa sang gì thêm thì cho ông biết, tuy nhiên cái gì tôi cũng đã mua sắm từ ngày tôi ở nhà trong bệnh viện.
Nhưng có nhiều cho lắm để làm gì? Của tôi làm ra và của thiên trả địa, mọi thứ trong nhà đều mất sạch khi cả Huế hoảng hốt di tản vào Đà Nẵng giữa tháng 3 năm 1975.

Hai xe hơi của tôi và của nhà tôi thì sớm đem kịp vào Đà Nẵng, đơn giản cả gia đình chất đồ đạc lên xe rồi nhờ thêm nhân viên lái đi, cũng chẳng mang theo gì được nhiều.
Vào Đà Nẵng xe nhà tôi đậu trong sân nhà, xe tôi chiếc Peugeot 203 mà nay có số mới là FA 5554 đậu ngoài đường, cách nhà khoảng 70 m, bên kia ngã tư đường Hoàng Hoa Thám, nơi không có phố xá buôn bán.
Định mệnh chiếc Peugeot 203 của tôi đã được an bài như thế. Cuối tháng ba Đà Nẵng di tản vào Sài Gòn trong hỗn độn…rồi miền Nam thất thủ cuối tháng tư. Giữa tháng năm Đại Học Huế trở về miền Trung. Tôi cùng các bạn bè cùng theo về. Ghé Đà Nẵng tôi buồn rầu nhưng dửng dưng vì không còn thiết tha luyến tiếc một điều gì, chỉ đứng xa xa nhìn chiếc xe hơi thân thương của tôi. Xe còn đó nhưng 2 bánh bị xẹp. Tôi e ngại, lúc đó tâm trạng tôi là vậy, không dám đến gần để kiểm soát những gì hư hỏng mong tìm cách sửa chữa.
"*Thất phu vô tội. hoài bích kỳ tội*", kẻ thường dân vốn không có tội, chỉ vì có ngọc bích mà thành có tội. Như kẻ thường dân kia khư khư cố giữ hòn ngọc là mua vạ vào mình, tôi ý thức từ rày trở đi, vĩnh biệt với xe cộ. Tôi biết rõ là ngụy phải đi cải tạo, ở nhà mà còn được giữ xe đạp để đi đã là phước đức. Nếu chịu khó đi bộ càng yên thân.
Tết đến tôi vào Đà Nẵng bằng xe lửa, đến nhà ở cạnh ga, bước tới nơi xe đậu quá ngã tư gần đó. Đứng xa tôi nhìn mãi xe vẫn còn chỗ cũ nhưng có vẻ xập xệ, đến gần xem xét thương tích càng thêm đau lòng, mà cũng chẳng làm gì được, nên thôi.
Tết năm sau nữa tôi vào Đà Nẵng thì xe chẳng còn. Tôi không ngạc nhiên, cũng không tìm hỏi. Xe có chủ, vô thừa nhận, số phận là thế. Nghĩ lại chiếc Peugeot 203 của tôi lúc mua đem về Huế lấy biển số TBB 117 tức là 9 nút, sau đổi ra FA 5554 cũng là 9 nút (kể số cuối sau khi cọng lại), như thế là hên nhất, ấy vậy mà kết cuộc chẳng ra gì.
Số tử vi chiếc xe Mazda mới của Trường thì lại rắc rối hơn, được tôi và bác Mai Văn Minh tài xế của Trường đem vào Đà Nẵng một ngày trước khi đường bộ Huế, Đà Nẵng gián đoạn. Sơ khởi là cầu Thừa Lưu bị đánh sập, xe cộ phải quay lui, tiếp đến là pháo kích thương vong... người dân Huế như heo vào rọ đùn đùn tìm lối thoát ngã bãi biển Thuận An. Chết vô kể.

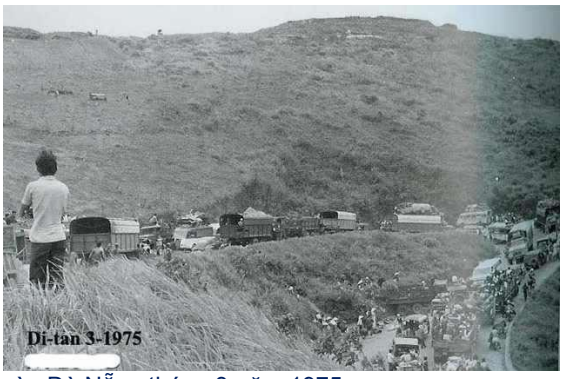

Làn sóng người, xe cộ di tản Huế vào Đà Nẵng tháng 3 năm 1975.
Hình trái: trên đường di tản Hình phải: đoàn xe vượt qua đỉnh đèo, đổ dốc phía Đà Nẵng.

"*Tránh trời không khỏi nắng*" hơn mười hôm sau đến phiên Đà Nẵng cũng chẳng giữ, "*bỏ của chạy lấy người*" nhào ra biển đông, xe cộ vứt lại đất liền, chiếc Mazda chung số phận, mất luôn tăm tích, tặng người hữu duyên.
Ban lãnh đạo mới của Trường ĐHYKhoa Huế sau ngày Đà Nẵng thất thủ cuối tháng ba, cố dò tìm thu hồi xe. Tìm kiếm mãi nhiều tháng, có người mách bảo xe Mazda nay có chủ mới, một cơ quan của UBND Đà Nẵng đang xử dụng. Trường ĐHYK gởi công văn đòi xe nhưng đòi ai? Giang sơn nào luật lệ nấy, Huế, Đà Nẵng là 2 giang sơn khác biệt, đành chịu.

Cho đến nay đã trên nửa thế kỷ trôi qua mà thỉnh thoảng trong giấc ngủ tôi vẫn nằm mơ thấy chiếc xe hơi Peugeot 203 của tôi vẫn còn đó, không hề bị mất mát. Tôi vẫn lái nó trong những ngày nắng ráo mở cửa gió đón không khí mát lành, những ngày mưa rét dai dẳng nó đã che chở cho tôi tránh ướt át lạnh lẽo của thời tiết xứ Huế. Những dịp Tết Nguyên Đán tôi lái xe chở vợ con vào Đà Nẵng thăm Nội, đi chiều 30 về chiều mồng hai hoặc sáng mồng ba để hưởng những ngày 2 phe đối địch mặc nhiên thỏa thuận hưu chiến để nhân dân ăn Tết cổ truyền. Trên đường vào Đà Nẵng có lần xe xìu lốp ngang khúc Thừa Lưu tôi phải tự mình kích xe thay bánh dự phòng. Còn chuyện chùi, canh bugi, mỏ bạch kim, bộ hòa khí, siết cọc bình ắc quy linh tinh trong 15 năm xử dụng xe thì nhiều lắm. Cũng như mấy lần do gấp gáp phải dùng tay quay để xe nổ máy, cực với nó, nhưng bao giờ xe cũng đáp ứng. Ôi biết bao kỷ niệm với chiếc xe thân yêu.
Ngày tôi đem xe ở Sài Gòn về, lái xe vào Mang Cá, nhân viên xúm lại xem trầm trồ khen ngợi và ngạc nhiên vì không ngờ tôi vào Sài Gòn kỳ đó là để mua xe hơi. Trung sĩ ban quân xa giữ kho xăng lập tức đem 2 can xăng xanh (xăng quân đội) đổ vào thùng xăng cho xe tôi vì biết xe mới về, thùng xăng đang vơi. Tôi thì luôn có một số tíc kê (phiếu) xăng gởi cho họ. Liên tưởng điều này sang chuyện khác, những kỷ niệm sống, sinh hoạt thân ái với đồng đội lần lượt hiện trở lại trong ý nghĩ tôi. Tôi trân trọng những hình ảnh đó, những ngày vui đời quân ngũ.

Xe Fiat 1.2 L (Ý)

Xe Mazda 1.5 L (Nhật)

Các loại xe nhỏ (1959):

Renault 4 CV chạy taxi

Dauphine 5 CV

Volkswagen Beetle 1955

***

14. Giã Từ Quân Ngũ

Tôi đang lúi húi trong phòng xét nghiệm xem các tiêu bản dưới kính hiển vi thì có tiếng động người mở cửa phòng, tôi ngảnh mặt nhìn ra. Trung Sĩ Thế lăng xăng bước vào vui vẻ, giơ cao và trao cho tôi một tờ giấy nhỏ :
-Thưa bác sĩ, có công điện Đà Nẵng đánh ra. Bác Sĩ có quyết định bộ Quốc Phòng cho giải ngũ. Sở Quân Y Đà Nẵng thông báo bác sĩ phải vào giao trả quân trang và nhận quyết định.
Tôi cầm tờ công điện nhẩm đọc, thốt nhiên hỏi:
-Quân trang gì hà anh Thế? Anh coi, hai năm này có ai phát cho tôi thứ gì gì đâu!
-Khi bác sĩ vào quân đội, nhận thứ gì thì nay giao trả thứ ấy, quân phục đồ trận treillis, mùng mền, lều, bi đông gà mèn, túi xách, pông sô (poncho), sáng lục, đạn dược…
Tôi dứt khoát khẳng định:
-Không, áo quần giày mũ do tôi sắm, ngoài ra không ai phát gì. Thôi được, tính sau. Bây giờ để xem khi nào đi Đà Nẵng.
-Hôm nay thứ sáu, mai thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng, chiều nghỉ. Bác sĩ chưa đi thì phải đến tuần sau. Nếu sáng mai đi thì đi sớm, 8 giờ, lên đèo (đèo Hải Vân) 9 giờ. Chín rưỡi đổ đèo, hơn 10 giờ đến, muốn rộng rãi thì khởi hành lúc 7 giờ. Bác sĩ cho biết ý kiến để tôi bảo tài xế xe Jeep chuẩn bị. Như đi thứ bảy thì tôi xin đi ké vào Đà Nẵng, có người bà con thân có việc. Về chiều tối hoặc sáng chủ nhật.
Tôi suy tính rồi ngắn gọn:
-Thôi được, mai đi trước 8 giờ. Nhờ anh sắp đặt mọi thứ.
Tôi được trưng tập vào quân đội cuối tháng 8, hè năm 1957 và đổi ra Huế, làm việc tại Bệnh Xá Bệnh Viện Mang Cá cho đến nay, giữa tháng 10 năm 1959. Bác sĩ dân

y trưng tập vào quân đội được xin giải ngũ sau 2 năm. Cách 3 tháng trước tôi đã gởi đơn xin giải ngũ và nay bộ Quốc Phòng vừa chấp thuận.

Sáng thứ bảy, 8 giờ kém 5, xe Jeep khởi hành, tôi ngồi vào tay lái. Trung sĩ Thế ngồi cạnh, tài xế binh nhì Luận ngồi băng sau.
Xe đến chân đèo Hải Vân xê xích lúc 9 giờ sáng. Đèo đang mở cửa, xe chạy thẳng qua cầu Lang Cô vùn vụt lên đèo. Xe Jeep quân đội máy rất mạnh, lên đèo băng băng. Đến đỉnh đèo, nghỉ 15 phút, đổ đèo lúc đúng 9 giờ 30. Quá đỉnh đèo chừng 300 m tài xế Luận bỗng nhắc nhở tôi nơi khúc cua này tôi đã lái xe rơi xuống đèo năm ngoái. Tôi nhìn lại thấy khúc cua này cũng là rộng, không có gì nguy hiểm, ấy vậy mà lúc đó tôi chủ quan lái xe nhanh quá tốc độ khiến xe rời cua, lăn tòm nhiều vòng xuống vực.
Vào Đà Nẵng, xe chạy theo đường Lý Thái Tổ, quẹo phải ở đường Lê Lợi trên đường xuống Chợ Mới, Tổng Y viện Duy Tân. Chưa đến 10 giờ sáng.

Đường Lê Lợi

Đường Độc Lập (nay là đường Trần Phú)

Từ ngã tư Lý Thái Tổ, Lê Lợi xuống Chợ Mới xa chừng 2 cây số, thời đó có nhiều đoạn khá vắng. Chợ Mới Đà Nẵng được thành lập từ thời Pháp thuộc trên đường Trưng Nữ Vương với một số kiốt nhỏ, theo lối kiến trúc cổ mái vòm. Đến năm 1990, do yêu cầu phát triển đô thị theo qui hoạch thành phố, chợ được xây dựng lại ở địa điểm mới ở đường Hoàng Diệu nối dài, gần đến đường Duy Tân…Quầy tạp hóa buôn bán trong chợ mang quy mô nhỏ.
Đà Nẵng coi như chưa xây cất thêm gì mãi đến gần giữa năm 1965, tức là 6 năm sau lúc Thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ vào bãi biển Đà Nẵng. Dù vậy phát triển vẫn giới hạn ở các công trình quân sự. Thật vậy tôi đọc bài viết trên mạng nói về Chợ Cồn ở trung tâm Đà Nẵng và là chợ lớn nhất của thành phố có đoạn như sau:
"Đã là người Đà Nẵng, ai cũng có vài ba cái kỷ niệm gắn với Nhà hát Trưng Vương và với chợ Cồn. Nhớ lại những năm 90, Đà Nẵng vốn chỉ có vài con đường, từng vòng xe đạp lang thang thoáng chốc đã hết thành phố, từng ngõ ngách thành phố được những đứa học trò hay la cà thuộc làu trong lòng bàn tay. Thế hệ chúng tôi, chợ Cồn đem lại một điều gì đó rất đặc biệt, khó có thể tả …" (Hội An "Chợ Cồn của tôi.")

Chợ Hàn trước 1975

Chợ Cồn trước 1975

Chợ Mới, Đà Nẵng

Đà Nẵng ngày nay là một thành phố hiện đại, nhiều cao ốc, nhà máy, dân số hướng đến mốc 1 triệu người. Sự bùng nổ bắt đầu kể từ thời kỳ mở cửa đổi mới kinh tế thị trường.

Nhắc lại khi tôi lái xe gần đến Chợ Mới thì 2 bên đường đã có nhà cửa và có nhiều người qua lại. Một cô gái mặc áo cụt xanh đen, tay dài, đội mũ vành rộng đang đi xe đạp cùng chiều bên lề phải đột nhiên lái xe rẽ trái băng chéo qua đường trước mũi xe Jeep. Tôi bóp còi và đạp phanh gấp, tiếng phanh kêu rít, tiếng bánh xe ken két chà trên đường nhựa. Xe lết thêm 1 m đứng lại nhờ lúc ấy tôi chạy chậm, chắc khoảng chỉ trên 20 kmh. Cô gái ngã soài xuống mặt đường, xe đạp văng ra bên cạnh. Tôi về nhanh số “0”, tắt máy nhảy xuống xe, Trung sĩ Thế cũng vậy, cùng chạy đến đỡ cô gái ngồi dậy. Cô ngồi vững lại được. May quá, tôi nghĩ thầm. Hình như xe Jeep chưa đụng hoặc chỉ chạm nhẹ vào người cô, chưa gây thương tích và cô ngã là do nghe tiếng còi xe, sợ hãi, lúng túng, té nhào xuống đúng ngay giữa mặt đường sát trước mũi xe hơi. Tôi dịu dàng hỏi:

-Cô có sao không, thấy đau chỗ nào, để tôi chở cô vào bệnh viện nha?

Cô gái ngước mắt nhìn tôi, mắt phải mở to, mắt trái nhắm kín, rụt rè:

-Em không sao, xe đạp em đâu, có hư không, thôi để em về, em sợ quá!

Lúc đó tôi còn sợ gấp trăm lần. Thấy mắt trái cô gái nhắm kín tôi hoảng hốt nghĩ rằng rõ ràng cô bị đụng vào mắt trái, có thể gây sụp mí hoặc mù luôn. Cả hai trường hợp đều có hậu quả to lớn. Một cô gái đẹp đẽ lại bị đui mù và sụp mí mắt. Tương lai đen tối. Chẳng biết cô đã có chồng con chưa. Tôi ân hận dù cho lỗi hoàn toàn không phải tại người lái xe.

Tôi dịu ngọt khuyên can:

- Xe cô tốt, không hư. Để tôi đưa cô vào bệnh viện, mắt trái cô bị thương cần bác sĩ khám chữa kịp thời. Chắc đụng nhẹ, mắt cô sẽ mở lại được như thường.

Nóng lòng muốn vạch sơ qua mí mắt cô gái để biết thương tích nặng nhẹ tôi đề nghị:

-Hay là để tôi xem mắt cho cô bây giờ, tôi là bác sĩ, xe này là xe bệnh viện, cô chịu khó nha!

Cô gái lồm cồm đứng dậy, nhìn quanh tìm xe đạp:

-Mắt trái em hư hồi nhỏ, không chữa được. Thôi, cho em về!

Mọi người bu chung quanh đều ồ lên. Thì ra cô gái bị hư mắt trái từ trước. Mắt kém, lớ quớ vô ý băng ra giữa đường, sinh tai nạn.

Tôi nhẹ nhõm, dựng xe đạp đưa cho cô, ân cần căn dặn:

-Thôi, cô về, đi cẩn thận, mắt trái không thấy, quẹo trái cô nhớ coi chừng.

Cô gái chừng như biết mình lỗi, lí nhí cám ơn, líu ríu ngồi lên xe đạp đi.

Tôi nghĩ cô này thật tình, dễ thương và lương thiện, biết lỗi phải. Gặp kẻ khác lắm khi bù loa bắt đền, có khi dàn dựng. Dù thế cũng chọn lầm đối tượng là một xe quân đội.
Tôi lại nghĩ 2 lần tôi lái xe Jeep quân xa từ Huế đi Đà Nẵng đều gặp tai nạn nghiêm trọng. "*Sự bất quá tam*" chắc thế, sau chuyến đi này tôi không còn ở trong quân đội, làm gì có cơ hội gây tai nạn lần thứ ba!
Nhìn thấy cô gái đã đi khá xa, ba thầy trò leo lên xe lái đến sở Quân Y. Đến nơi 2 người ngồi ngoài xe, chỉ mình tôi vào. Thủ tục tiến hành rất nhanh vì đơn giản. Quân trang quân phục tôi chẳng có gì để giao trả. Khi nhập ngũ, áo quần lính tôi tự sắm. Tôi không học hành chánh, tập tành quân sự gì (như là các khóa về sau) để được cấp phát đồ trận. Lúc đó nhận sự vụ lệnh trong tay, tôi xin máy bay quân sự tuốt thẳng ra Đà Nẵng rồi Huế.
Ký nhận xong giấy giải ngũ tôi lãnh luôn nửa tháng lương 4 ngàn, trong lòng vui buồn lẫn lộn. Hơn 11 giờ trưa mọi việc đều xong. Giã từ đời quân ngũ.
Lái xe ra về, tôi ghé vào một quán ăn chiêu đãi, ba thầy trò mỗi người một bát bún bò lớn, một chai bia nhỏ. Hai người kia ăn thêm bánh bột lọc. Ăn xong lên xe chạy ra đường Phan Châu Trinh lên Lê Lợi, quẹo trái qua đường Nguyễn Hoàng (nay là đường Hải Phòng), đến trước ga Đà Nẵng quẹo trái, đầu đường Hoàng Hoa Thám là nhà cha mẹ tôi. Tôi xuống xe quay đầu hỏi:
-Chiều nay về hay mai về, tùy các anh. Tôi để các anh tự do.
Trung sĩ Thế như đã có hội ý với tài xế binh nhì Luận tươi cười:
-Thưa bác sĩ, xin cho mai về. Sáng mai đi 9 giờ kém 15, lên đèo 9 giờ.
-Được rồi, 2 anh mai lái xe tới đây đúng 9 giờ kém 20.
Hai người vâng dạ. Tài xế Luận leo ra ghế trước lái xe đi.
Sáng chủ nhật, xe Jeep đến nhà tôi đúng giờ, trong xe có thêm người bà con trung sĩ Thế. Tôi vẫn mặc quân phục vì ngồi vào tay lái. Xe từ đường Hoàng Hoa Thám rẽ phải qua đường Thống Nhất (nay là đường Lê Duẫn), nhập vào đường Lý Thái Tổ rồi thẳng đường
ra đèo Hải Vân, lên đèo lúc 9 giờ, đổ đèo lúc 9 giờ rưỡi. Qua cầu Lăng Cô 9 giờ 45, qua đèo Phú Gia 10 phút sau, qua đèo Phước Tượng lúc 10 giờ 10 phút rồi qua các địa danh: Thừa Lưu, Nước Ngọt, Cầu Hai, Đá Bạc, Truồi, Thủy Phù, Phú Bài, Phú Lương, An Cựu… xe vào đến bệnh viện Mang Cá lúc vừa quá 11 giờ trưa.

Trưa chủ nhật, trong bệnh viện vắng, chỉ có nhân viên trực. Lương tháng đã lãnh tại Đà Nẵng, sáng mai thứ hai tôi không còn vào làm gì nữa, có chăng là để nói lời chào từ biệt mọi người. Nhưng thôi, đời lính mà, nay đây mai đó vùn vụt, sống chết gang tấc. Bác sĩ Nguyễn Tường Vân chỉ huy trưởng Bệnh viện Mang Cá thuyên chuyển vào Sài Gòn 2 năm trước, BS.Phạm Văn Giàu chỉ huy trưởng Đại đội 1 Quân Y, Sư Đoàn 1 giải ngũ năm ngoái khi đi cũng không trống chẳng kèn.
Lững thững đi xuống ga ra để lấy xe hơi riêng lái về nhà, tôi bồi hồi nhớ lại chuyện xưa, 2 năm trước đây. Cuối hè 57 tôi ra Đà Nẵng, đến sở Quân Y Quân Khu 1 gặp BS.Tô Đình Cự, Y sĩ Thiếu Tá Giám Đốc sở. BS.Cự là đồng học với các bác sĩ Lê Khắc Quyến, GS Tôn Thất Tùng, GSPhạm Biểu Tâm tại ĐHYK Hà Nội trong cuối thập niên 30 (thế kỷ trước.) Ít tháng sau BS.Cự giải ngũ được BS.Quyến bạn học cũ, Giám đốc BVTƯ Huế mời về Huế cọng tác làm Trưởng khoa Ngoại và phòng mổ. Y Sĩ Thiếu tá Nguyễn Văn Thọ chỉ huy trưởng Tổng Y viện Duy Tân (1956-

1963) kiêm nhiệm sở Quân Y. BS.Thọ tốt nghiệp tại ĐHYK Hà Nội năm 1952, được trưng tập vào Quân Y từ 1952 đến 1965. Ông rất uyên thâm về Triết học Đông Phương, trước tác rất nhiều, rất sắc bén với bút hiệu Nhân Tử NVThọ.
Hình như vài năm sau các sở Quân Y tại các quân khu không còn hiện hữu.

Lúc tôi ra Huế thì Bệnh Viện Quân Y Huế có danh xưng (từ lâu) là Bệnh Xá Bệnh Viện Mang Cá Huế, là bệnh viện của Tiểu Khu Thừa Thiên. BXBViện Huế sắp 100 giường bệnh (nhưng không đủ bệnh nhân), cơ sở phòng ốc nhà gạch mái ngói nền xi măng rất khang trang cao ráo rộng rãi do Pháp xây để lại nhưng hồi nào chỉ có một bác sĩ. Lúc tôi đến thêm thì chỉ hơn tháng sau BS.NTVân đổi về Sài Gòn, lại chỉ còn một mình tôi. Hơn 1 năm sau BXBV Mang Cá Huế được cải danh là Chi Nhánh Tổng Y Viện Duy Tân, song không thay đổi gì về số giường bệnh và nhân sự. Rồi có thêm Y sĩ Đại úy Nguyễn Thế Huy đến. Mới đây cách hai ba tháng lại có Y Sĩ Trung Úy Nguyễn Văn Đệ, nhưng tôi giải ngũ.

Không còn dịp trở lại thăm chốn xưa nhưng tôi cũng nghe tin ít năm sau Chi Nhánh TYV Duy Tân được nâng cấp trở thành Quân Y Viện Nguyễn Tri Phương, Huế. Số giường bệnh chắc phải nâng từ 400 trở lên cho đúng tiêu chuẩn một quân y viện, và nhân sự chuyên môn tăng nhiều. Được vậy là nhờ …ngoài hai trường đại học y khoa ở Sài Gòn và Huế đào tạo hơn 250 bác sĩ y khoa hằng năm, Việt Nam Cộng hòa có 11 trường y tá, mỗi năm cho tốt nghiệp gần 600 y tá vào thập niên 1970. Trong khi đó Trường Đại học Dược khoa Sài Gòn cung cấp 542 dược sĩ năm 1970.[11]

Một số đông Y Nha Dược sĩ gốc Quảng Trị, Huế, Quảng Nam đã phục vụ tại TYV Duy Tân Đà Nẵng, Quân Y Viện Nguyễn Tri Phương Huế và Bệnh viện Tiểu khu Quảng Trị. Các cơ sở này đều quá tải trong biến cố Tết Mậu Thân 1968, chiến dịch Khe Sanh, Lam Sơn Hạ Lào 2/1971, mùa hè đỏ lửa Quảng Trị 72 v.v…
Hiện nay trong Mang Cá Huế có Viện Quân Y 268 do một Bác sĩ Đại Tá làm Giám Đốc không như xưa trước 1975, một Quân Y Viện dưới quyền một Y Sĩ Chỉ Huy Trưởng.
Tôi lấy xe hơi riêng, giã từ Mang Cá lái về nhà ở 7 kiệt 3 đường Âm Hồn, Thành Nội, nơi tôi ở nhà vợ sau ngày đám cưới tháng trước, kiệt này xe hơi vào được. Xe đậu trong sân qua một khoảng bụi hàng rào tháo gỡ.

Sáng thứ hai đầu tuần tôi vào Bệnh Viện Trung Ương Huế gặp BS.Lê Khắc Quyến Giám Đốc. Tôi đưa trình giấy giải ngũ để bổ túc hồ sơ tuyển dụng gởi ngay vào bộ Y Tế, Sài Gòn. Chỉ gần tháng sau tôi đến nhận việc ở Bệnh Viện và được cấp ngay nhà riêng, số 5 Ngô Quyền kề cổng sau của Bệnh Viện. Tôi cùng vợ dọn qua ở, nhà rộng song đông người vì mẹ tôi ở Đà Nẵng ra thuê dùm nhiều người giúp việc ở dưới quê lên, kẻ đi chợ nấu ăn, người sai việc vặt, lại mấy mụ giữ em khi nhà tôi sinh nở.
Bệnh viện Huế gồm 1200 giường, cọng thêm 200 giường viện Bài Lao sát cạnh, có số bác sĩ đông hơn bất kỳ một bệnh viện dân sự nào ở miền Nam, hoặc miền Bắc thời đó vì là một Bệnh Viện Trung Ương, rất tập trung. Tuy vậy vào thời điểm cuối năm 1959 lúc tôi đến thì BViện chỉ có 10 bác sĩ trong đó 4 người vừa ở Pháp về Huế

khoảng mới đây một vài năm. Đó là các bác sĩ Đặng Hóa Long, Nguyễn Khoa Nam Anh, Nguyễn Khoa Mân, Lê Văn Điềm. Bốn bác sĩ khác vừa giải ngũ khoảng một hai năm: BS.Tô Đình Cự, Phạm Văn Giàu (cũng học ở Pháp về, trưng tập quân y 2 năm rồi giải ngũ), BS.Nguyễn Duy Chi học từ Hà Nội và tôi BS.LBVận cũng vậy. Ngoài 8 bác sĩ đó lại còn BS.LKQuyến Giám Đốc và BS. Lê Huy Bính sắp về hưu. Kể ra thì còn BS.Thân Trọng Phước đã nghỉ hưu song còn tình nguyện giúp chia trực ngoại khoa cho bệnh viện. Được vài tháng ông nghỉ do bệnh, chỉ nửa năm sau ông mất ở Nguyệt Biều nghe nói vì ung thư cột sống.

Sau ngày tôi giải ngũ, qua đầu năm 1960 bộ Quốc Phòng đình chỉ mọi việc giải ngũ, chỉ cho phép biệt phái ở đâu có nhu cầu về Giáo Dục, Y Tế, các ngành Kỹ Thuật, Chuyên Môn… Quân nhân ở trong tình trạng biệt phái có thể được gọi tái ngũ theo thời cuộc chiến tranh. Trong thực tế các thầy dạy Trung Học dễ được biệt phái và cũng dễ gọi tái ngũ. Các bác sĩ khó xin biệt phái song chưa ai được gọi nhập ngũ trở lại chẳng hạn như các bác sĩ Bệnh Viện Huế và trường ĐHYK.

***

15. Lời Kết

Tôi nhập ngũ trưng tập về Huế cuối hè năm 1957. Cũng cuối hè năm 1957 Đại Học Huế khai giảng niên khóa đầu tiên 1957-58 cho các phân khoa Văn, Luật, Sư Phạm, Khoa Học.
Tôi giải ngũ cuối hè năm 1959 tại Huế. Cũng cuối hè năm đó trường ĐHYK Huế có nghị định được thành lập và khai giảng đúng 2 năm sau bắt đầu từ niên khóa 1961-62 cho lớp YK1, sau khi sinh viên đã học 1 năm dự bị tại trường ĐH Khoa Học.
Tôi tham gia giảng dạy tại trường ĐHYK Huế ngay từ đầu và lãnh đạo Trường vào các năm cuối của chính thể VNCH cho đến ngày 30-4-1975 khi miền Nam sụp đổ.
Cũng như tôi hơn 10 năm trước, các bác sĩ do Trường ĐHYK Huế đào tạo đã được trưng tập phục vụ trong ngành Quân Y Quân Lực VNCH. Điều khác biệt với tôi là các bạn ấy phục vụ trong thời kỳ cuộc chiến khốc liệt, ở mọi binh chủng, ở hậu phương, ở tiền tuyến. Sát cánh với các bạn tốt nghiệp từ trường ĐHYK Sài Gòn họ đã phục vụ với danh dự, lòng quả cảm và tình thương vô biên đối với mọi đối tượng thương bệnh: đồng bào, đồng đội, đối phương theo tinh thần nhân đạo cao cả của ngành Y mà họ tuyên thệ khi ra trường.

Khóa 16 Trưng Tập Quân Y VNCH Quân Y tại chiến trường

Với các bạn cùng khóa 16 Trưng Tập Quân Y tình nguyện vào Nhảy Dù. Hình We Were Once Soldiers QYND1974, từ trái qua phải: Các Y Sĩ Trung Úy Nguyễn Đức Vượng, Nguyễn Văn Thắng, Bùi Cao Đẳng, Vĩnh Chánh, Nguyễn Thành Liêm, Y Sĩ Thiếu Tá Tá Trần Quý Nhiếp, Lê Quang Tiến, Nguyễn Tấn Cương, Dược Sĩ Khánh. (Nguồn: ykhoahuehaingoai.com.)
Ba Y Sĩ Trung Úy thuộc ĐHYK Huế là BCĐẳng, VChánh, LQTiến, bốn Y Sĩ Trung Úy kia: NĐ Vượng, NVThắng, NTLiêm, NTCương thuộc ĐHYK Sài Gòn.)

Nhiều bác sĩ đã viết lại hồi ký rất trung thực.

Tại hậu phương:
*BS.Nguyễn VănTự (ĐHYKH) viết về tình hình QYV Nguyễn Tri Phương, Huế trong biến cố Tết Mậu Thân đầu năm 1968; "*Tại Quân y viện tinh thần phục vụ của các cấp rất cao, bình tĩnh, không lo sợ, và tôi nhận thấy không có vấn đề khác biệt trong đối xử giữa "Bạn" và "Thù" khi cấp cứu hay điều trị…*" (NVTự 'Những Gì Còn Nhớ…' Kỷ Yếu kỷ niệm 50 năm thành lập trường', YKH hải ngoại 2006.)
*BS.Phạm Viết Tú (QYHD5) viết về tình hình Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng: *"TYV Duy Tân dù chật hẹp cũng phải dành một trại riêng biệt để điều trị tù thương binh CS... đã cứu chữa lính CS ở tại mặt trận sau đó di chuyển về các quân y viện để điều trị tiếp,…được nằm mỗi người một giường và điều trị đúng mức không phân biệt…"* (PVTú, Diễn Đàn Cựu SVQY", 2008.)
Nơi tiền tuyến:
*BS.Vĩnh Chánh YKH7 viết: "*Làm sao kể cho xiết những ngày dài lội bộ trong rừng sâu, trên những sườn đồi trơn trợt, lầm lũi quanh co theo chân các binh sĩ, chia nhau từng điếu thuốc, từng ngụm cà phê pha chung với đế, chuyền nhau từng ca cơm dưới những cơn mưa tưởng không bao giờ dứt."* (Vĩnh Chánh, "Tháng Ngày Tao Loạn", ykhoahuehaingoai.com)
*Bác Sĩ nhà văn Lê Văn Châu viết:
… Dưới quyền chỉ huy của tôi là trung đội Quân Y gồm mười sáu y tá và tám cáng viên.
-Bác sĩ ơi, em bị thương!
Tôi quay đầu lại. Người binh sĩ ngồi cạnh tôi ban nãy nằm ngửa người, một tay ôm cổ. Tôi gỡ tay anh ta ra, một giòng máu nhỏ chảy xuống vai. Vết thương nhẹ. Tôi bảo anh ta nằm yên đó rồi chạy về phía xảy ra tiếng nổ... (Trang Châu, "Y sĩ Tiền Tuyến.")
*BS.Hoàng Thế Định YKH2 thuộc Tiểu Đoàn 1 Quân Y, Sư Đoàn 1 Bộ Binh, đã phục vụ 5 năm trong quân đội và 10 năm tù cải tạo viết về trận chiến ở Hạ Lào năm 1971:

"… Chiến sự ngày càng khốc liệt… căn cứ Khe Sanh nhận mỗi ngày hàng trăm quả đạn rocket và đại pháo từ phía địch… Phía Sư Đoàn Dù, bác sĩ Trần Đông A bận rộn với phòng mổ của anh cách chỗ chúng tôi hai ba ngọn đồi đất đỏ.

Tôi chạy từ hầm nầy qua hầm khác rồi tới lều vải để lựa thương, thương binh nào thấy cần giải phẫu tại chỗ, tôi làm ngay, môt số ngoài khả năng chữa trị tại chỗ cần chuyển về Bệnh Viện Tiểu Khu Quảng Trị hoặc Quân Y Viện Nguyễn Tri Phương, tùy mức độ bệnh.

… Ở đây, ngoài việc chữa cho lính mình lại còn cứu mạng cho một sĩ quan Việt Cọng; y bị mảnh đạn ghim vào phổi phải mặt tím ngắc do thở không được, tôi đã giải phẫu làm phổi giả cứu sống anh ta (xem bài viết của cùng tác giả: "Quãng Đời Y Và Nghiệp" trang 116 trong Đặc San Gia Đình ATBĐ Seattle-Washington State 2011.)

Những lần hành quân phối hợp Việt-Mỹ sau đó, toán Quân Y chúng tôi được nhập vào bệnh viện dã chiến 18th Surgery Hospital của Mỹ đóng tại Ái Tử thuộc tỉnh Quảng Trị. Các bác sĩ Mỹ và tôi có giao ước là họ lo cho thương bệnh binh Mỹ và tôi lo cho lính VNCH, nhưng khi mổ thì nếu là bệnh binh Mỹ, bác sĩ Mỹ mổ chính và tôi phụ họ và ngược lại. ("Quãng Đời Y Và Nghiệp" Florida 1/2011.)

Các bút ký trên ghi lại hình ảnh người y sĩ trong quân đội làm đúng thiên chức và trách nhiệm người thầy thuốc "*lương y như từ mẫu*" đối với tất cả mọi đối tượng thương bệnh. Dầu vậy tất cả sau này đều đi tù cải tạo, nhiều kẻ chết trong tù. BS.Phạm Viết Tú kể lại chuyện học tập trong trại cải tạo: "…*người cán bộ nhắc tôi: 'tội của anh to lớn lắm, anh chữa trị cho các thương binh 'ngụy' để chúng quay lại chống phá nhân dân'*.(PVTú.)

Song trên hết qua các câu chuyện kể trên chúng ta thấy hình ảnh của người lính Cọng Hòa đầy tình người, tính người, anh dũng cầm súng bảo vệ mảnh đất tự do, bảo vệ đồng bào sinh sống trên mảnh đất tự do ấy.

Chinh chiến đã đi qua ... Những hình ảnh người Lính Việt Nam Cộng Hòa còn mãi với thời gian…

Các bác sĩ thân mến của trường ĐHYK Huế. Các bạn đã cùng các bạn ở ĐHYK Sài Gòn viết kể lại hoàn cảnh đất nước, vẽ lại hình ảnh cuộc chiến khốc liệt và hoạt động của người y sĩ quân y trong thiên chức người thầy thuốc thời chiến.
Tôi cũng có vinh hạnh phục vụ trong ngành quân y Quân Lực VNCH song trong những năm đất nước thanh bình nhất. Ở miền Nam Việt Nam những năm từ 1954 đến 1963 được kể là an lạc, trong đó các năm từ 1956 đến 1960 là thanh bình tuyệt đối và thịnh vượng. Tôi đã ở trong quân ngũ từ 1957 đến năm 1959.
Nhà văn Chu Tất Tiến cũng có nhận định: *"Tôi nhớ những năm 54-63, chị tôi làm công chức, anh tôi từ Thiếu Úy lên Trung Úy, đóng ở Long Xuyên, mẹ tôi đi buôn bán nhỏ, mà gia đình chúng tôi sống thoải mái, đầy đủ tiện nghi, không bao giờ nghe phàn nàn về vật giá, muốn ăn phở, uống bia thì ra tiệm lúc nào cũng được. Ngoài ra, mẹ tôi còn để dành được khá nhiều, tiền anh tôi gửi về thì cất để dành đám cưới cho anh. Đó là những ngày huy hoàng nhất cho miền Nam, kể cả hơn một triệu người Bắc di cư đã dần dần có cơ ngơi đầy đủ như ở quê nhà."* (Chu Tất Tiến, 26/10/2013.)

Thời bình thế nào thì như tôi đã kể, thời chiến ra sao thì như các bạn đã sống và đã thuật lại, nhờ đó tôi biết.
Dù thời nào nói chung ta có thể trích ra 3 hình ảnh tổng hợp mọi ý nghĩa.
Hình số 1 là hình 'người lính mua báo đọc'. Hình này nói lên **khát vọng tự do tìm hiểu sự thực của nhân dân. Người lính VNCH đang đi hành quân song vẫn bỏ tiền

túi dừng lại mua báo cùng đọc tin tức và nghị luận. Hình bên cho thấy họ đang đọc trang đầu quan trọng nhất của các tờ nhật báo "Độc Lập" và "Trắng Đen" là những tờ báo bán chạy trong số hơn 40 tờ bào hàng ngày. Những nhật báo lâu đời nhất là Thần Chung, Sài Gòn Mới, Tiếng Chuông… và rồi Tiếng Dội, Tin Điển, Tia Sáng, Tự Do, Ngôn Luận, Dân Quyền, Chánh Đạo, Chính Luận, Độc Lập, Trắng Đen, Thời Luận, Xây Dựng, Lẽ Sống, Sống, Sóng Thần, Lửa Việt, Ánh Sáng v.v…Hồi đó miền Nam có tự do báo chí. Báo chí là của tư nhân, muôn màu muôn vẻ, tự do cạnh tranh giành độc giả. Chính phủ không ra báo.

**Hình số 2: 'Vợ lính dắt con thăm chồng ở chiến hào' nói lên tình người.

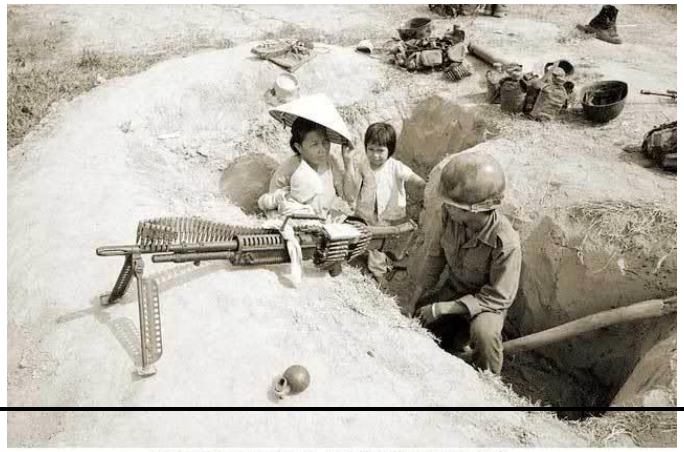

Family members visit an ARVN soldier at the trench

Người chiến binh ngoài mặt trận vẫn luôn nhớ đến gia đình ở nhà. Đây không phải bức ảnh người vợ một mình đi thăm chồng, mà là cả một gia đình đoàn tụ. Người chồng nhớ vợ, nhớ con đã nhắn về và

người vợ đã tay dắt, tay ẳm con thơ lặn lội đi thăm viếng.
Trên ảnh ta thấy trong chiến hào hình chữ 'L' người chồng, một xạ thủ đại liên vừa canh chừng súng, vừa quay nghiêng đầu chuyện trò với vợ con. Trời nắng gắt người vợ tay trái cầm nón che nắng cho con nhỏ, khoảng năm sáu tháng tuổi, ẳm trên tay phải luồn qua nách. Đứa nhỏ đội mũ trắng nhọn chóp, úp mặt vào ngực mẹ, lưng quay về phía cây súng, hai tay quàng mẹ . Đứa chị độ năm sáu tuổi, mắt nheo vì chói nắng, đứng sát bên tay trái mẹ, vịn tay vào hào. Quanh chiến hào ngổn ngang mũ sắt, bốt, bi đông, ba lô…một quả lựu đạn nằm lăn lóc kề cây súng máy. Ba mẹ con muốn xuống được hào này đào sâu gần ngang vai chắc phải do người chồng đỡ hoặc bồng xuống. Tình thương vô bờ bến. Bức tranh gia đình thật cảm động. (21 Mar 1973, Saigon, South Vietnam — Visit with Daddy…A South Vietnamese soldier is visited by his wife and children March 21 while he is on guard duty in trench along Highway 13, some 20 miles north of Saigon. — Image by © Bettmann/CORBIS – Chỉ có ở Việt Nam – Vợ tay bồng tay dắt con thơ thăm chồng đầu tuyến. Đại liên M 60 đạn đã lên nòng, lựu đạn M 67 để sẵn. Đây là một trong những hình ảnh bi tráng của người lính miền Nam vô danh. Cầm súng vì muốn thở tự do….)
Cấp trên ưu ái với chiến binh cùng gia đình đã cho phép cũng như tạo điều kiện cho sự thăm viếng này. Hình ảnh quá đặc biệt về tình người.

**Hình số 3: 'Một binh sĩ dìu một người đàn bà bị thương' nói lên nhiệm vụ bảo vệ nhân dân, giúp đỡ người dân. Trên hình cho thấy người đàn bà bị thương ở đầu gối chân phải, quàng tay phải qua vai người lính chiến để được dìu lết đi. Người lính có dáng điệu rất quan tâm giúp đỡ.

BS.Lê Văn Châu kể lại: "*Tiểu đoàn đóng ở Hoài Sơn được năm hôm. Ở giai đoạn bình định này, công tác duy nhất của các tiểu đoàn Dù là làm dân sự vụ. Các trạm cứu thương khám bệnh, phát thuốc, chích ngừa, băng bó thương tích, gắp mảnh bom đạn cho đồng bào*…" (Trang Châu "Y Sĩ Tiền Tuyến.")
Người chiến binh VNCH luôn giúp đỡ, bảo vệ nhân dân do đó người dân mỗi khi có sự cố luôn chạy về phía họ để được che chở. Sự tin tưởng tuyệt đối này là cả một quá trình. Có mặt các anh lính Quốc Gia người dân cảm thấy đang ở nơi có tình người, an toàn, được thương yêu, được săn sóc, thoát mọi nỗi sợ hãi to lớn có thật. Người lính Quốc Gia ý thức cao sứ mệnh thiêng liêng bảo vệ đồng bào và mảnh đất tự do còn lại của đất nước.

Trong quân đội và ngoài xã hội hình ảnh lúc thời bình khác lúc thời chiến. Tôi muốn ghi lại một ít hình ảnh trong thời thanh bình thịnh vượng, trong quân đội và ngoài đời tinh thần và cuộc sống ra sao để đối chiếu và chia sẻ với các bạn. Đó là những câu chuyện và hình ảnh trong bài viết "Ngày Vui Đời Quân Ngũ" các bạn vừa đọc mà cũng là được viết để thân tặng các bạn.
Các câu chuyện kể trong "Ngày Vui Đời Quân Ngũ" (thời bình) cùng các hình ảnh (thời chiến) tiêu biểu trên cho thấy:
-Nếu miền Nam được sống trong cảnh thanh bình an lạc của những năm thuộc nửa sau của thập kỷ 1950, chẳng bị quấy rầy, phá bĩnh,
-thì với truyền thống đạo đức cổ truyền tốt đẹp của dân tộc được giữ gìn và phát huy,
-cọng với khát vọng tự do tìm hiểu được đáp ứng đầy đủ trong một xã hội có dân chủ,
-sự thịnh vượng theo thời gian sẽ không biết đâu mà kể.
-Nước nhà có độc lập, nhân dân có tự do, trăm họ có hạnh phúc là điều có thật.

Mỗi độ trăng tròn sống xa quê hương, ngắm trăng lại nhớ đến sáng trăng ở quê nhà:

"*Cử đầu vọng minh nguyệt. Đê đầu tư cố hương*"

(Lý Bạch.) Ngẩng đầu nhìn trăng sáng, Cúi đầu nhớ cố hương.
Ngẩng đầu nhớ những ngày vui đời quân ngũ, những ngày thanh bình an lạc của đất nước miền Nam. Cúi đầu nhớ những người lính Cọng Hòa mọi binh chủng: Bộ binh, Dù, Biệt Động, Quân Y...được nhân dân tin cậy, đã không còn đó để bảo vệ dân, những người lính anh dũng đã chấp nhận ngã quị chỉ vì chiến tranh huynh đệ tương tàn.

Săn sóc tù binh tại chiến trường

Săn sóc người già cả

Cho em bé uống nước

Giúp đỡ nhân dân

Lại hồi tưởng chuyện xưa vết xe cũ:

Triệu Việt Vương (chữ Hán: 趙越王; ?-571), tên thật là **Triệu Quang Phục** (趙光復), là vua Việt Nam cai trị từ năm 548 đến năm 571. Ông có công kế tục Lý Nam Đế (Lý Bí) đánh đuổi quân xâm lược nhà Lương, giữ nền độc lập cho nước Vạn Xuân.

Lý Phật Tử, cháu Lý Nam Đế năm 571 bội ước, tấn công bất ngờ cướp ngôi. Triệu Việt Vương thua trận tự tử ở cửa sông Đáy, kết thúc triều đại họ Triệu (tương tự truyện Trọng Thủy, Mị Châu.)

Lý Phật Tử cướp được giang sơn tự xưng là Hậu Lý Nam Đế.

Năm 602 nhà Tùy dùng áp lực quân sự, Lý Phật Tử phải đầu hàng, dâng nước…Tàu trở lại đô hộ ta.

Mãi đến mấy trăm năm sau, năm 939 Ngô Quyền mới đánh đuổi được quân phương bắc, giành lại non sông, độc lập cho nước nhà. Nhưng *«Phước bất trùng lai»* chắc gì lại có được một Ngô Quyền nữa cho dân tộc !

Mỗi lần Tết đến Xuân về lòng bùi ngùi, thương nhớ luyến tiếc.

"Nước Nam trời định vua Nam ở
Lời thần còn đó vẳng bên tai (*)
Dân Nam nước cũ giờ đâu cả?
Nước vẫn vô tình nước chảy xuôi."

(*) Lý Thường Kiệt: "Nam quốc sơn hà Nam đế cư. Tiệt nhiên định phận tại thiên thư."

***

16. Phần Phụ Lục

Bước Tới Đèo Ngang

Trên dãy Trường Sơn núi non trùng trùng điệp điệp hoang vu, vùng cao nguyên hướng Tây còn thấy bóng người thấp thoáng. Ở ngoài động Bản Mê một ngày đầu xuân tiết trời mát mẻ, gió thổi nhẹ, cỏ cây xanh tươi nghiêng mình lướt theo chiều gió. Chim ríu rít ca hót trên cành. Trên một tảng đá phẳng rộng hai hán tử đang ngồi đối mặt nhau, bốn bàn tay cùng chìa thẳng ra trước chạm vào nhau dính chặt. Một người ngồi ở vị trí Nam, y phục còn tươm tất, chắc là chủ nhà. Người kia ngồi ở vị trí Bắc, hướng mặt về Nam, y phục lấm vết bụi đường, chắc là khách từ phương xa đến thách đấu. Hai cao thủ võ lâm đang giao đấu nội lực đến giai đoạn quyết liệt. Họ đã ngồi đó gần nửa buổi.

Trước đó hai cao thủ đã trao đổi trên hai ngàn chiêu không phân thắng bại. Chủ nhà quyền cước vững chắc, thẳng thắn, nội lực sung mãn, khách thì chiêu thức ma quái, trí trá khôn lường, quấy phá chờ cơ hội.

Thêm một giờ trôi qua. Trên đỉnh đầu hán tử chủ nhà bốc lên một làn khí trắng như sương, mặt có phần biến đổi, mồ hôi tháo ra ướt đẫm cả bộ võ phục. Bên kia, trên đỉnh đầu hán tử khách cũng xuất hiện một làn khí trắng, mồ hôi đượm trên vầng trán, thần sắc trầm trọng khác thường. Hai người đấu nội lực đã tới hồi quyết liệt, một mất một còn chẳng ai chịu nhường cho ai, dù có bên nào nhường nhịn cho bên nào cũng chẳng xong, bởi nếu thu ngọn chưởng trước đối thủ sẽ bị luồng kình lực bên kia kích tới, trúng ngay tâm huyệt ngã ra tức khắc. Nạn nhân sẽ chết liền tại trận hoặc bị hoàn toàn phế mất võ công. Do vậy song phương phải tận lực đấu nhau cho đến lúc có một kẻ ngã quị, trừ phi có một người thứ ba võ công cao hơn xen vào tách họ ra để hóa giải.

Nhưng không phải hai đại hán kia là những người duy nhất có mặt trong đấu trường. Ngồi sau lưng đại hán áo vàng chủ nhà, là một lão nhân trạc 60, da trắng, tóc bạc trắng, cằm để một chòm râu dê (không để ria mép) và trang phục màu sắc, chiếc mũ chóp cao sọc đỏ trắng. Ông ngồi ung dung, bàn tay phải ấn vào lưng đệ tử truyền nội lực.
Sau lưng đại hán áo đỏ ngồi ở vị trí bắc có những hai người ngồi cạnh nhau, một người hữu chưởng ấn vào lưng, người kia tả chưởng đặt vào dưới bờ vai của đại hán, cũng để truyền nội lực. Người ngồi mé tả, ý chừng là sư phụ, mặt mập vuông vức, trán lướt, mày râu nhẵn nhụi, ở cằm trái, dưới bờ môi có một nốt ruồi lớn bằng hạt đậu. Người kia ý chừng sư bá, trán ngắn, tóc dày mày rậm, không để râu cằm nhưng hàm ria cá chốt (dưới mũi) rậm rạp dày cộm kéo dài quá mép. Hai người này y phục phẳng phiu, không hoa hòe.

Trận tỷ đấu nội lực này có tầm cỡ rất quan trọng, không những cho vận mệnh hai đại hán mà cho cả thanh danh và quyền lợi của 2 môn phái giang hồ chính tà mà họ là những đại diện. Thực chất đây là một cuộc đấu trí và đầu lực giữa hai bên sư phụ chưởng môn, dùng sinh mạng các đệ tử làm con cờ. Đại hán chủ nhà hóa giải được tất cả các đợt tấn công thí mạng của địch, không lùi một tấc đất, gây tổn thất nặng nhưng khách là kẻ liều mình. Về lâu về dài phía chủ có thế thượng phong. Hiện tại mỗi bên đều hao tổn nặng nhất là phía khách đến.

Đang lúc trai cò níu nhau cò cưa, người đệ tử có sư phụ cằm râu dê, đột nhiên cảm thấy bàn tay sư phụ không còn đặt trên lưng mình. Sư phụ đã buông tay rời khỏi lưng đệ tử, lắc mình trong nháy mắt biến mất dạng khỏi đấu trường.
Đại hán chủ nhà chỉ kịp kêu lên thất thanh một tiếng rồi ngã quay, co rúm, đờ đẫn, thoi thóp thở, máu tươi búng ra khỏi miệng. Nội lực ba người phía khách tràn qua như nước vỡ bờ, như sóng thần ập đến không vật gì cản trở.

Trời đất bỗng tối sầm âm u, mây đen kéo đến, chớp lóe sáng liên hồi, sấm vang rền, gió gào rít ghê rợn. Cảnh vật tợ âm ti. Nhưng được một chốc sấm chớp thưa dần, mây lùi xa, gió ngừng gào thét, ánh dương quang trở lại. Lại thấy nhiều toán đông mai phục đâu dưới chân núi kéo lên hung hổ đón đường hò hét vây bắt… Lại thấy nhiều đoàn người khác, trẻ có già có gồng gánh bế xách chạy tán loạn. Lại thấy biển đông sóng tới tấp lật sấp thuyền bè. Lại thấy những toán người còng tay bước thấp bước cao thiểu não.

Tôi cũng bương bả theo đám người chạy loạn.
Song quái lạ, tôi không hề buồn ngủ mà hai mí mắt cứ trĩu xuống cố nhướng lên nhưng khó khăn, phải lấy tay vạch mí. Buông tay thì mí mắt lại trĩu xuống. Tôi cố sức mở mắt để thấy đường mà chạy với người ta, rán sức nhướng cao cả chân mày và trán thì hai mắt hé ra được một chút để rồi lại sụp xuống. Vật lộn mỏi mệt, tức bực và bất lực với hai mí mắt một hồi, tôi bỗng nhiên giật mình, hai mắt đột nhiên thoát khỏi sự kiềm chế vô hình, bung mở to thao láo nhìn vào bóng đêm.

Thì ra tôi đã nằm mơ, giấc mơ kéo dài cho đến khi tôi giựt mình choàng tỉnh dậy để nhẹ nhõm thấy đôi mắt của mình không việc gì, nhắm mở bình thường, tất cả chỉ là giấc mộng. Mà sao giấc mộng lạ kỳ! Tự nhiên nằm mơ thấy cao thủ giang hồ tỉ đấu nội lực. Hay là đọc truyện chưởng rồi nhập tâm.

Như là những cuộc đấu nội lực sau:
Chu Cáp Thần Công: *Đoàn Dự mặt đỏ như lửa (Chu cáp Thần công) khắp người bao phủ một làn bạch khí tựa hồ nồi nước sôi mở vung ra. Du Thản Chi (Băng tầm dị công) cũng khắp mình từ trên xuống dưới hơi nước bốc ra đóng lại thành một lớp băng mỏng… Hiện trạng này đã thành một cảnh rất kỳ quan… Đường lối võ công của hai người tỉ đấu nội lực vừa đúng ngang sức nhau, khó lòng phân được cao thấp. Hai người bốn bàn tay dính chặt vào nhau…"(*Kim Dung "Thiên Long Bát Bộ".)

Cửu Dương Thần Công: Vô Kỵ đấu nội lực với ba vị sư chùa Thiếu Lâm: *trên đầu ba nhà sư lờ mờ thấy hiện lên một làn hơi, biết là trên trán và đỉnh đầu mồ hôi bị nội lực hâm nóng thành hơi bốc lên, đủ biết ba người đã đến cảnh giới đấu bằng nội lực. Trên đầu Trương Vô Kỵ cũng có thủy khí hiện ra, nhưng thẳng tắp một sợi như cây bút, vừa nhỏ vừa dài tụ mà không tán, rõ ràng nội lực của hắn cao siêu hơn cả ba nhà sư, nhưng hắn lấy một địch ba, nên dần dần vẫn rơi vào thế hạ phong*" (Kim Dung "Cô gái Đồ Long".)

Giấc mơ tôi thấy người ta tỷ đấu nội lực thì chẳng có gì là lạ, nhưng tại sao ông thầy râu dê giữa chừng lại ngang nhiên bỏ rơi đệ tử lúc cuộc chiến đến hồi quyết định khiến người mình bảo trợ chết là cái chắc. Đúng là điều lạ, chưa từng thấy trong võ lâm. Tôi suy nghĩ mãi không ra nhẽ đành phải cho là mộng mị đầu ngô mình sở, chẳng đâu vào đâu. Chắc cũng như mọi giấc mộng dù hung dù kiết, chỉ ít hôm người ta bắt đầu quên dần.

***

Rồi thì cũng hết đêm dài. Sáng hôm sau, tại trường ông Tổng thư ký trình tôi một công điện từ Sài Gòn, cơ quan AMA (American Medical Association) gởi ra cho tôi. Công điện thông báo là hai ông bà Daniel D. Swinney vừa ở Hoa Thịnh Đốn qua sẽ ra thăm Huế và trường ĐHYK đầu tuần sau trong ba hôm. Hôm nay đã là ngày thứ năm.
Ông D. Swinney làm việc tại bộ Y Tế - Giáo Dục tại thủ đô Washington, D.C., Hoa Kỳ. Ông là người chủ quản cố vấn chương trình du học của tôi tại Mỹ mấy năm trước. Tôi rất vui mừng về cuộc viếng thăm này vì 2 lẽ. Thứ nhất là được gặp lại ông

và đón tiếp ông tại Huế trong tư cách người lãnh đạo Trường mà hồi đó ở Mỹ ông cũng không ngờ tới. Thứ hai là tiếp tục tranh thủ vững chắc sự giúp đỡ của cơ quan AMA cho trường ĐHYK Huế. AMA đang hỗ trợ ĐHYK Sài Gòn, từ lâu. Tôi mong thuyết phục được họ mở rộng chương trình hỗ trợ ra ĐHYK Huế. Bác sĩ Norman Hoover và Tiến sĩ Ira Singer của AMA tại Sài Gòn đã ra Huế mấy lần trong năm qua, ngỏ ý tán thành điều này và đang tiến hành mọi thủ tục hành chánh. Trong dự tính của AMA, không cần thiết thiết lập một chương trình mới, chỉ đơn giản chuyển một phần viện trợ ĐHYK Sài Gòn cho ĐHYK Huế. Hiện tại ban giảng huấn của Trường Huế chỉ có 2 người là BS. Tôn Thất Chiểu và BS. Nguyễn Thị Tinh Châu đang học tại Hoa Kỳ. Trong tương lai sẽ có được rất nhiều và nhiều sự giúp đỡ khác mỗi khi sự hỗ trợ của AMA cho ĐHYK Huế được chính thức hóa.
Tuy vậy, điều quan trọng nhất là sự hiện diện tại Huế của AMA dù chỉ là một cơ quan giáo dục đem lại niềm tin, tình hình chiến sự được đánh giá tiếp tục ổn định, sáng sủa.

Tuần lễ nhẹ nhàng trôi qua. Sáng thứ hai đầu tuần tôi vui vẻ đến Trường thì đã có công điện từ AMA Sài Gòn đánh ra từ tối chủ nhật cho biết ông bà D. Swinney đến phút chót không thể ra Huế lý do tình hình an ninh tại địa phương.
Tôi chưng hửng, ngạc nhiên và lo ngại.
Ở Huế bây giờ đang vừa ra Tết, Tết Ất Mão 1975. Huế ăn Tết tưng bừng nhộn nhịp hơn mọi năm, tình hình an ninh trong thị xã rất tốt. Quân khu 1 không có sự đe dọa trực tiếp nào trước mắt. Nhưng vì sao chuyến viếng thăm Huế của ông D. Swinney lại bị hủy bỏ!
Tôi linh cảm một điều gì to lớn sắp xảy ra nhưng không hề nghĩ là một đại họa. Đột nhiên tôi nhớ lại giấc mơ tuần trước, giấc mơ về cuộc tỷ đấu nội lực giữa hai cao thủ võ lâm có sự tiếp sức của các sư phụ, sư bá mỗi bên. Tôi vẫn chưa nghĩ đến sự liên hệ nào rõ ràng.
Từ trước đến nay tôi rất tin tưởng vào sức chiến đấu hiệu quả của quân nhân VNCH. Ở Quân đoàn 1 các trận đánh tái chiếm Huế hồi Tết Mậu Thân năm 1968 và nhất là tái chiếm cổ thành Quảng Trị vào mùa hè đỏ lửa năm 1972 cho thấy người binh sĩ quốc gia can đảm và thiện chiến, đủ sức đương đầu mọi thử thách trong nhiệm vụ bảo vệ dân, bảo vệ phần đất tự do còn lại.

"Nụ cười bên thành cổ Quảng Trị" (bộ đội), tác giả Đoàn Công Tính

TĐ3 và TĐ6 TQLC đã vào được cổ thành và cùng cắm cờ Vàng 3 sọc đỏ lên tường thành ngày 15-9-1972

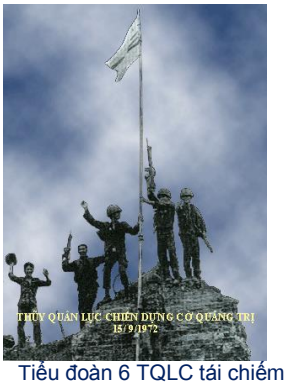

Tiểu đoàn 6 TQLC tái chiếm cổ thành. Mùa hè đỏ lửa 1972

Đọc các phóng sự, hồi ký chiến tranh được viết trong thời đó cũng như nhiều năm sau này kể lại như là sự dũng cảm của quân đội, sự tuẫn tiết của nhiều binh sĩ và

tướng lãnh Quân lực VNCH trong ngày 30/4/1975 và những ngày kế cận, tôi lại càng củng cố niềm tin vào tinh thần và chính nghĩa quốc gia.

Không tìm kiếm đâu xa, tinh thần ấy, chính nghĩa ấy "*cây nhà lá vườn*" những thí dụ có thể thấy ở ngành Quân Y VNCH.
Tại trường ĐHYK Huế các bác sĩ YK1 ra trường năm 1967 cho đến YK8 ra trường năm 1974 đều được trưng tập vào ngành quân y Quân lực VNCH với cấp bậc Y sĩ Trung úy (trưng tập) khóa 10 đến khóa 17. Sau nữa thì chiến tranh chấm dứt.
Nếu tính đổ đồng mỗi năm ở ĐHYK Huế bác sĩ ra trường 40 người thì trong 8 khóa số bác sĩ được trưng tập là 40x8=320. Trường ĐHYK Sài Gòn có đủ 17 khóa Y sĩ trưng tập và số bác sĩ ra trường mỗi năm, không tính bác sĩ nữ cũng phải xấp đôi, xấp ba Huế.
Các bác sĩ quân y hiện diện trong mọi binh chủng Quân lực VNCH.

*BS. Tôn Thất Sang YK3 Huế, Y sĩ Đại úy, Y sĩ trưởng Liên đoàn Công binh chiến đấu đóng tại Đà Nẵng viết:
"*Sau khi ra trường, chúng tôi mỗi người nằm mỗi tiểu đoàn khác nhau, cuốn hút vào những trận đánh ác liệt khắp mọi miền. Hiểm nguy không từ bỏ một ai…"*
Thời gian Quân Y sĩ đi theo tiểu đoàn, có thể nói TQLC là nguy hiểm nhất, anh em hy sinh rất nhiều. Bạn Đỗ Mỹ Ánh (Y Saigon) - Y Sĩ Thủy Quân Lục Chiến - bị hư một mắt trong khi đụng trận…" (Tôn Thất Sang "Y Sĩ Trưng Tập" Diễn Đàn cựu sinh viên quân y 2010.)

*BS. Võ Văn Phác YK7 Huế thì viết:
"*Ra trường tôi chọn binh chủng Biệt Động Quân với cấp bậc Y sĩ Trung úy Biệt Động Quân, đóng tại căn cứ Biệt Động Quân Long Bình, Sài Gòn.*
Tôi tham dự nhiều trận đánh lịch sử và hành quân từ miền Nam đến miền Trung nhất là Phú Mỹ, Bình Định, Kon Tum, và cuối cùng là Pleiku để chứng kiến cảnh di tản của Pleiku khi nơi nầy bị di tản chiến thuật" (Võ Văn Phác "Kỷ Yếu YK Huế" 2009.)
Song thái độ và tinh thần của các quân y sĩ là điều quan trọng nhất.

*BS. Vĩnh Chánh YK7 Huế, Y sĩ Trung úy binh chủng Nhảy Dù kể lại:
"*Đa số được động viên vào quân y với các binh chủng khác nhau như: Bộ Binh, Thủy Quân Lục chiến, Biệt Động Quân, Nhảy Dù…Mang lon Trung úy Quân Y thời đó cũng "oách" lắm chứ"…"* (VC "Y Khoa Huế Khóa 7", Kỷ Yếu YK Huế 2009.)

***** Bác sĩ Nguyễn Văn Quý tốt nghiệp đại học y khoa Sài Gòn năm 1967. Vì là con một nên có điều kiện hoãn dịch, nhưng ông đã tình nguyện nhập ngũ… và xin đổi về làm y sĩ giải phẫu tại An Lộc...Trong suốt 86 ngày An Lộc (1972), bom đạn đã tránh ông nhiều lần kể cả một lần pháo kích ban đêm ngay tại giường ngủ đúng lúc ông đi ngủ lang chỗ khác. Còn đạn pháo kích rơi chung quanh là chuyện rất thường.(BS NVQ "Nhật Ký An Lộc" 470 trang. Văn Nghệ.)

* **TẾT BỒ MƯNG**
Hồi ký của Y sĩ Thiếu Tá NGUYỄN GIA THỌ (Bồ Mưng là tên của một làng nhỏ,

nằm trên quốc lộ Một, phía Nam sông Cẩm Lệ, Quảng Nam.) "*Tôi (Y sĩ Trung úy) phấn chấn đội nón sắt, mặc áo giáp, đeo khẩu Colt vào bụng, đeo băng hồng thập tự vào cánh tay trái, tay phải xách M16, tay trái cầm đèn bấm, ra ban quân y… Tôi cảm thấy lòng đầy nhiệt huyết, nghĩ rằng đây là lần đầu tiên được phục vụ đúng mức cho quê hương, tổ quốc, cho nên hăng hái, xăng xái, chỉ nghĩ đến đơn vị và nhân viên thuộc quyền, quên cả đó là ngày ba mươi tháng chạp năm Đinh Mùi, và giờ ấy vợ con ở Saigon đang sửa soạn đón mừng bước sang năm mới Mậu Thân.*"

* BS. Lê Văn Châu (nhà văn Trang Châu,) phục vụ tại Tiểu Đoàn Quân Y Sư Đoàn Nhảy Dù, tiếc rẻ. "…*Tôi vẫn ước ao lần thử lửa đầu tiên của tôi phải là một trận đánh lớn và là một chiến thắng lớn.*"
Và: "*Buổi chiều trò chuyện với ông tiểu đoàn phó, vị sĩ quan mà tôi có nhiều cảm tình. Tôi hỏi ông có bao giờ cảm thấy sự hy sinh của mình vô ích không? Ông trả lời nếu chiến đấu để bảo vệ một số người thì thật vô ích, nhưng để bảo vệ Miền Nam thì ông sẵn sàng hy sinh khi nào chiến tranh vẫn còn*" (Trang Châu "Y sĩ tiền tuyến" Tập truyện 204 trang Đường Sáng 1970.)

Với tinh thần chiến đấu cao, không nề nguy hiểm, thương vong ắt xẩy đến:
*BS. Lê Ánh biệt hiệu Lê Phú Thọ kể lại: *Một số bác sĩ quân y vừa bổ sung vào binh đoàn tác chiến, sau một thời gian ngắn đã có một vài người hy sinh tại vài mặt trận. …Tin anh bác sĩ Nguyễn Văn Nhứt tử trận tại Đồng Xoài (1965) gây xôn xao, bàng hoàng dư luận tại trường Đại Học Y Khoa Sài Gòn. Bác sĩ Nhứt là một sinh viên nội trú các bệnh viện Sài Gòn Chợ Lớn trước khi anh tốt nghiệp bác sĩ y khoa. Trường Y khoa đào tạo nội trú bệnh viện để chuẩn bị nhân viên giảng huấn cho các bệnh viện và trường Y khoa Đại học… khoảnh khắc trong một hành động vọt chạy cấp cứu, anh lãnh trọn một tràng đạn đại liên xuyên qua nón sắt…*
Nhớ lại năm xưa, Đoàn Mạnh Hoạch đã kiêu hùng lao mình ra khỏi nơi an toàn của chiến xa, chạy hướng về người thương binh đang kêu cứu, để rồi cùng gục ngã với anh em chiến sĩ dưới cơn mưa đạn của trận chiến đang hồi ác liệt.
Một Đỗ Vinh, người y sĩ trong binh chủng Nhảy Dù, với biệt danh "Thiên Thần Mũ Đỏ" đã thực sự thành thiên thần gãy cánh để không bao giờ còn bay xuống trần thế để làm nhiệm vụ cứu nhân độ thế!
Rồi đến Lê Hữu Sanh, người sinh viên nội trú ủy nhiệm một thời của Trung Tâm Bài Lao Bệnh viện Hồng Bàng, cũng đi vào lịch sử trong một cuộc đụng độ với địch vô cùng dữ dội…".

Qua các bài viết của các bác sĩ Quân y hai trường YK Sài Gòn và Huế tôi ý thức sự khốc liệt của chiến tranh là thế nào. Tôi biểu dương sự can trường, lòng yêu nước, yêu đồng bào của các quân y sĩ và tin tưởng quân đội quốc gia cuối cùng tất chiến thắng. Mọi việc tưởng như suôn sẻ, ấy vậy mà nào ai học được chữ "ngờ."

Thứ hai đầu tuần rồi một hai hôm trôi qua yên tĩnh, tôi đang còn bám chút hi vọng ông D. Swinney sẽ có thể ra Huế mỗi khi tình hình an ninh được đánh giá lại không có gì phải e ngại. Thì bỗng nghe nói chiến sự đang bùng nổ mạnh ở Tây Nguyên. Qua giữa tuần sau lại nghe tin quân đội quốc gia di tản chiến lược, rút khỏi Tây Nguyên.

Rồi thì các biến chuyển bất lợi tiếp tục kéo đến thật nhanh chóng. Những tình huống và chi tiết trong giấc mộng xẩy ra cách hai tuần trước lại lãng vãng hiện ra trước mắt tôi và lần này tôi hầu như có một ý niệm lơ mơ về gốc nguồn sự đổ vỡ bất ngờ. Nhưng giấc mộng hé cho biết để làm gì! Tất cả đã là quá muộn…
Giữa tháng ba Huế di tản. Cuối tháng ba Đà Nẵng bỏ ngõ…để rồi tất cả như những quân cờ domino kéo nhau sụp đổ.

*

* *

Sau ngày 30-4-1975 theo chánh sách của nhà cầm quyền mới, thành phần "ngụy" kẻ vượt biên bỏ trốn, người ở lại cho đi kinh tế mới, cho đi học tập cải tạo… Các câu chuyện này thì được kể lại vô số.
Các đối tượng được gọi đi học tập lúc vào trại là những người thể chất rất mạnh khỏe ấy vậy mà chết trong trại cũng nhiều dù chỉ nói là đi học và đã hết chiến tranh. Song cũng có nhiều người học tập tốt được Nhà nước phóng thích sớm, cho trở về với gia đình. Như trường hợp đoàn tụ thật cảm động sau đây của học viên cải tạo Nguyễn Công Vĩnh:

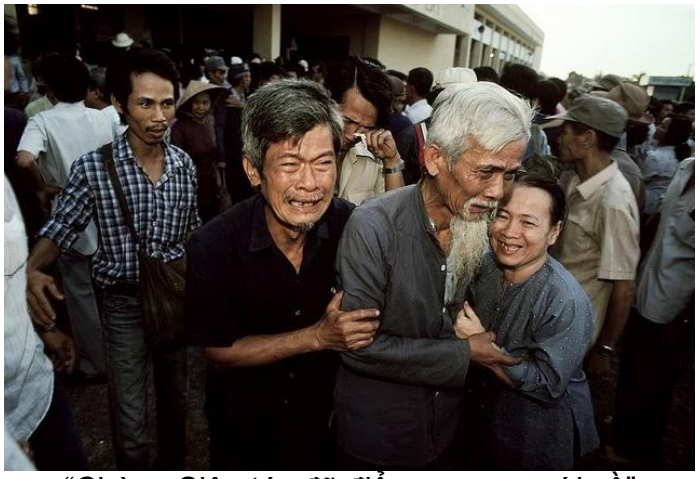

"Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về"

(Đoàn Thị Điểm "Chinh Phụ Ngâm")

Saigon 1988 - Đón người thân "học tập cải tạo"(!) từ miền Bắc trở về tại ga Sàigòn
(Cựu Đại Tá Nguyễn Công Vĩnh - Cựu SVSQ/TVBQGVN/K5)

Người về sau 13 năm *"học tập cải tạo"* tại miền Bắc.
Ngày đi tóc vẫn còn xanh, nay về tóc râu đã bạc, hom hem trong bộ quần áo tù màu xám.
Người vợ sau 13 năm gian khổ mỏi mòn, tóc cũng đã hoa râm, răng cũng rụng dần, nhưng vẫn còn chút xuân sắc của một thời mệnh phụ.
Người con, cằn cỗi với tháng năm trong một xã hội phân biệt đối xử, vì cha anh là tù *"cải tạo"*, nức nở ôm tay cha già, sau anh là người em trai cũng đang lau nước mắt.
(nguồn: internet)

Nghĩ lại các bác sĩ quân y hai trường ĐHYK Sài Gòn và Huế tất cả đều được đi học tập cải tạo, có một số chết trong trại, song những người còn lại rốt cuộc đều được như vậy.
BS. Tôn Thất Sang YK3 Huế, Y sĩ Đại úy, Y sĩ trưởng Tiểu Đoàn Công Binh Chiến Đấu đóng tại Đà Nẵng cũng ở tù cải tạo 13 năm.
BS. Hoàng Thế Định YK2 Huế , Y sĩ Đại úy, Sư đoàn 1 Bộ binh thì ở tù cải tạo 10 năm, nhưng thật là đặc biệt. BS. Định kể lại câu chuyện như sau:

"Tôi trở về trại tù số 1, nơi giam những sĩ quan cấp bậc từ đại úy đến trung tá. Một thời gian ngắn sau, tất cả tù nhân từ 5 trại tù từ thôn Ái Tử tỉnh Quảng Trị được chuyển đến các trại tù ở Bình Điền thuộc tỉnh Thừa Thiên do công an Cộng Sản quản lý.
Ở đây, tất cả tù binh chúng tôi bị quản lý chặt chẽ hơn, lao động khổ sai cực nhọc hơn mà khẩu phần ăn uống lại kém hơn lúc bị giam ở trại tù Ái Tử do bộ đội Cộng Sản giam giữ. Vì vậy mà tất cả tù binh trại tù số 4 đã đứng dậy phản đối sự hà khắc của đám cai tù và chúng tôi đã bị công an Cộng Sản trấn áp dã man. Tôi bị gán vào tội lãnh đạo nhóm "phản động", nên họ chuyển tôi sang giam ở trại tù số 1 là trại trung ương.

Ở đó họ đã tra tấn tôi bằng cách khóa 2 tay ra sau lưng bằng vòng số 8, rồi cột siết hai cánh tay bằng dây dừa, xong kéo người tôi lên xà ngang đủ để mấy ngón chân vừa chạm đến đất. 5 phút đầu tôi không cảm thấy gì lạ, nhưng sau đó, cơn đau như châm chích càng lúc càng mạnh bên trong động mạch hai tay; tôi càng la vì đau đớn thì tim đập càng mạnh và nhanh thì cơn đau càng dữ dội hơn trong mạch máu theo từng nhịp tim đập. Từ hai vòng giây thắt trở xuống, mồ hôi từ trong da thịt tôi chảy thành dòng xuống những ngón tay đang tê dại lần lần.
Tiếng la hét của tôi chắc là lớn lắm, nên một tên công an phòng kế bên cầm một nùi giẻ gắn vào đầu cán chổi định nhét vào miệng tôi, tôi nghiến chặt răng và ngậm kín môi. Nín lặng được một lúc, tôi lại thét lớn. Những người bị tra tấn kiểu nầy không ai chịu đựng đến 1 giờ. Qua 40 phút trong đau đớn tột cùng, tôi không còn chịu đựng được nữa và tôi nhận tội lãnh đạo nhóm nổi dậy. Đến khi chúng cởi trói và mở còng sắt ra, hai tay tôi đã hoàn toàn bị liệt. Chúng tống tôi vào phòng biệt giam. Phòng biệt giam là một cái "hộp" làm bằng những tấm ghi sắt lót sân bay ghép lại, 4 mặt xung quanh cùng nắp và đáy chỉ vỏn vẹn 6 tấc còn chiều cao chừng 1 mét, người tù bị phạt giam trong "hộp" đó chỉ có thể ngồi bó gối hoặc đứng khum người mà thôi. Đúng là tôi đã bị tù trong tù. Vì liệt cả hai tay, nên mỗi lần họ mang thức ăn đến, tôi đã phải ăn như loài vật 4 chân …

Về sau, khi điều tra ra người cầm đầu cuộc nổi dậy, họ nói với tôi: "Anh có biết khi anh khai là lãnh đạo phản loạn là anh lãnh án tử hình không?". Tôi trả lời là tôi đã khai bất cứ điều gì để thoát khỏi cơn đau lúc đó. Bốn tuần sau tay trái của tôi phục hồi dần dần, nhưng tay phải vẫn còn liệt trừ khuỷu tay. Chuyện tù là chuyện dài đầy đau buồn và nhục nhã kể hoài không hết. Tính nhẩm số bác sĩ trong các trại tù Ái Tử có đến 9 người mà một anh đã tự vận bằng thuốc ngừa sốt rét CP (trong "Khóc Bạn"); Florida, tháng 1 năm 2011, BS. HTĐịnh.

"Tội khinh hình trọng". Trại tù cải tạo do công an quản lý lao động cực nhọc hơn, ăn uống lại kém trại cũ do bộ đội giam giữ, nếu tù nhân đứng dậy phản đối thì nói cho cùng chỉ là sự việc bình thường "*đĩ khóc tù van",* tội nhẹ.
Thật vậy phim tài liệu đài CSVN chiếu lại **lịch sử 113 năm trại tù Côn đảo** được cho là địa ngục trần gian giam giữ các người cọng sản, mô tả**:**
Các tù nhân đoàn kết, bướng bỉnh phản đối sự đối xử thô bạo của nhân viên canh tù, cãi vã, làm reo, đe dọa tuyệt thực, vứt đổ thức ăn, nhiều lần gởi yêu sách lên nhà cầm quyền Pháp đòi phóng thích tù nhân và họ cũng được thỏa mãn, mỗi đợt trả tự do năm sáu trăm người như vào các năm 1936,7,8 v.v…Họ lại còn tổ chức sống như một xã hội nhỏ, vẫn theo lời kể của phim tài liệu, tự cai quản: có phân ban ngành, học tập sinh ngữ, giáo dục lý luận CM, kết nạp đồng chí, làm văn nghệ, diễn kịch, ra báo (Tạp chí Côn đảo…), huyền thoại Côn đảo (LBV "Chuyện những con nòng nọc giữ đuôi" ykhoahuehaingoai.com).

Cách đối xử của VNCH giam giữ tù binh bộ đội CS thì như sau:
To: ykhoahue@yahoogroups.com, Monday, September 17, 2012 4:52 PM
Các bạn thân ,
Là cựu Y Sĩ QC , Y sĩ trưởng Trại Tù Binh CS và đã có đi công tác tại Trại Tù Binh Phú Quốc (1973), tôi xin xác nhận Chính Phủ VN Cọng Hòa chúng ta đã đối xử rất nhân đạo với Tù Binh CS.
Về phương diện y tế, chúng tôi đã điều trị đầy đủ thuốc men tại trại cũng như thử nghiệm, X-ray và giải phẫu tại bệnh viện.
Về phương diện ẩm thực thì lúc nào cũng đầy đủ, ít nhất 2 buổi cơm trưa và chiều đều có canh rau và cá, nếu không có thịt heo hay bò. Cơm thì không bao giờ thiếu.
Tù binh được tự do tập thể dục và nếu khéo tay làm thủ công thì trại sẽ mua lại nếu muốn bán. Tù binh phần lớn đều mạnh khỏe ...
Thân ái, Ngô trọng Thọ
(Chú thích: Bác sĩ Ngô Trọng Thọ Khóa 2 (1962) ĐH YKhoa Huế)

Miên man nghĩ đến lối hành xử tương phản của hai bên đối với tù nhân, *"suy một biết mười"* ta có thể thấy bản chất con người man trá, hà khắc. Chương trình bài vở học tập cải tạo khó khăn gì đến mức phải học 13 năm, thời xưa cũng chỉ "*thập niên đăng hỏa*", mười năm đèn sách. (Người lính Quốc gia rất yêu nước, rất có chính nghĩa, không thể buộc tội họ là "ngụy" phải học cải tạo.) Chỉ là tù nhân thì thời gian giam giữ mới lâu dài như thế.

Tôi lại nghĩ đến giấc mơ vừa rồi, muốn hiểu trọn mọi lời nhắn nhủ tất phải nhờ thầy đoán mộng lý giải. Suy nghĩ mãi rồi đối chiếu với thực cảnh cũng có thể giúp ích nhiều.
Hai cao thủ cùng gốc nhưng đã phân nhánh. Chuyện này cũng thường xẩy, chẳng hạn phái "khí tông" và phái "kiếm tông" Hoa Sơn (Kim Dung "Tiếu Ngạo Giang Hồ",) hoặc phái Sunni và phái Shi'ite của Hồi Giáo. Một bên tìm đến bên kia khiêu chiến, đánh nhau mãi không xong, rốt cuộc tỷ đấu nội lực để giải quyết ngã ngũ. Điều này cũng tương tự như shoot out đá bóng hoặc tie break quần vợt. Mỗi bên đều có sư

phụ ngồi sau tiếp dẫn nội lực. Thực chất là các sư phụ đấu nội lực với nhau, nhờ đệ tử làm vật dẫn truyền.
Hai bên đang giằng co thì vị sư phụ bên phía chủ nhà đột nhiên bỏ cuộc, rút lui chiến lược. Khó giải thích. Đấu thủ chủ nhà bị sư phụ bỏ rơi ngang xương, nội lực tiêu tán, võ công phế bỏ, ngã quay bất tỉnh, tha hồ đối phương làm tình làm tội.

Cao thủ áo đỏ toàn thắng, thống nhất giang hồ, muôn năm trừng trị, kêu mưa gọi gió tùy thích trên đám dân lành được học tập tư tưởng phục tùng, hoàn toàn vô cảm: Toàn…toàn… "*Thương nữ bất tri vong quốc hận. Cách giang do xướng Hậu Đình Hoa*"
(Đỗ Mục. Ca nhi chẳng biết hờn mất nước. Cách sông hát khúc Hậu Đình Hoa).
Hậu Đình là "sân sau", Hoa là bông hoa. Bông hoa sân sau. Muốn hiểu "người Hoa sân sau, công dân thứ hạng cũng được.

Tuy vậy sự đời đâu có giản dị. Sư phụ bên thua bỏ đi một nước "*hoàng hạc nhất khứ bất phục phản*", nhưng sư phụ bên thắng bàn tay đặt sẵn ở lưng người đệ tử không rút về, vẫn giữ nguyên vị trí khống chế huyệt đạo của nạn nhân. Chưa biết sư phụ có gài thêm kim độc, băng phù… gì nữa không, "*Ai trong chăn mới biết chăn có rận.*" Chỉ biết điều này giải thích tất cả những diễn biến và hành xử của người đệ tử về sau.

Bàn tay sư phụ, một lông lá đột ngột buông rời tung bay như chim hoàng hạc, một nhẫn nhụi kiên trì bám chặt như đỉa đeo chân. Ít nhất đó là những gì quan trọng suy đoán được từ giấc chiêm bao, và chắc chắn còn nhiều bí ẩn khác như là hai mí mắt nặng trĩu không mở được của tôi… Còn nữa, những hình ảnh trong giấc mộng cảnh báo tương lai tương tự trong thơ văn xưa:

"Bước tới đèo Ngang bóng đã tà.
Cỏ cây chen lá đá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiều vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta".

(Bà huyện Thanh Quan "Qua đèo Ngang.)

Đèo Ngang

Hoành Sơn Quan (Đỉnh đèo Ngang)

Đèo Ngang nằm trên quốc lộ 1A, trên dãy Hoành Sơn đoạn dãy Trường Sơn chạy ngang ra biển Đông. Đèo dài 6 km, đỉnh cao khoảng 250 m giữa Quảng Bình, phía Nam và Hà Tĩnh, phía Bắc. Ngày nay, trên đỉnh đèo Ngang, cửa quan lớn mang tên "Hoành Sơn Quan" (xây dựng dưới triều vua Minh Mạng) vẫn còn nguyên vẹn cùng hai bức tường đá lớn chạy theo hai hướng: vào núi và xuống biển.

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Mượn tiếng Cuốc kêu để diễn tả tâm sự của một người dân vong quốc vẫn là một thông lệ trong văn chương Việt Nam.
Chim Cuốc còn có tên là Đỗ Quyên, Tử Quy hay Đỗ Vũ (tên vua Thục đế bên Tàu, chết vì mất nước, hóa thành chim Quốc, ngày đêm thương nhớ nước phát ra tiếng kêu "quốc quốc" nghĩa là "nước nước"!) Giống chim này, đầu mỏ hơi cong, miệng to đuôi dài, lưng màu tro, bụng sắc trắng có một đường đen thẳng ngang. Nó thường lủi trong bụi rậm dưới ao sâu hoặc hồ rộng.

Chim Cuốc

Chim Đa Đa (Gia Gia)

Cuốc ngực trắng *Nguồn: PhongVu.Blog*

Trong lúc tiếng kêu của chim đa đa (linh hồn một đứa bé lạc vào rừng, chết hóa thành chim) nhớ nhà kêu mãi: "uých! àà àà" thì thật không có tiếng gì kêu bi thảm, não ruột cho bằng tiếng chim Cuốc. Những buổi trưa hè nắng chang chang hay những đêm hè tịch mịch, tiếng chim Cuốc trong những bụi rậm hay trong bụi niễng dưới đầm vọng lên làm lòng người cảm thấy bi ai một cách lạ lùng. Nó gợi lên được sự nhớ nhung thời oanh liệt xưa; làm bừng dậy cái tinh thần ái quốc nồng nàn đương tiềm tàng trong lòng người dân thời nước mất nhà tan…Bà huyện Thanh Quan khi qua đèo Ngang đã mượn tiếng Cuốc kêu để diễn tả tâm trạng thầm kín của mình đối với công nghiệp của triều Lê đã mất:..

Tiếng "Cuốc Kêu Cảm Hứng" của cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến (1835-1909) lại là tất cả tiếng nói tha thiết của lòng một người dân bị mất nước với người Tây dương. Tiếng Cuốc đó còn nói lên một mối đau buồn uất hận của tác giả vì nỗi bất lực trước cảnh đen tối của thời cuộc. Và, đó cũng là tiếng nói của lương tâm thôi thúc tác giả xông pha vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc.
Vì vậy, Nguyễn Khuyến rút ruột hóa thân vào hồn Thục Đế xưa, thành con cuốc gọi hồn nước đến chảy máu cả đêm hè :" *Năm canh máu chảy đêm hè vắng / Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ / Có phải tiếc xuân mà đứng gọi / Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ* " (Cuốc Kêu Cảm Hứng). Bài thơ thật hay, thật đoạn trường, chiêu hồn nước đọc xong muốn khóc.

Những điềm tôi nằm chiêm bao ra Tết Ất Mão, năm 1975 đã thấy ứng nghiệm: dân tộc ta một lần nữa rơi vào cảnh ngộ của bà huyện Thanh Quan và cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến, bi thảm ngâm câu:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Theo thời gian tiếng Cuốc kêu chuyển từ luyến tiếc sang đau buồn và cuối cùng là bi ai.

Bà huyện Thanh Quan nhớ nước là luyến tiếc triều Lê đã mất.
Cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến đau buồn nhớ nước rơi vào tay ngoại nhân.
Nay chúng ta nhớ nước vì nước ta thực sự mất và dân Việt ta trên đà diệt vong. Thật là bi thảm!

"Dừng chân đứng lại trời non nước,
Giống nòi, non nước?? chỉ còn ta!".

Lê bá Vận (Tết Giáp Ngọ 2014)

Mục Lục:

1-Lời Mở Đầu (tr 3-4). **2**-Trình Diện Nhập Ngũ (tr 5-7). **3**-Những Ngày Chuẩn Bị (tr 7-9). **4**-Nhận Nhiệm Sở (tr 9-11). **5**-Thành Mang Cá (tr 11-14). **6**-Tháng Lương Đầu Tiên (tr 14-17). **7**-Người Y Sĩ Trưởng (tr 17-22). **8**-Lái Quân Xa (tr 22-26). **9**-Quân Phục Mùa Đông (tr 26-29). **10**-Hành Quân Văn Xá (tr 30-36). **11**-Bản Đàn Vọng Cổ (tr 36-44). **12**-Trên Đỉnh Hải Vân (tr 44-55). **13**-Chiếc xe hơi TBB117 (tr 55-70). **14**-Giã Từ Quân Ngũ (tr 70-75). **15**-Lời Kết (tr 75-81). **16**-Phụ Lục (tr 81-92). Vài dòng tiểu sử **LBV** (tr 93).

Lê Bá Vận

Vài dòng tiểu sử, chỉ tính đến ngày 30/4/1975.

Nguyên quán : Lệ thủy, Quảng Bình .
Sài Gòn : Tú Tài Pháp , Tú Tài Việt Nam.
Hà Nội : Đại học Y Dược Khoa. Cựu Ngoại trú Bệnh viện .
Sài Gòn : Đại học Y Khoa. Cựu Nội trú Bệnh viện.
Huế : Y sĩ Trung úy trưng tập, Bệnh viện Quân Y Mang cá, Huế.
Từ 1959 đến 30/4/1975: BVTU Huế : Y sĩ
Quốc gia Chính ngạch, Bộ Y Tế.

ĐHYK Huế : Giảng nghiệm viên, Hậu ĐạiHọc Hoa Kỳ
Giảng sư,Giáo sư, Khoa Trưởng ĐHYK Huế.

Y tế Bội tinh , Giáo dục Bội tinh VNCH.
Vợ: Võ thị Lệ Thủy, Luật sư Tòa Thượng thẩm Huế.
Năm con (4 gái 1 trai).